

Diễn Đàn chúc bạn đọc
một năm 1993 tốt đẹp

mục lục

- 2. Diễn Đàn và bạn đọc
- 3. Về sự ghi nhận một vài văn bản (Thuy Khuê)
- Thời sự**
- 1. Đằng sau những số liệu "thắng lợi" (Hải Vân)
- 6. Tin Việt Nam
- 9. Quỹ thời gian hạn hẹp (Bùi Tín)
- 10. Đặng Tiểu Bình và dân chủ (Nguyễn Trọng Nghĩa)

Cộng đồng

- 14. Hỏi đáp về Trung tâm đại học Thăng Long
(phỏng vấn g.s. Bùi Trọng Liễu)

Văn hóa nghệ thuật

- 4. Thơ Lê Bi, Nguyễn Anh
- 15. Bàn tròn với Lê Ngọc Trà (tạp chí Cửa Việt)
- 18. Hoài công (Diễn Đàn)
- 19. Sân khấu kịch Việt Nam
(nghe chuyện đạo diễn Nguyễn Đình Nghi)
- 23. Văn Cao, tiếng hát (Đặng Tiến)
- 26. Nhân sứ (truyện ngắn, Hoà Vang)
- 29. Chuyện làng văn (K.V.)
- 30. Điểm sách mới (Nguyễn Ngọc Giao)
- 31. Đọc sách : Tìm trật tự trong hỗn loạn (Hàn Thuỷ)

Kinh tế

Đằng sau những số liệu "thắng lợi"

Hải Vân

Ôn định giá cả, tăng trưởng kinh tế : bản báo cáo cuối năm 1992 của thủ tướng Võ Văn Kiệt đọc tại quốc hội, ngày 9.12 vừa qua, trình bày một loạt số liệu khẳng định một "thắng lợi tương đối toàn diện về kinh tế". So với năm 1991, thu nhập quốc dân năm 1992 tăng 5,3% (tính theo phương pháp của Liên hiệp quốc, tổng sản phẩm trong nước tăng khoảng 6 - 7%). Sản xuất công nghiệp tăng trưởng với tốc độ cao 14,5%. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục tăng với 4,4%, riêng sản lượng lương thực đạt 24 triệu tấn (tăng 9%). Đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước tăng 25%. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được thực hiện tăng 73%. Ngoại thương xuất siêu, kim ngạch xuất khẩu (khoảng 2,5 tỷ đôla) tăng 19% trong khi kim ngạch nhập khẩu (khoảng 2,45 tỷ đôla) tăng 4%. Bội chi ngân sách nhà nước giảm xuống còn 1.000 tỷ đồng (thay vì 1600 tỷ đồng dự kiến lúc đầu năm) nhờ phần thu tăng 82%. Lạm phát giảm xuống còn 15% (thấp hơn mức dự kiến lúc đầu năm là 35%), tức là giá cả tăng bình quân 1,2% một tháng (thay vì 4,4% một tháng năm 1991).

Theo ông Võ Văn Kiệt, nếu năm 1991 nhà nước Việt Nam "đã trụ được trước thử thách" của sự mất nguồn viện trợ Liên Xô trong khi Mỹ vẫn duy trì cấm vận, thì năm 1992 chính quyền đã "khẳng định khả năng và bản lĩnh vượt qua thử thách đó"; kinh tế Việt Nam đã tự trang trải được các nhu cầu thiết yếu bằng sức của mình và qua trao đổi với bên ngoài.

Kết quả kinh tế này khó có thể chối cãi. Tuy nhiên những số liệu "thắng lợi" cũng có mặt trái của chúng.

Đối với dư luận nước ngoài, mục tiêu ổn định giá cả được đề cao như là quan tâm hàng đầu của chính phủ Việt Nam (mục tiêu đề ra cho năm 1993 là hạ tốc độ lạm phát dưới mức hai con số). Theo một quan điểm kinh tế khá tiền tệ chủ nghĩa (monétarisme) – nhằm lấy điểm với Quỹ tiền tệ quốc tế –, chính quyền coi ổn định giá cả là "tiền đề" để phát triển sản xuất. Và các báo cáo đều nhấn mạnh rằng kìm hãm lạm phát trong năm 1992 đã không dẫn đến suy giảm sản xuất như đã xảy ra năm 1989.

(Xem tiếp trang 5)

Bạn đọc

et

Chân dung

Hoan nghênh Diễn Đàn hai số liền (th.7 và th.9-92) đã đăng 25 bài thơ rất hay của Xuân Sách. Vì những bài thơ này mà tôi háo hức đi tìm tập thơ bị cấm. May nhờ một người bạn tốt cho tôi toàn tập cả 100 bài. Bạn Kiến Văn đã giới thiệu hay và đầy đủ rồi, nhưng vì quá mến tài nhà thơ nên tôi xin được phép nói thêm vài câu về khía cạnh khác :

* Đọc mấy câu đầu bài 29 :

*Cha và con và... họ hàng và...
Hết bay mùa thóc lẩn mùa lạc
Cho nên chiến sĩ thiếu lương ăn*

.....

Tôi liên tưởng đến bài thơ Đường của Tào Nghiệp : **Quan thương thủ**

*Quan thương lão thủ đại như đấu,
Kiến nhân khai thương diệc bất tấu.
Kiện nhí vô lương, bách tính cơ,
Thuỷ khiển triêu triêu nhập quân khẩu ?*

Xin tạm dịch ý :

*Kho công có chuột bự,
Thấy người nó cộc sọ.
Quân, dân đối, đối meo,
Thóc gạo vào mõm nó !*

* Hoặc hai câu đầu bài 51 (Bà Nguyễn thị Ngọc Tú ?) :

*Đất làng vừa một tấc
Bao nhiêu người đến cày*

Tôi liên tưởng đến câu : *An Nam nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh*¹.

Nguyễn Hữu Thành (Paris)

(1) Đời Lê mạt, có sứ Trung Quốc sang ta. Đoàn Thị Điểm giả làm cô hàng bán nước, vờ ngồi hờ hênh. Sứ Trung Quốc trêu ghẹo, đọc bốn câu trên đây, nghĩa là : Một tấc đất An Nam, không biết mấy người cày. Cô Điểm đổi lại : Bắc quốc đại trượng phu, gai do thủ đỗ xuất. Nghĩa là : Các trượng phu nước Bắc, ở đấy mà ra cả.

Chủ ngữ

Tôi vừa từ Việt Nam về (từ Pháp về Việt Nam hay là ngược lại cũng là về cả !)...

Sài Gòn so với cách đây hai năm rưỡi thì đã đổi hẳn, hay ít nữa là bộ mặt ngoài. Những bảng khẩu hiệu đã được thay thế bằng những pan-nô quảng cáo to tướng, viết bằng đủ thứ tiếng (Anh, Pháp, Tàu, Nhụt...). Ở xóm tôi, gần chợ Bà Chiểu, sáng sớm không còn bị loa phóng “tiếng nói của nhân dân thành phố HCM” đánh thức nữa, thay vào đó là nạn karaoke (Cara : O.K!), là dịch karaoke (Nhạc đệm thu băng sẵn, người chỉ việc hát theo – chú thích của DĐ). Những bài “cách mạng” sao không nghe ai hát nữa, cả trên TV! Thậm chí có ông hàng xóm ngày ngày cứ vặn đài BBC to lên không kém gì máy karaoke! Đặc biệt có người đã nghe “Radio Irina” phát đi từ

Mạc Tư Khoa. Có người nghe đài Moscou đó (người ta vẫn gọi là đài Moscou) đã lập lại với tôi rằng bà ta (Irina) có nói đại khái : chúng tôi có trách nhiệm đặc biệt trong sự nghiệp giải độc cho Việt Nam, vì bao năm nay chúng tôi đã truyền bá chủ nghĩa cộng sản cho Việt Nam !

Vô ra sân bay cũng vẫn còn lâu và phiền hà. Vô tốn thì giờ hơn ra (hơn hai tiếng)... Hải quan coi bộ không chú trọng sách báo mang ra, vô, mà chỉ quan tâm đến cátxét, nhứt là cátxét vidêô. Phải qua sở văn hoá kiểm duyệt, niêm phong. Muốn được niêm phong và trả tiền cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam niêm phong cũng không phải đơn giản, phải đi tới đi lui trọn buổi, chen lấn, như trong chợ chòm hòm (có người lại bị móc túi)... Tôi đã đi cho niêm phong cả chục lần, nhưng cũng chưa quen. Cái nhãn in “Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” phía trên và hai chữ to tướng NIÊM PHONG ở giữa vẫn cứ đập vào mắt tôi, như một biểu tượng của biểu tượng. Lần nào cũng hậm hực muốn thay cái quốc ngôn đó bằng “Thủ tục - Đăng ký - Tiêu chuẩn” cho nó trùng hợp. Đó quả là ba chủ ngữ mà từ hồi 75 mới học được...

(Lê Na, Toulouse)

Chênh choáng

Sau khi đọc lại bài “Dân tộc và dân chủ”, (DĐ số 11) tôi vẫn không hề thấy tác giả đã “rẻ rúng dân tộc mình”, như chị Thu Trang viết (DĐ 13), cũng không hề thấy “thất vọng và hối” phần uất ! ” như chị Mimi H. (DĐ 14). Có điều phải nói là, trong bài này, tác giả đã có phần nào chênh choáng, gây ấn tượng chệch choạng (viết theo kiểu Đặng Tiến?).

Chính cái cảm giác chênh choáng này đã khiến cho bài viết chưa thấy có ai thông cảm đã thấy có người “kẹt” cảm. Tôi viết “chênh choáng” là vì nhận thấy tác giả đã nhấn hơi mạnh và nói hơi thẳng về sự đối lập giữa “tinh thần quốc gia hẹp hòi” và “tinh thần nhân loại rộng mở”, qua câu chuyện người nước Sở mất cung.

Dù sao, tuy không “bắn khoan mãi” như chị Thu Trang, tôi vẫn nghĩ : biết đâu, nhờ những “nuối tiếc” của chị mà tôi lại được đọc bài “Văn Cao, Lá khát vọng” của “một cây bút bình thơ ở hải ngoại rất hiếm có” này. (Tôi vốn chưa được quen anh Đặng Tiến và chị Thu Trang, không biết viết thế này có sao không?).

Lễ Vu Lan với Văn tế cô hồn

Chúng tôi nhận được tập **Lễ Vu Lan với Văn tế cô hồn** của giáo sư Hoàng Xuân Hãn, do Hội Phật tử Việt Nam tại Pháp gửi tặng.

Đây là một công trình khảo cứu và hiệu đính công phu của học giả Hoàng Xuân Hãn đã đăng trong Tạp chí Văn học (Viện Văn học, Hà Nội), số 2 năm 1977, nay cho phép Hội Phật tử Việt Nam tại Pháp xuất bản lại. Diễn Đàn chân thành cảm ơn Hội Phật tử Việt Nam tại Pháp và xin trân trọng giới thiệu tài liệu quý báu này với bạn đọc.

Tài liệu dày 34 trang, giá 50 F, có thể hỏi mua tại Trúc Lâm thiền viện, 9 rue de Neuchâtel, 91120 Villebon sur Yvette. Bạn đọc ở xa có thể đặt mua qua bưu điện cũng tại địa chỉ trên, cộng thêm cước phí 11 F (Pháp và châu Âu), ngân phiếu xin đề A.B.V.F.

Sau hết, xin cảm ơn các chị Thu Trang và Mimi H. đã “mở lối” cho tôi được dịp trình bày những cảm tưởng của mình về một bài viết mà tôi vẫn nghĩ là có nhiều chỗ rất đáng suy ngẫm này.

Lê Văn (Hitachi, Nhật Bản)

Hãy nghĩ đến nông dân !

Theo chúng tôi, bài viết (trên DiỄn ĐÀn) cần làm thế nào đi sâu vào đại chúng để có thêm lực lượng – mà lại là nòng cốt – “cho hướng đổi mới ở quê hương trong tương lai”. Ngoài ra, bài viết của học viên hay nghiên cứu sinh đi ra nước ngoài vẫn có tác dụng thực tiễn cho biết tâm tư, thực trạng người dân XHCN.

Trong chiều hướng này, chúng tôi trang trọng kính gửi đến quý báo bài mộc mạc, rất “nông dân” đính kèm.

(...)

Nay đất Mẹ, kẻ ngoại xâm vắng bóng
Người nông dân đã được hưởng những gì ?
Liên khu năm vẫn ăn độn khoai mì
Gạo xuất khẩu ... do mưu đồ triệu phú.
Con của họ vẫn “biên cương lính thú”
Nhà trống không, bịnh tật thiếu thuốc men
Ra thị thành, không sống nổi bon chen
Đành “bám đất”, kiếp nhà nông khổn khổ.
Hỡi lương tri ! đảng độc quyền có rõ ?
Nỗi đau thương dân sống khổn triền miên
Từ nông dân đến chính cả thọ thuyền
Vẫn nheo nhóc sau huy hoàng đại thắng !
(...)

Võ Mộc Tuyên (Bordeaux)

Ngoài ra DiỄn ĐÀn còn nhận được thư và bài của các bạn Minh Tự (Paris), Văn Bá (Montreuil), Vũ Ngọc Nhung (Thành phố HCM), Huỳnh Mạnh Tiên (Paris) và của một số bạn khác mà chúng tôi đã trả lời bằng thư riêng. Xin chân thành cảm ơn tất cả. Bài không đăng trong hai số liền xin các bạn tự ý nghi sử dụng.

Phiếu mua báo DiỄn ĐÀn

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo DiỄn ĐÀn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIỄN ĐÀN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu
ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của
Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ứng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ :
DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).
Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN,
Am Stadtpark 6, 8458 SULZBACH-ROSENBERG hoặc
chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)
TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-
ROSENBERG, Konto : № 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc viết

Về sự ghi nhận một vài văn bản

Bài *Dân chủ và dân tộc* của Đặng Tiến (DiỄn ĐÀn số 11) và bài *Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn thế nữa* của Thế Uyên (DiỄn ĐÀn số 13) gây một số phản ứng. Riêng hai bài viết của chị Thu Trang *Không nên rẽ rúng* (ĐĐ số 13) và *Tạm gọi là gấp gáp* (ĐĐ 14) có những ngộ nhận đáng tiếc rồi từ đó đưa ra những suy diễn không nghiêm chỉnh về hai nhà văn Đặng Tiến và Thế Uyên.

1) Trường hợp Đặng Tiến : Trong bài *Dân chủ và dân tộc*, ngay hàng đầu Đặng Tiến đã tóm lược nội dung : “ Thủ đặt vấn đề : Trong hoàn cảnh nào tinh thần dân tộc thúc đẩy vận trình dân chủ và ngược lại, đến chừng mức nào cũng tinh thần dân tộc ấy làm trở ngại bước tiến dân chủ ”. Và trong suốt bài tiểu luận, Đặng Tiến khai triển tiêu đề chủ lực đó : nêu lên cả khía cạnh tiêu cực lẫn khía cạnh tích cực trong tinh thần dân tộc để chứng minh rằng chính những khía cạnh tiêu cực đã làm trở ngại bước tiến của dân chủ.

Tiếc rằng chị Thu Trang chỉ nhầm vào những điểm tiêu cực của tinh thần dân tộc mà tác giả đề ra và coi như một sự “thỏa mạ” “đụng chạm đến tự ái dân tộc”.

Đặc biệt có những nhận định chính xác đã bị chị hiểu lầm một cách trầm trọng :

– Việc “xưng bác với nhân dân là phi dân chủ”. Đặng Tiến đúng. Trên căn bản dân chủ, mọi công dân đều bình đẳng : không ai là chú, bác của ai. Trong gia đình, cách xưng hô : chú, bác, cô, dì... thoát thai từ truyền thống. Ở các xã hội dân chủ, không có cấp, bậc trong cách xưng hô : con cháu có quyền tutoyer với ông, bà, cha, mẹ. Gia đình và dân chủ là hai giá trị khác nhau.

– Khi viết : “ Một mặt khác, người cộng sản đã lạm dụng tinh thần dân tộc để áp đặt chế độ cộng sản lên đất nước. Và hiện đang tiếp tục lạm dụng hai chữ dân tộc để duy trì chính sách toàn trị độc tài thoái hóa đó (...) nhưng trong quần chúng vẫn có người nghe vì tâm khảm họ vẫn còn gìn giữ hình ảnh người cộng sản gắn liền với cuộc kháng chiến gian lao của dân tộc giành lại độc lập và thống nhất.” Đặng Tiến không hề “phủ nhận dù một phần nào những trang sử này”, do đó không thể kết tội anh đã “phản bội tinh thần và quyền lợi dân tộc” (như lời chị Thu Trang).

2) Trường hợp Thế Uyên : – Khi Thế Uyên viết : “Và với một quá khứ và một vị trí quan sát như vậy, tôi đã đi đến một vài kết luận, một số vấn đề, cho dân tộc Việt Nam ở nội địa cũng như ở hải ngoại”.

Chữ “cho” ở đây là giới từ, chị Thu Trang hiểu lầm là đồng từ (tiếng Pháp rõ hơn : khác nghĩa giữa pour và donner) và gán cho Thế Uyên ý đồ muốn “cho dân tộc Việt Nam” cái gì, rồi tưởng tượng ra là “quà”, để từ chối. Khổ thật. Thế Uyên có cho cái gì đâu ?

– Câu “... người Việt mới cương quyết đặt ra vấn đề duy tân, dù là rất trẻ”. Thế Uyên viết duy tân (không hoa) kèm theo chữ vấn đề, trong nghĩa thông thường : đổi mới (réforme). Không thể đồng hoá với Duy Tân (viết hoa) là tên vua Duy Tân (1907 - 1916) hoặc tên phong trào Duy Tân buổi đầu thế

kỷ (như chị Thu Trang đã hiểu).

Những “ đỉnh cao ” của dân Việt, mọi người biết cả rồi. Hai bài viết của Đặng Tiến và Thế Uyên cố tình nhấn mạnh vào những nhược điểm của người Việt Nam : tinh thần dân tộc thái quá, óc bảo thủ, óc thiếu sáng tạo, v.v...không phải với ý đồ “ *thoá mạ* ” hoặc “ *quay lưng lại với nguồn gốc của mình* ”, mà ngược lại với mục đích nhìn vào những điểm tiêu cực của mình để tìm cách duy tân, tiến bộ.

Anh Bùi Mộng Hùng, đã có một bài viết tâm huyết, **A**nghiem chỉnh và công phu¹, phân tích những dữ kiện lịch sử trong quá khứ một cách sáng suốt và trung thực. Tuy nhiên, có một điểm anh chưa đề cập tới đó là *anh hưởng của Liên Xô đối với Việt Nam dân chủ cộng hoà*. Điểm thứ nhì : Tiếc rằng anh đã viết trong tinh thần trả lời thái độ “ *muốn xoá bỏ quá khứ* ” của Thế Uyên và Vương Hữu Bột. Theo tôi, khi Thế Uyên và Vương Hữu Bột nói đến “ *xoá bỏ quá khứ* ” là các anh ấy muốn nói : “ *vì hiện tại mà quên quá khứ đi* ”, “ *xoá bỏ hận thù đi* ”. (Ý này áp dụng cho thành phần bại trận nhiều hơn thành phần thắng trận : thua mới hận, thắng thì cần gì phải hận thù, do đó có gì mà xoá bỏ).

Kỳ dư, ai có quá khứ oai hùng, ai không có, tự mình mình biết, tự mình mình hay. Đuối làm sao được.

Những dòng trên chỉ cốt nói một điều :

Những chân lý nhiều khi đậm chán tại chỗ.

Những nghịch lý giúp người ta tiến bộ. Có khi vì chân lý, hoặc cái mình cho là chân lý, mà con người giam mình vào ghetto.

Thuy Khuê (17.12.92)

¹. *Nói chuyện với những người bạn*, **Diễn đàn** số 14.

“ *Trả lời* ” một thái độ của những anh những chị đã can đảm di ngược lại tâm tư của một số đông trong môi trường của các anh các chị ? Có lẽ “ *góp ý* ” sát với lòng và ý của chúng tôi hơn, chị Thuy Khuê à. Góp ý từ quan điểm không nên quên những nguyên nhân đã làm cho biết bao người công dân Việt Nam vô tội phải cam chịu oan khuất, khổ nhục đắng cay. Mà theo chúng tôi một trong những nguyên nhân chính là lối nhìn giản lược vấn đề chỉ còn hai cực đối nhau, chỉ có thể là trắng và đen, thiên thần và quỷ dữ, chính nghĩa và phản động, kẻ thắng và người bại, hận thù chất ngất cả đôi bên... Lối nhìn không phải chỉ riêng của những người đã tự cho phép đây là giam giữ trong hàng chục năm đồng bào của mình mà đa số chỉ mắc cái tội sinh trưởng bên kia vĩ tuyến. Từ quan điểm xét vấn đề với mọi kích thước phức tạp của nó, thì không có một Chân lý viết hoa mà chỉ có những lối nhìn khác nhau. Cần cùng nhau thảo luận bàn bạc nghiêm chỉnh trong tôn trọng lẫn nhau. Và trên **Diễn đàn** đã bắt đầu có những trao đổi trong tinh thần này.

Có lẽ đấy cũng là quan điểm những cá nhân nhỏ bé đã hành động theo lương tri của mình, thành thật nhìn lại chẳng thấy đâu là oai hùng mà chỉ thấy thiếu sót, trật vuột, đôi khi không tránh khỏi lố bịch, như cái nhìn của Nguyễn Quang Lập trong Những mảnh đời đen trắng mà chị đã vui lòng giới thiệu trong một bài **Diễn đàn** số 22 trong số sau, như của Phan Nhật Nam, của Bảo Ninh... Nhìn từ quan điểm này thì đau xót những mất mát của đồng bào, thì ghi nhận như là cái được chung sự kiện đất nước toàn vẹn, chủ quyền về ta, thì nhận định thiếu tự do, thiếu dân chủ là cái thiếu chung cho cả mọi công dân rất khác nhau về quan điểm, quyền lợi, chính kiến... và tôn trọng lẫn nhau trong công cuộc cùng nhau sát cánh đòi tự do, đòi dân chủ.

(xem tiếp trang 13)

Thơ Lê Bi

Điễn Đàn trân trọng giới thiệu với bạn đọc
tập **Thơ Trích** của Lê Bi, do Tủ sách Người
Dân (P.O. Box 2674, Costa Mesa, CA
92628, USA) xuất bản.

Sau này

*Chỉ có một con trăng, mà anh đã đêm bao lần
Lịch sử có bao người nhìn trăng mà nhớ nước ?
Những con trăng soi giùm anh tổ quốc
Hồi sau này, còn bao kẻ phải nhìn trăng.*

Màu xanh

*15 năm xưa ai biết trăng màu xanh
Khi xa nhà đâu ngờ màu xanh còn mãi
Em cũng hoá màu xanh ở lại.*

Thi nghiệp

*15 năm của Thuý còn có ngày tái hợp
15 năm của ta vẫn ngã ba đường
Thuý Kiều ôi, làm sao em biết
Bao kiếp đoạn trường
đã sinh từ tính mệnh quê hương.*

*Hình như mỗi chúng ta
đều cưu mang ngàn tiếng sóng
Hay nghiệp dì quê hương Nguyễn Du
đã nhìn ra từ trước
Mấy trăm năm còn lồng lộng đến bây giờ.*

Thơ Nguyễn Anh

Nụ hôn của nàng tây phương

Nụ hôn nàng gieo tâm bão lồng ta !
Bờ môi mềm
tóc vàng nâu
gió rối...
vẫn dịu dàng mơn trớn những chàng trai
Tuổi Mười Tám tim nàng không biên giới

*
* *

Mùa thu qua bình thường trên cỏ biếc
Theo chân nàng hoa, lá - ngắn ngơ, bay
Như đồng tới tuyết phủ trời trắng đất
Lại thêm mùa đôi gấu ngủ đông...

nhung nàng quá vô tình
đặt nụ hôn nhầm lên trái tim thi sỹ.

Berlin, cuối thu 1992

Đằng sau những số liệu “ thắng lợi ”

(Tiếp theo trang 1)

Điều mà những báo cáo không nói là lạm phát đã được kiềm chế không chỉ vì sản xuất và năng suất có tăng. Còn có vai trò quan trọng của hàng nhập lậu đã tràn ngập thị trường quốc gia, làm điêu đứng nhiều ngành sản xuất nội địa. Tương quan giữa giá cả nội địa và hàng nhập lậu khá rõ từ khi chánh quyền tiến hành chánh sách chống lạm phát vào năm 1989 cũng là năm buôn lậu bắt đầu phát triển công khai và vô tội vạ. Cục trưởng thống kê Lê Ngọc Huệ xác nhận điều đó khi cho rằng hiệu quả của biện pháp chống buôn lậu có thể đo qua chỉ số giá sinh hoạt : chẳng hạn khi chỉ số này tăng lên 1,7 % trong tháng 10 thay vì 1 % trước đó (*Tuổi Trẻ*, 28.11.92).

Nhân tố quan trọng khác đã có tác dụng kìm giữ giá cả nội địa, đó là tỷ giá đôla giảm sút liên tục từ đầu năm : hơn 25 % trong cả năm 1992. Sự không ổn định này đang gây thiệt hại nặng cho hoạt động xuất khẩu và cho việc sản xuất nhiều mặt hàng nông sản. Thống đốc Ngân hàng nhà nước Cao Sĩ Kiêm cho biết rằng, với một tỷ giá dưới 11 000 đồng/dôla, các mặt hàng xuất khẩu như hải sản, cao su, trà, đậu phụng hiện đang bị lỗ. Còn nếu đôla hạ giá dưới mức 10 500 đồng thì gạo xuất khẩu cũng sẽ bị lỗ. Vào trung tuần tháng 12, tỷ giá đôla xuống đến mức 10 600 đồng, và Ngân hàng nhà nước Việt Nam phải ráo riết mua đôla để cố giữ tỷ giá ở trên mức nguy kịch đó (*Sài Gòn Giải phóng*, 9.11.92).

Hơn thế nữa, trong nền kinh tế thị trường, nông dân càng được mùa, giá nông sản càng hạ, và hiện có chiều hướng giảm dưới giá thành sản xuất. Đó là trường hợp của lúa : với chi phí sản xuất như hiện nay, giá lúa phải trên 25 000 đồng/giá (một giá = 22 kg) thì nông dân mới có lãi. Trong khi, vào thời điểm tháng 12 vừa qua, giá mua lúa trên thị trường biến động giữa 19 và 22 000 đồng/giá. Trong điều kiện đó, những người trồng lúa, nếu không bỏ nghề, thì cũng không thể an tâm mà sản xuất. Những người trồng mía và nuôi heo cũng đang ở trong một hoàn cảnh tương tự (*Tuổi Trẻ*, 3.12.92).

2 Đầu tư mới thật là “ tiền đề ” của mọi quá trình tăng trưởng kinh tế. Đề cập vấn đề này, bản báo cáo của chánh phủ xác nhận rằng với thu nhập quốc dân cũng như ngân sách nhà nước hiện tại, kinh tế Việt Nam chỉ trang trải tiêu dùng, “ không có tích luỹ ”. Tính chung hai năm 1991 và 1992, mọi nguồn đầu tư chỉ được khoảng 2 tỷ đôla, chủ yếu là vốn nước ngoài và thu khấu hao cơ bản.

Sau gần 5 năm thực hiện luật đầu tư, tổng số vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam không quá 3,6 tỷ đôla (tính đến ngày 31.10.92) trong đó mới có một phần ba được đưa vào hoạt động, và hầu như không có dự án nào đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Song điều “ không bình thường ” – theo lời thủ tướng Võ Văn Kiệt – là nhà nước Việt Nam có luật đầu tư nước ngoài nhưng vẫn chưa có “ luật đầu tư trong nước ”, chưa có quan tâm nâng đỡ doanh nghiệp Việt Nam, thậm chí lại ưu đãi người kinh doanh nước ngoài hơn người kinh doanh trong nước. Lãnh đạo bao nhiêu năm nền kinh tế Việt Nam, ông Kiệt hôm nay thừa nhận rằng nếu có chánh sách thỏa đáng, tạo môi trường thuận lợi cho người đầu tư trong nước thì người dân “ sẽ bỏ tiêu

pha, lãng phí, ra sức tiết kiệm để làm giàu ; sẽ không cất giữ vàng và đôla, sẽ đưa vốn vào sản xuất kinh doanh sinh lợi trước khi xây nhà mới khang trang, mua sắm các đồ dùng đắt tiền ; sẽ đưa công sức, trí tuệ, tiền vốn vào những hoạt động sinh lãi bằng hiệu quả thực tế chứ không chạy theo kinh doanh chụp giật, nhất thời ”. Lời đánh giá này vừa khẳng định khả năng tiết kiệm đầu tư của xã hội Việt Nam ngay khi thu nhập đầu người còn thấp, vừa qui rõ trách nhiệm của người lãnh đạo khi không vận động được nguồn lực của bản thân xã hội. Điểm mà đến nay ông Kiệt vẫn không công nhận là, để làm được điều đó, không thể chỉ ban hành những biện pháp thuần túy kinh tế (về thuế, tín dụng, giá cả, đất đai...). Tạo một “ môi trường thuận lợi ” còn đòi hỏi ở nhà cầm quyền một thái độ cởi mở về tư tưởng và chính trị, coi trọng yêu cầu dân chủ của xã hội (trước tiên là quyền độc lập suy nghĩ và tự do phát biểu ý kiến của người dân). Ông Kiệt có lẽ lần tránh vẫn để này đến bao giờ ?

Đề cập đến nguồn đầu tư nhà nước, bản báo cáo của chánh phủ nhận xét rằng trong khi ngân sách còn eo hẹp, không chi cho đầu tư được bao nhiêu, “ thì tài sản và vốn của nhà nước lại bị lãng phí, bị đục khoét khá phổ biến ”. Theo ông Vũ Đình Cụ, chủ nhiệm Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường của quốc hội, có khi đến 30 % chi phí xây dựng cơ bản bị thất thoát (với khoảng 6 000 tỷ đồng xây dựng cơ bản dự kiến trong năm 1993, người ta có thể thử tính số tiền sẽ còn bị mất mát). Một số liệu khác chưa đầy đủ cho biết những vụ tham nhũng được phát hiện trong năm 1992 đã gây thiệt hại hơn 92 tỷ đồng. Còn về tình trạng thất thu thuế, bộ thương mại đã phát hiện 170 tỷ đồng trốn lậu thuế. Và trong khi các xí nghiệp quốc doanh nợ thuế đến 400 tỷ đồng, 20 đến 25% doanh số các xí nghiệp ngoài quốc doanh hiện nay trốn thuế (*Tuổi Trẻ Chủ nhật*, 13.12.92).

Riêng về hoạt động buôn lậu, một báo cáo của bộ tài chính ước tính hàng nhập lậu trong 9 tháng đầu năm 1992 là khoảng 12 000 tỷ đồng (hơn 1 tỷ đôla). Trong cùng thời gian đó, khối lượng hàng lậu bị bắt giữ được trị giá 120 tỷ đồng (*Thanh Niên*, 13.12.92). Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Vương Hữu Nhơn, còn cho biết những tháng cuối năm 1992 đã chứng kiến hàng nhập lậu (mà nguồn chính hiện là Trung quốc) tăng nhiều so với những tháng trước đó. Ông nhấn mạnh rằng hoạt động buôn lậu này sử dụng mọi phương tiện của nhà nước “ một cách ung dung nếu không nói là công khai ” (*Thời báo kinh tế Sài Gòn*, 5.11.92).

Nói đến cuộc đấu tranh bài trừ tham nhũng và buôn lậu, thủ tướng Võ Văn Kiệt tuyên bố “ dứt khoát không đánh trống bỏ dùi ”. Đồng thời ông lại chỉ thị tiến hành cuộc đấu tranh này mà “ không gây ra không khí nặng nề, căng thẳng ; không để kẻ địch, bọn xấu lợi dụng ” (quyết định ngày 21.11.92). Không ai dám nghĩ rằng bộ máy chánh quyền có thể tự trong sạch hoá khi tham nhũng và buôn lậu đã trở thành phương tiện sinh sống, nếu không nói là lẽ tồn tại hiện nay của người cầm quyền, kể cả ở cấp lãnh đạo cao nhất. Chỉ có dân chủ – thể hiện trước hết trong quyền tự do của báo chí, vai trò của công luận – mới có khả năng lành mạnh hoá nhà nước. Sức mạnh dân chủ này, ông Kiệt vẫn không muốn nghe nói đến.

Hải Vân

Tin Việt Nam

Quốc hội sửa đổi luật đầu tư

Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số điều khoản sửa đổi luật đầu tư, nhằm đáp ứng những đòi hỏi của các nhà tư bản nước ngoài muốn được những điều kiện đầu tư thuận tiện hơn luật hiện nay (thông qua năm 1987). Trong những điều sửa đổi, người ta chú ý tới thời hạn tối đa của những hợp đồng liên doanh được nâng từ 20 năm lên 50 năm, và "trong một số trường hợp" có thể kéo dài tới 70 năm. Các xí nghiệp liên doanh có thể mở tài khoản ở các ngân hàng ở nước ngoài. Những xí nghiệp do người nước ngoài làm chủ 100 % sẽ được hưởng những điều kiện thuế khoá ưu đãi mà luật cũ dành cho các xí nghiệp liên doanh v.v...

Trong một cuộc thảo luận khác, nhiều đại biểu quốc hội tỏ ra nghi ngờ hiệu quả của các đề nghị của chính phủ nhằm tăng cường các điều khoản luật chống tham nhũng, trong khi những điều khoản đã có không được nghiêm khắc thi hành. Một đại biểu cho biết, trong các vụ xử về tham nhũng hai năm qua, 70 % bị can đã được hưởng những án treo, chưa kể rất nhiều vụ báo chí đã lôi ra ánh sáng nhưng không hề bị truy tố trước toà.

Trong kỳ họp này, Quốc hội cũng thông qua đề nghị của chính phủ cử ông Nguyễn Quang Hà, 55 tuổi, viện trưởng viện quy hoạch rừng, làm bộ trưởng lâm nghiệp. Chức vụ này bị bỏ trống từ kỳ họp Quốc hội lần trước, khi ông Phan Xuân Đột, bộ trưởng cũ không được cử lại vì dính líu tới nhiều vụ tham nhũng.

Đường dây siêu cao thế

Chuyện đường dây siêu cao thế 1500 km mang điện từ nhà máy thủy điện sông Đà vào nam (xem DD số 8, tháng 5.92) lại được nêu ra trong kỳ họp quốc hội tháng 12 vừa qua. Ông Lê Quang Đạo, nguyên chủ tịch quốc hội, lên tiếng chỉ trích chính phủ đã quyết định vội vàng trong đề án khổng lồ này, với ngân sách dự trù ban đầu là 300 triệu đô la nhưng nay đã lên đến gần 500 triệu, và tỏ ý nghi ngờ khả năng hoàn thành công trình trong hai năm như dự tính. Theo nhiều nguồn tin, quyết định xây dựng đường dây là một quyết định chính trị do ông Võ Văn Kiệt khởi xướng, đã được bộ chính trị thông qua hồi đầu năm và sự tấn công đề án này ngày nay cũng là một sự tấn công chính trị do phe ông Lê Đức Anh giật dây, nhằm vào ông Kiệt. Việc ông Vũ Ngọc Hải mất chức bộ trưởng Năng lượng hồi tháng 10.92 cũng một phần liên quan đến việc này.

Nhiều công ty quốc tế như Merlin-Gerin, Sediver và Cegelec (Pháp), Huyndai (Nam Triều Tiên) đã ký kết với chính phủ Hà Nội những hợp đồng lớn trong đề án đường dây này. (AFP 17.12, và tin riêng của Diễn Đàn)

SIDA (AIDS) : Bùng nổ khó tránh khỏi

Cho tới nay, mới phát hiện 79 trường hợp nhiễm vi khuẩn HIV (gây ra bệnh sida) ở Việt Nam. Đó là con số do ông

Nguyễn Trọng Nhân, bộ trưởng y tế Việt Nam đưa ra tại Hà Nội trong ngày thế giới chống sida lần thứ 6, 1.12 vừa qua. Tuy nhiên, ông Nhân cũng nói thêm rằng con số đó chắc chắn là dưới sự thật rất nhiều, vì mới chỉ có 140 000 người được kiểm tra. Các nhà hữu trách Việt Nam không đưa ra thêm một con số thống kê nào khác, nhưng tỏ ra rất lo ngại rằng một cuộc bùng nổ căn bệnh hiểm nghèo này là không tránh khỏi được. Theo ông Lê Diên Hồng, phó chủ nhiệm Ủy ban quốc gia chống sida, "Tất cả những yếu tố cần thiết cho sự bùng nổ đã được hội đủ": sự tiếp xúc với bên ngoài tăng gia, nạn đói điếm và ma tuý phát triển tới mức không còn kiểm soát được, phương tiện y tế không có đủ để ngăn chặn sự truyền bệnh qua đường tiếp máu... Ông Hồng cũng cho biết, trong số 79 người có phản ứng dương tính trong kiểm tra về vi khuẩn HIV, 71 là người nước ngoài, chủ yếu là những người dân Thái, và 8 người còn lại là người Việt Nam.

Một chuyên gia của Tổ chức Thế giới về Sức khoẻ, ông Bernard Monière, một mặt hoan nghênh nhà cầm quyền Việt Nam bắt đầu ý thức được sự đe doạ của bệnh sida, mặt khác đã lên tiếng khuyến cáo, ngăn chặn khuynh hướng muôn coi "sida chỉ là một hiện tượng ngoại nhập". Bình luận về kịch bản của một video clip chống sida vẽ lên trường hợp một phụ nữ trong nước do có quan hệ tình dục với một Việt kiều mà mắc bệnh (!), ông Monière cho rằng "(điều đó) dạy cho người ta trách móc người khác", "Đây là một sự đánh lạc mục tiêu, và khi người ta nhận ra rằng những yếu tố hiểm nguy có ngay trong chính họ thì đã quá trễ".

Trong cuộc vận động phòng chống Sida ở Việt Nam, người ta chú ý đến sự xuất hiện lần đầu tiên của những panô, áp phích tuyên truyền cho bao cao su với khẩu hiệu "bao cao su, áo giáp ngăn chặn sida". Tuy vậy, báo Sài Gòn giải phóng ngày 1.12 khi dành nửa trang báo đăng những bài nhận ngày thế giới chống sida, đã không một lần nhắc tới các từ "bao cao su". (AFP, Reuter 1.12 và tin Diễn Đàn)

Định công

Theo tuần báo Lao Động ra ngày 16.12, mười bảy công nhân Việt Nam làm việc trong xí nghiệp giày Luitech-Lesgo của một công ty Đài Loan đầu tư xây dựng tại thành phố HCM đã đình công một tuần lễ từ ngày 7.12 để phản đối chủ hăng không trả tiền công giờ làm thêm trong tháng 11. Tờ báo kể trường hợp một công nhân tên Phạm Anh Tuấn chỉ được trả 293 000 đồng (28 đô la) cho 23 ngày làm việc, với 37 giờ làm thêm trong tháng. Chủ hăng hứa sẽ trả thêm 40 000 đồng (4 đô la) cho mỗi công nhân với điều kiện họ ký vào một biên bản nhận lỗi về phần mình, nếu không sẽ bị sa thải.

Đây là lần đầu tiên báo chí Việt Nam đưa tin công nhân đấu tranh trong một xí nghiệp do người nước ngoài đầu tư ở Việt Nam. (AFP 16.12)

Việt-Trung : Lý Bằng thăm Hà Nội, Đoàn Khuê viếng Bắc Kinh

Tháng 12.1992, quan hệ Việt-Trung được đánh dấu bằng hai cuộc viếng thăm chính thức: bộ trưởng quốc phòng Đoàn Khuê thăm Trung Quốc (theo lời mời của Tân Cố Vi — Qin Jiwei — bộ trưởng quốc phòng) ngày 7, và trước đó một tuần, cuộc đi thăm Việt Nam của thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng.

Thủ tướng Trung Quốc đã ở Hà Nội từ ngày 30.11 đến 3.12.1992, ở thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 3.12 đến ngày 5.12.1992. Ngoài những cuộc hội kiến chủ tịch nước Lê Đức Anh và tổng bí thư Đảng cộng sản Đỗ Mười, ông Lý đã hội đàm 3 buổi (trên 6 giờ) với thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Ngày 3.12, hai bên đã ký kết những hiệp định về bảo đảm đầu tư, hiệp định về hợp tác văn hóa, khoa học và kỹ thuật, thỏa thuận mở lãnh sự quán Trung Quốc ở Thành phố Hồ Chí Minh và lãnh sự quán Việt Nam ở Quảng Châu. Nhân dịp này, Trung Quốc tuyên bố cho Việt Nam vay không lấy lời một số tiền "tương trưng" là 14,5 triệu đôla. Hà Nội và Bắc Kinh cũng thoả thuận tiến hành thương lượng nhằm giải quyết nạn buôn lậu dọc theo biên giới Việt-Trung.

Đó là kết quả duy nhất đạt được trong cuộc viếng thăm của ông Lý Bằng, cuộc viếng thăm đầu tiên của thủ tướng Trung Quốc từ 21 năm nay. Lần chót, năm 1971, thủ tướng Chu Ân Lai (cha nuôi của ông Lý Bằng) sang Hà Nội để phân bùa về cuộc đi đêm giữa Mao và Nixon (bắt đầu bằng cuộc đi thăm bí mật của Kissinger ở Bắc Kinh, tháng 7.71).

Các nhà quan sát đều nhất trí cho rằng các cuộc hội đàm không dẫn tới một kết quả cụ thể nào nhằm giải quyết sự tranh chấp về chủ quyền ở Biển Đông, đặc biệt ở quần đảo Trường Sa, cốt lõi của sự bất đồng giữa hai nước, đồng thời cũng là nguyên nhân gây ra căng thẳng trong quan hệ giữa Bắc Kinh và toàn bộ các nước Đông Nam Á.

Trước khi lên đường từ Bắc Kinh, ông Lý Bằng đã nhấn mạnh "chủ quyền không thể tranh cãi" của Trung Quốc đối với toàn bộ các hải đảo và lãnh hải Biển Đông [xem bản đồ trang 10, *Diễn đàn số 11*]. Tới Hà Nội, thủ tướng Trung Quốc dịu giọng đề nghị "trong khi chờ đợi đạt được giải pháp qua thương lượng, thì hai bên cùng nhau khai thác vùng biển tranh chấp". Nhưng theo những nguồn tin Việt Nam, tại bàn hội đàm, "vùng biển" ấy được ông Lý khoanh gọn vào khu vực mà Bắc Kinh đã ký hợp đồng khai thác với công ty Mỹ Creston Energy Co. (tháng 5), nghĩa là một vùng biển nằm trên thềm lục địa Việt Nam, ở phía tây Trường Sa [xem bản đồ nói trên]. Phía Việt Nam tất nhiên không thể chấp nhận nguyên tắc thương lượng kiểu Trung Quốc ấy (cái gì của tôi là của tôi, cái gì của anh thì ta thương lượng cùng khai thác), đề nghị Việt Nam, Trung Quốc và tất cả các bên hữu quan (Philippin, Malaysia, Indonesia, Brunei, Đài Loan) thương lượng để tìm giải pháp chung cho vấn đề chủ quyền. Phía Trung Quốc từ chối "quốc tế hoá vấn đề" và đòi "thương lượng tay đôi".

Sự cứng rắn của Trung Quốc, xét cho cùng, đã mang lại một kết quả tích cực: nó làm suy yếu ý muốn "giải quyết nội bộ" mà những người như các ông Lê Đức Anh và Đoàn Khuê chủ trương trong năm 1992, với hy vọng thiết lập một sự liên minh tư tưởng với Bắc Kinh.

Mỹ bãi bỏ một phần cấm vận

Ngày 14.12, Nhà Trắng ra thông cáo bãi bỏ một phần lệnh cấm vận kinh tế đối với Việt Nam. Theo quyết định này, ngay từ bây giờ các công ty được phép ký hợp đồng, mở văn phòng và tuyển dụng nhân viên tại Việt Nam, nhưng chỉ được quyền thực hiện hợp đồng khi nào lệnh cấm vận được bãi bỏ hoàn

Lời kêu gọi từ nhà tù

Tù Trại giam số 4 Phan Đăng Lưu, ông **Đoàn Viết Hoạt** đã gửi một Lời kêu gọi tới những nhà lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam, ngày 1.11.1992.

Mở đầu ông nhận định "Tình hình thế giới đã hoàn toàn thay đổi (...) mở ra cho đất nước chúng ta một cơ may chưa từng có (...) Điều này đòi hỏi nhận quan chính trị mới thay thế những quan niệm đã lỗi thời, nhất là quan niệm đấu tranh ý thức hệ và chủ trương độc tài đảng trị, để nhanh chóng mở ra một xã hội tự do, dân chủ và đa nguyên chân chính trong cả chính trị lẫn văn hóa và kinh tế (...). Chỉ có tự do dân chủ toàn diện chúng ta mới khôi phục được tiềm năng của dân chúng, khơi dậy được sức sống của xã hội và mở rộng được cánh cửa cho hợp tác quốc tế để phát triển đất nước. "

Và sau khi tỏ ý tiếc rằng "vẫn chưa có những thay đổi cơ bản trong đường hướng biến đổi và thực tế hiện nay (...)", khiến tình hình đất nước vẫn khó khăn và bế tắc, ông kêu gọi (những nhà lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam) :

"hãy đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi đảng phái, thay đổi cương lĩnh đối nội và đối ngoại hiện nay, chủ động chấm dứt chiến tranh ý thức hệ Quốc – Cộng, xúc tiến đối thoại và đoàn kết dân tộc chân thật, sâu rộng giữa tất cả những người Việt Nam yêu nước trong và ngoài Đảng Cộng Sản, trong và ngoài nước. Và để tạo một bầu không khí chính trị xã hội thuận lợi cho đối thoại và đoàn kết dân tộc đó, (...) hãy đưa ra những quyết định cách mạng đích thực sau đây :

1. Trả tự do cho những người đang bị giam giữ vì lý do chính trị.
2. Thực thi những quyền tự do chính trị, tự do ngôn luận và báo chí, tự do tôn giáo.
3. Tổ chức những cuộc bầu cử thực sự tự do và công bằng trong đó mọi người đều được tự do ứng cử không phân biệt khuynh hướng chính trị."

tòan. Bộ ngoại giao Việt Nam coi quyết định này là một "bước tích cực" trong quá trình bình thường hóa quan hệ Việt-Mỹ. Bà Virginia Foote, giám đốc Hội đồng thương mại Mỹ-Việt, chào mừng "quyết định tuyệt vời" này và cho biết, trong năm 1992, hơn 1 000 xí nghiệp Mỹ (trong đó có những công ty lớn như Boeing, United Technologies, Chevron, Exxon, Caterpillar...) đã hỏi tin về cung cách làm ăn ở thị trường Việt Nam [về triển vọng quan hệ Việt-Mỹ, xem bài bình luận của *Diễn đàn*, số 14].

Trước quyết định này, nhiều phái đoàn doanh nhân Mỹ đã tới tìm hiểu thị trường ở Việt Nam và ngược lại, nhiều đoàn Việt Nam cũng đã có dịp sang Mỹ.

Mới đây, theo Việt Nam thông tấn xã, ông Hồ Sĩ Thoảng, tổng giám đốc công ty PetroVietnam, đã gặp gỡ nhiều nhà kinh doanh và chính khách cao cấp của Hoa Kỳ trong một chuyến đi thăm nước Mỹ hai tuần trong tháng 11 vừa qua. Ông đã gặp cựu ngoại trưởng Henri Kissinger, các thượng

nghị sĩ John McCain và Bob Kerry, đã “nói chuyện thân mật” với Clayton Yeutter, phụ trách nhân sự ở Nhà Trắng trong một bữa ăn do Ngân hàng Thế giới tổ chức. Tại thủ đô Washington và tại Dallas, tiểu bang Texas, ông Thoảng đã gặp đại diện các hãng dầu Phillips Petroleum, Chevron, ARCO Oil và IPCO Group. Theo nhiều nguồn tin, phía Việt Nam còn hoan các quyết định về dầu thầu thăm dò và khai thác dầu ở vùng Đại Hùng một hai tháng nữa để chờ các công ty Mỹ có thể tham gia nếu tổng thống Bush bắc bỏ cấm vận.

Ngoài ra, phái đoàn của ông Thoảng còn gặp đại diện của công ty điện tử Motorola, công ty chế tạo thiết bị nặng Caterpillar, v.v... (AFP 1.12)

Nhật - Việt

Nhật tỏ ý sẵn sàng giúp Việt Nam xây dựng lại nền kinh tế, và sẽ gửi một phái đoàn kinh tế đi Hà Nội vào tháng hai tới để thảo luận về việc cải thiện các điều kiện đầu tư vào Việt Nam.

Đó là những nội dung được phía Nhật công bố về các cuộc hội đàm giữa ông Đỗ Quốc Sâm, chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước Việt Nam, với các ông Michio Watanabe và Kozo Watanabe, bộ trưởng bộ Ngoại giao và bộ Thương mại quốc tế và kỹ nghệ, khi ông Sâm tới Tokyo trong một tuần lễ viếng thăm nước Nhật từ cuối tháng 11. Trước đó, như Diễn đàn đã đưa tin, ngày 6.11, Nhật đã quyết định nối lại viện trợ kinh tế cho Việt Nam. (AFP, 1 và 2.12).

Người Việt tại Đức biểu tình chống kỳ thị chủng tộc

Khoảng 800 người Việt Nam đã tham gia một cuộc biểu tình ở Frankfurt ngày thứ bảy 5.12 để phản đối những vụ bạo động kỳ thị chủng tộc của bọn cực hữu Đức. Trong một buổi họp báo nhân cuộc biểu tình, ông Dương Hồng Ân, chủ tịch Phòng Thông tin - Văn hoá Việt Nam ở Stuttgart, đã tố cáo những vụ đốt phá trại tị nạn, dùng vũ khí tấn công người Việt Nam đi đường, đánh chết người (như ở Berlin)..., khởi đầu từ vụ Rostock hè vừa qua. Ngay cả bên Tây Đức, nhiều người Việt Nam hiện nay rất sợ đi đường gặp bọn Nazi có thể bị đánh bất cứ lúc nào. (Reuter 5.12)

Giải bóng bàn thế giới tại TPHCM

Trừ các cây vợt châu Âu mắc dự giải Liên đoàn bóng bàn châu Âu, những cây vợt đứng đầu làng bóng bàn thế giới như Ma Wenge (Trung Quốc), Kim Taek Soo và Yoo Nam Kyu (Nam Triều Tiên), Sean O'Neil (Hoa Kỳ) đã tham dự Giải bóng bàn thế giới (World Cup) do Liên đoàn bóng bàn quốc tế tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày thứ sáu 10.12.1992. Đây là giải thể thao thế giới đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam. Cây vợt Trung Quốc Ma Wenge đã đoạt giải. (AFP 10.12)

Khmer đỏ tiếp tục giết hại người Việt

Ngày 27.12, mười bốn người Việt Nam sinh sống ở xã Phum Taches (trên sông Tonle Sap) lại vừa bị Khmer đỏ giết hại, 14 người khác bị thương.

Trước đó, theo ông Eric Falt, người phát ngôn của UNTAC, lực lượng Liên hiệp quốc ở Campuchia, một nhóm

người Khmer chưa rõ thuộc phe phái nào đã từ Kratié vượt biên giới vào ngày 2.11 sang Lộc Ninh (Sông Bé) cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, bắt cóc và giết người.

Ông Falt cho biết nhóm người Khmer trên đã cướp vàng và tiền của một số gia đình nông dân Việt Nam rồi bắt 9 người đưa qua xã Tra Teng Xré (tỉnh Kratié). Trong số người bị bắt đi, bốn người đàn ông đã bị giết, hai người khác bị thương, và hai phụ nữ bị hãm hiếp. Tiếp sau những vụ tàn sát Việt kiều ở Cam Bốt, người phát ngôn Liên Hiệp Quốc gọi đây là “một vụ nghiêm trọng” và cho biết UNTAC đang tiến hành điều tra. (AFP 29.12, Tuổi Trẻ 28.11)

Tam giác Bermuda Việt Nam

Hành khách duy nhất sống sót trong tai nạn ngày 14.11 của máy bay Hàng Không Việt Nam là cô Henryette Herskens, 31 tuổi, người Hà Lan. Lực lượng cứu nạn đã tìm thấy cô 8 ngày sau khi chiếc Yak 40 rơi xuống núi Ô Kha (tỉnh Khánh Hòa) với 24 hành khách và 6 người của tổ lái. Một chiếc trực thăng chở 7 người thuộc lực lượng cứu nạn cũng bị mất tích khi bay vào vùng thung lũng Ô Kha, không có ai sống sót. Thung lũng này còn được gọi là “Tam giác Bermuda” của Việt Nam vì những máy bay và trực thăng của không quân Hoa Kỳ và Sài Gòn đã rơi ở vùng này một cách bí hiểm trong chiến tranh.

tin nhanh

- ☞ **Việt Nam và Nam Triều Tiên đã quyết định thiết lập quan hệ ngoại giao kể từ ngày 22.12.92.**
- ☞ **UOB (United Overseas Bank), một trong 4 ngân hàng lớn nhất của Singapore, mở văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh.**
- ☞ Ngày 20.12, Thủ tướng Thái Lan Chatichai Choonavan đi thăm Việt Nam, dẫn đầu một đoàn 30 quan chức và doanh nhân.
- ☞ Tổng sản lượng dầu mỏ của Việt Nam năm 1992 lên đến 5,5 triệu tấn, so với 3,95 triệu tấn năm trước. Theo dự trù của Quốc hội, sản lượng cho năm 1993 sẽ tăng khoảng 8,5% so với năm nay.
- ☞ Theo một tin từ Paris ngày 24.12 của Ủy ban bảo vệ quyền con người ở Việt Nam, hai hoà thượng Thích Nhật Liên và Thích Trí Tựu đã viết thư cho Phật tử tố cáo chính quyền đàn áp Phật giáo và hăm doạ tự thiêu để phản kháng. Ngày 28.12, một phát ngôn viên bộ ngoại giao Việt Nam đã bác bỏ những lời tố cáo nói trên.
- ☞ Công ty kế toán Anh Ernst & Young đã được phép hoạt động ở Việt Nam từ đầu tháng 11.92. Công ty sẽ thực hiện thẩm định (audit) các xí nghiệp do nước ngoài đầu tư xây dựng ở Việt Nam và các công ty liên doanh, quốc doanh của Việt Nam.
- ☞ Ngày 29.12, các công ty Úc BHP Petroleum Ltd. và công ty Malaixia Petronas đã ký kết với PetroVietnam một hợp đồng liên doanh khai thác khu Đại Hùng.

Quỹ thời gian hạn hẹp

Năm 1993 đến rồi ! Bước đi của thời gian – giữa một thế giới đang biến đổi trên đôi hài bảy dặm – nói gì với người Việt Nam chúng ta về hiện tình và tương lai của đất nước ?

Mấy năm qua, trên nước ta, *thay đổi không phải là ít*. Chỉ mới hôm nào, cuộc sống nghẹt thở – Quốc doanh và bao cấp tràn lan. Đi đâu phải có giấy phép ; mở cửa hàng bị cấm đoán. Hàng khan với đuôi rồng rắn ; xài đồ la bị cấm, tịch thu ; sửa nhà bị tra hỏi. Thân phận con người như cỏ rác.

Nay cuộc sống có dễ thở hơn. Hàng hoá tràn ngập. Đua nhau làm ăn, mở cửa hàng, lập công ty. Đô la và ngoại tệ mặc nhiên được thừa nhận khắp nơi. Điện thoại trong, ngoài nước gọi tới tấp.

Đổi mới từ năm 1986, đổi mới thêm ... năm nay, xin chớ hiểu lầm là do sáng suốt, rộng lượng, ban ơn của lãnh đạo. Do “ ăn theo ” *glasnost, perestroika* của Liên Xô cũ, do xu thế của thời đại, do *dấu tranh* của một số trí thức dân chủ dám ngẩng cao đầu đòi hỏi, do nguyện vọng tỏ rõ của nhân dân. Lãnh đạo giáo điều, bảo thủ đến mức hủ lậu, còn mê hoặc bởi quá khứ, ôm chặt chủ nghĩa Mác - Lenin lỗi thời, bám riết cái chủ nghĩa xã hội hiện thực kỳ quái, đã buộc phải lùi bước, nhượng bộ từng ly một : từ kinh tế nhà nước đến kinh tế thị trường, từ kế hoạch hóa tập trung đến tự nhân hoá, từ bao cấp nặng nề tràn lan đến tự do kinh doanh, từ độc đoán định giá ngoại tệ đến nhường cho thị trường tự do định giá... là những thành quả đấu tranh không nhỏ.

Tâm lý dễ thở, hài lòng... là ở khá đông người. Nhưng không vì vậy mà người ta quý đảng, yêu đảng, tin đảng hơn. Ngược lại ! Xin chớ ai cao ngạo, tung măi kinh “ đảng ta sáng suốt và sáng tạo ” ! Trước mắt nhân dân, *đảng bé nhỏ lại, thấp kém đi*, không còn đáng sợ như xưa nữa. Ôi ! nỗi sợ như truyền kiếp được giải toả ! Con người trong xã hội ngẩng cao đầu, tự tin, nhún vai, bิu môi nhìn những nhà lãnh đạo cổ hủ đã phải miễn cưỡng lùi từng bước trong cay đắng và ngậm ngùi.

Nói ra hoặc không nói ra, người dân nhận định : đảng cộng sản, với những người lãnh đạo “ nhỏ bé ” hiện nay, đang thở hắt ra để đi vào quá khứ. Người ta dự báo công khai : chỉ trong 2 năm, đổi với người lạc quan, 5 năm là cùng đổi với người ít lạc quan hơn, từ từ hay ít nhiều đột biến, một tình hình hoàn toàn mới sẽ đến.

Phải mất nửa thế kỷ đầy nước mắt, khổ đau, sức sản xuất xã hội bị tàn phá nhân danh “ cải tạo xã hội chủ nghĩa ”, mới kết luận được về một thí nghiệm, một con đường lầm lạc. Nhưng đi vào con đường đúng thì những người lãnh đạo hiện nay run chân, lo sợ đủ thứ. Quả tạ quá khứ níu họ lại. Họ vẫn mua thêm thời gian – thời gian rất hạn hẹp của dân tộc – giữa lúc các nước quanh ta đang rảo bước trên những đôi hài bảy dặm.

Những cái tất yếu phải đến sẽ lần lượt đến. Rồi quyền sở hữu tư nhân về vườn, ruộng, bất động sản sẽ được công nhận

dứt khoát, loại bỏ cái sở hữu toàn dân nửa vời, lẩn cẩm. Rồi quyền tự do kinh doanh sẽ được công nhận sòng phẳng, loại bỏ nguyên tắc lỗi thời, kỳ quặc : kinh tế quốc doanh đóng vai chủ đạo ! Rồi luật buôn bán sẽ được đề ra nhằm từ bỏ độc quyền ngoại thương tai hại hiện nay của nhà nước. Rồi luật về quyền công dân sẽ được thực hiện để không còn ai bị tù vì bất đồng chính kiến (như nhà văn Dương Thu Hương, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, v.v...) và không ai bị kết án một cách lén lút, hèn hạ (không có người bào chữa, xử trong phòng kín mít không cho công chúng theo dõi). Chậm một ngày nào là nhân dân phải trả giá một cách phi lý, oan uổng thêm ngày ấy, và trách nhiệm là thuộc đảng cộng sản cầm quyền. Năm 1993, cầm vận sẽ từng bước được giải toả. Ngân hàng thế giới (WB) sẽ mở hầu bao, với vài kế hoạch trợ giúp mở đầu về sửa chữa đường sá, đào tạo tay nghề cho thanh niên, hỗ trợ sự nghiệp giáo dục, y tế. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) sẽ cho vay dài hạn với điều kiện lãi suất không đáng kể nhằm đầu tư khá lớn vào các chương trình phát triển mà họ sẽ tham gia điều phối và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện. Một thời cơ mới mở ra. Mừng một thì lo mươi !

Nếu lãnh đạo vẫn ngập ngừng, tự mâu thuẫn, không đổi mới đủ liều lượng ; nếu vẫn không đủ luật và không thiết lập được nếp sống theo luật pháp ; nếu 3 tên giặc *tham nhũng, buôn lậu và địa phương cát cứ* không bị loại trừ ; nếu tài sản quốc gia (rừng, mỏ đá quý, nhà cửa, tiền thuế, kho thóc...) vẫn còn bị tàn phá, chia chác và thất thoát lớn ; nếu đổi mới về tài chính, ngân hàng – như các chuyên gia của WB mong ước – vẫn bị trì hoãn, nếu đổi mới về chính trị vẫn hẫu như bị khoá chặt... thì thời cơ mới sẽ trôi qua và tuột khỏi tầm tay một cách tai hại.

Bên cạnh sự dễ thở, hài lòng, khoan khoái của đồng bào bị giam hãm nghẹt thở lâu ngày vừa được hưởng vài luồng dưỡng khí trong mát, nhiều hiểm họa lớn lao vẫn còn ngáng trở con đường phát triển. Những hiểm họa kể trên bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết, vô trách nhiệm và đạo đức suy thoái của phần lớn những người cầm quyền. Những người lãnh đạo, cầm lái, nắm vận mệnh đất nước xem ra vẫn còn là những cái phanh kìm hãm con đường phát triển dân chủ dẫn đến phồn vinh, hội nhập với thế giới.

Phương hướng và biện pháp tối ưu là huy động hết tiềm năng trí tuệ, lòng yêu nước và vốn liếng của toàn thể dân tộc, của bà con người Việt trong và ngoài nước, sớm chấm dứt tệ độc quyền chân lý và độc quyền yêu nước tệ hại. Từ đó, một giải pháp tổng hợp, đầy đủ, mang bản chất Việt Nam, sẽ hình thành và hứa hẹn có hiệu lực trong cuộc sống. Chỉ cần một cách đề cập dân chủ. Chìa khoá là ở đó.

Không như vậy, những người cầm quyền sẽ ở vào thế kẹt cứng. Họ sẽ bị những nước có nhiều vốn đầu tư, có nhiều tiền của góp vào WB và IMF lén lút, dạy bảo, ép buộc vào khuôn phép ! Vốn đã bé nhỏ, thấp kém trước nhân dân, họ càng ở tư thế bé quắt lại, thấp tè tỳ trước thế giới. Vâng dạ nhân dân mình, không sao. Vâng dạ các ông lớn nước ngoài, thật không dẽ coi !

Và nhân dân, đồng bào bất hạnh chúng ta lại phải è cổ tiếp tục trả giá cho những điều phi lý mà có thật. Khi cả thế giới đang biến chuyển nhanh, đã phát triển và bỏ ta quá xa rồi. Xin nhớ cho : *quỹ thời gian* của đất nước ta rất hạn hẹp, không thể phung phí thêm nữa, thêm mãi !

Bùi Tín

Đặng Tiểu Bình và DÂN CHỦ

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Dù thích hay không, ta cũng phải công nhận rằng hai nhân vật xuất chúng nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc kể từ ngày thành lập (7-1921) đến nay là Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình. Bằng tài ba và ý chí sắt đá, cả hai đều đã thực hiện được giấc mộng lớn của mình : trở thành nhà lãnh tụ tối cao của dân tộc đông nhất thế giới. Và có lẽ, cũng như Mao, Đặng sẽ cầm quyền — đúng hơn phải nói là sẽ còn thống trị nhân dân Trung Quốc — cho đến hơi thở cuối cùng ! Hiện nay khi nhắc đến Đặng Tiểu Bình, người ta liền nghĩ ngay đến vụ đàn áp ở Thiên An Môn (4-6-1989) hoặc đến chủ trương tách rời cải cách kinh tế và cải cách chính trị. Thực ra vấn đề không quá đơn giản như thế : vào một vài thời điểm, ông Đặng cũng có nói đến cải cách chính trị và ngay cả đến dân chủ hoá, nhưng đáng tiếc đó chỉ là những thủ đoạn dùng trong cuộc đấu tranh giành quyền lực hoặc chỉ là những ngọn lửa rơm, bùng lên chốc lát rồi tàn lụi ngay !

Sinh năm 1904, Đặng Tiểu Bình nhỏ hơn Mao Trạch Đông (1893-1976) đến 11 tuổi. Ông đã ủng hộ Mao và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Mao từ đầu những năm 30 cho đến khi bị Mao thanh trừng trong những ngày đầu của cuộc đại cách mạng văn hoá (1966). Khác với Mao vừa là nhà hành động vừa là nhà tư tưởng, nuôi cho đến ngày chết, giấc mơ xây dựng với bất cứ giá nào một xã hội lý tưởng, trong đó không còn người bóc lột người, Đặng Tiểu Bình, trái lại, là một nhà chính trị vô cùng thực tế và thực dụng. Triết lý chính trị của ông được phản ánh khá rõ trong câu nói nổi tiếng (theo Nguyễn Minh⁽¹⁾, thực ra là của Lưu Bá Thừa, chiến hữu chí thiết của Đặng) : " không cần biết là mèo đen hay xám, miễn là bắt được chuột ! ".

Với một quan điểm như vậy, chắc chắn là Đặng Tiểu Bình (đã giữ chức Tổng bí thư từ năm 1954 và tham gia Ủy ban thường trực của Bộ Chính trị DCSTQ từ năm 1956) không ủng hộ đường lối cách mạng triệt để của Mao, phát xuất từ sự phẫn nộ trước những bất bình đẳng giữa các thành phần xã hội và giữa các địa phương, cũng như trước tình trạng quan liêu hoá của đảng càng ngày càng xa rời quần chúng. Cùng chí hướng với Chu Ân Lai, Đặng chỉ nhắm một mục đích là phát triển và hiện đại hoá Trung Quốc dưới sự lãnh đạo chuyên chính nhưng không giáo điều của Đảng Cộng Sản. Nhưng khác với Chu, vốn nổi tiếng uyển chuyển và tinh tế do gốc gác gia đình quan lại, Đặng rất độc đoán và kiên quyết nên ngay chính Mao cũng phải gờm : theo Nguyễn Minh, trong một cuộc gặp gỡ vào sau khi Đặng được phục chức lần đầu, Mao đã dùng hình ảnh " bàn tay sắt trong chiếc găng nhung, những cây kim trong một cuộn len " để chỉ Đặng và nói thẳng với Đặng : " Mọi người đều sợ đồng chí " (NM,tr.123). Đúng là Mao có " con mắt tinh đời " vậy !

Tưởng cũng cần nói rõ thêm rằng vào khoảng cuối năm 1973, do bệnh ung thư càng ngày càng nặng, Chu Ân Lai đã đem Đặng Tiểu Bình về làm phụ tá, với ý định tạo điều kiện thuận lợi để Đặng kế vị mình. Nhưng không may cho Đặng là Chu đã chết trước Mao (8-1-1976) : chỉ mấy tháng sau đó (7-4-76), Đặng bị Mao thanh trừng lần thứ hai. Sau khi Mao chết (5-9-76), Hoa Quốc Phong, nhờ sự hỗ trợ của Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Ngô Đức Kế, Kỷ Đặng Khuê và nhất là Uông Đông Hưng, lên cầm quyền, tiếp tục thi hành chính sách của Mao nhưng ít quá khích hơn " tự nhân bang " (Giang Thành, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên và Vương Hồng Văn) đã bị bắt giam một tháng sau khi Mao từ trần.

Tháng 7-76, Đặng lại được tham gia cầm quyền. Trước mắt của quần chúng và đồng đảo đảng viên, ông là hiện thân của đường lối chống lại cuộc đại cách mạng văn hoá và đồng thời cũng là một nhà lãnh đạo có bản lĩnh, nổi tiếng thực dụng và ít giáo điều. Sau mười năm đầy biến động và đảo lộn, nguyên nhân của biết bao nhiêu tai họa và tang tóc, nhân dân Trung Quốc đã trở nên quá mệt mỏi và chán ngấy tình trạng không ổn định, trở lực lớn nhất cho phát triển. Họ khao khát trật tự và một đời sống phú túc hơn. Tâm trạng này, trong một chừng mực nào đó, cũng giống với tâm trạng của nhân dân Việt Nam, vẫn còn chịu sự tác động mãnh liệt của hơn ba mươi năm chiến tranh tàn khốc : ngắn gọn mọi sự đảo lộn là một nhân tố chính trị tối quan trọng, không thể quên khi phân tích tình hình Việt Nam cũng như Trung Quốc, những dân tộc " kinh cung chi diểu " ! Nhưng dĩ nhiên cùng với năm tháng trôi qua, nỗi sợ đảo lộn như " chim sợ cành cong " đó cũng sẽ mất đi.

Cho đến hè 78, ngoài mặt Đặng chỉ đóng vai trò quân sư cho Hoa Quốc Phong như Diệp Kiếm Anh, nhưng bên trong ông đã từng bước củng cố thế lực của mình. Và khi thấy là phe cánh mình đã đủ mạnh, Đặng liền khẳng định một lập trường khá tiến bộ nhằm tranh thủ sự ủng hộ của những thành phần cải cách trong đảng cũng như của phong trào dân chủ trong xã hội, vốn không đồng tình với đường lối của Hoa Quốc Phong được phản ánh qua khẩu hiệu : " ủng hộ vô điều kiện mọi quyết định của Mao Chủ Tịch và tuân theo vô điều kiện mọi chỉ đạo của Người ".

Ngày 28-11-78, Đặng tuyên bố với Sasaki Ryo, người cầm đầu Đảng Xã hội Nhật : " Việc dân chúng dán đại tự báo là hoàn toàn bình thường. Đó là dấu hiệu cho thấy sự ổn định của tình hình Trung Quốc. Chúng ta không có quyền phủ nhận hay phê bình sự nở rộ của dân chủ và đại tự báo "(Nhân Dân nhật báo, 28-11-78). Đúng là ông Đặng đã gãi đúng chỗ ngứa của nhân dân Trung Quốc giữa lúc bức tường dân chủ trở thành trung tâm chính trị của Bắc Kinh ; đồng thời ông cũng tranh thủ được cảm tình của dư luận phương tây và Nhật.

Ngày 2-12-76, trong một cuộc nói chuyện với những người viết diễn văn cho ông trong số đó có Nguyễn Minh, Đặng tuyên bố : " Trong mọi trường hợp, chúng ta cần phải thi hành dân chủ (...) Trong rất nhiều năm, chúng ta đã nói đến chủ nghĩa tập trung (centralisme), nhưng lại lãng quên dân chủ. Hiện nay không ai dám nói, mọi người đều ngại ngùng, nên chẳng đề ra được ý kiến nào cả. Cái xấu nhất mà ta nên sợ là quần chúng nín thính và trở thành thờ ơ..." Đặng

sợ khi nghe người ta nói, điều khủng khiếp nhất là phải thấy mọi người chán nản. Để phát triển kinh tế, cần phải có tuyển cử dân chủ. Công nhân sẽ có thể kiểm soát những gì xảy ra trong nhà máy. Nông thôn phải được sự kiểm soát của xã hội thường dân. Cần theo đúng pháp luật. Thực tế dân chủ phải được củng cố và bảo đảm bởi một hệ thống pháp luật. Dân luật, hình luật..., đủ mọi thứ luật cần thiết" (NM, tr.17). (Cái đáng quý ở Đặng Tiểu Bình là ông thường nói toạc móng heo những điều ông nghĩ, không vòng vo Tam Quốc gì cả ; lối nói đó tuy đôi lúc có phần thô bạo và thiếu ngoại giao — như khi ông tuyên bố "trừng phạt" và "cho Việt Nam một bài học" — nhưng được cái hay là rất dễ hiểu).

Nếu đây là những câu nói chân thành thì rõ ràng ông Đặng biết khá rõ nội dung dân chủ là gì : ông đã thấy được là phát triển phải đi đôi với dân chủ và với sự hình thành và củng cố xã hội thường dân và nhà nước pháp quyền. Chẳng những thế, ông còn chủ trương là phải tiếp thu những tinh hoa của nền dân chủ tư sản rồi phát huy thêm lên. Theo Nguyễn Minh, ngày 27-1-79, Đặng Tiểu Bình nói với Hồ Diệu Bang như sau về dân chủ : "Sáu mươi năm sau Cách mạng tháng Mười, dân chủ vẫn còn bị tắt máy ..." Từ lịch sử thế giới cũng như từ sự tiến hoá của nhân loại và của các xã hội, cần phải nghiên cứu sự xuất hiện và phát triển của dân chủ. Giai cấp tư sản đã dựa vào dân chủ để chống lại bạo quyền phong kiến ..." Nền dân chủ vô sản phải là giai đoạn tốt cùng của dân chủ. Cần phải tiếp thu những gì tốt đẹp của nền dân chủ tư sản và làm cho chúng sáng chóe thêm lên. Trong quá khứ, giai cấp vô sản đã thất bại về điểm này. Xatalin đã phạm nhiều sai lầm, chúng ta cũng thế..." Điều quan trọng nhất là biến đổi cương vị của bọn quan liêu : phải làm sao cho những ông chủ của xã hội này trở thành những người đầy tớ của xã hội ..." Chúng ta muốn nhân dân làm chủ. Nhưng tất cả vấn đề là phải làm gì để nhân dân cảm thấy mình là chủ nhà nước" (NM, tr.18,19).

Theo Nguyễn Minh, chính cuộc chiến tranh "trừng phạt" Việt Nam xảy ra 20 ngày sau đó (từ 17-2-79 đến 16-3-79) đã đảo lộn quá trình dân chủ hoá ở Trung Quốc. Sự thực đường như không phải như vậy : xét cho cùng, trở lực lớn nhất cho việc thiết lập dân chủ vẫn là sự kiện ông Đặng và tất cả những nhà lãnh đạo khác của ĐCSTQ — có lẽ trừ Hồ Diệu Bang ? — đều không phải là những nhà dân chủ đích thực, nghĩa là thấm nhuần những giá trị tự do và bình đẳng. Đối với họ, chính quyền vẫn ở đầu ngọn súng, đúng như Mao Trạch Đông đã dạy, trong giai đoạn giành chính quyền cũng như giai đoạn giữ chính quyền. Cũng theo Nguyễn Minh, nếu chiến tranh Trung-Việt một lần nữa đã xảy ra, chính là vì Đặng Tiểu Bình rất say mê quân sự và nhất là rất tự hào về thiên tài quân sự của mình đến độ vào năm 1954, khi Mao đề nghị phong ông làm thống chế, ông đã từ chối : có lẽ ông chỉ kiêng nể có một mình Mao thôi ! Khi quyết định "trừng phạt" Việt Nam, Đặng nhầm ít nhất ba mục đích :

- Làm giảm sức ép quân sự của Việt Nam đối với Kho me đỏ ;
- Chứng tỏ trước dư luận phương tây Trung Quốc là địch thủ của Liên Xô về mặt chiến lược ;
- Và nhờ thế, chinh phục sự tin cậy của phương tây (đặc biệt là của Mỹ) hầu mong họ giúp đỡ công cuộc hiện đại hoá Trung Quốc.

Về mặt thuần tuý quân sự, chiến tranh trừng phạt Việt Nam là một thất bại vì chẳng những Trung Quốc không đè bẹp được sự kháng cự của Việt Nam nhằm cứu nguy cho quân đội Pôn Pốt, mà còn làm cho thế giới thấy rõ những yếu kém của TQ trong một cuộc chiến tranh hiện đại.

Nhưng ngược lại về mặt chính trị, Đặng đã thành công : một mặt, ông nghiêm nhiên xuất hiện trước dư luận TQ và thế giới như là nhà lãnh đạo số một của TQ, làm lu mờ hẳn vai trò của Hoa Quốc Phong, và mặt khác, biến TQ thành đồng minh khách quan của Phương Tây lúc đó vẫn xem Liên Xô và "phe xã hội chủ nghĩa" là địch thủ chính. Sau khi chiến tranh xâm lược VN chấm dứt, Đặng tiến hành song song hai chiến dịch : cô lập hoá Hoa Quốc Phong mà ông nghi là muốn khai thác thất bại quân sự của TQ để chống lại ông và đàn áp phong trào dân chủ vì họ đã phản đối chiến tranh xâm lược VN do chính Đặng chủ trương. Bị bắt giam rồi kết án, Nguy Kinh Sinh cho đến nay vẫn chưa được trả tự do : điều đó chứng tỏ là ông Đặng sẵn sàng đàn áp thẳng tay những ai dám phạm thượng và dám chống lại ông.

Có thể nói hội nghị toàn thể của Ban CHTUĐCSTQ từ 23 đến 29-2-80 đã đánh dấu sự toàn thắng của Đặng Tiểu Bình trong cuộc đấu tranh giành quyền bính vào cái tuổi mà người dân Trung Quốc bình thường đã về hưu cả mươi mấy năm rồi : 76 ! Cùng với việc Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương (thuộc phe Đặng) vào Ban Thường trực của Bộ Chính trị, Uông Đông Hưng, Kỷ Đăng Khuê, Ngô Đức và Trần Tích Liên (thuộc phe Hoa) đã phải từ chức. Mặc dù còn giữ cả ba chức vụ quan trọng (chủ tịch đảng, thủ tướng và chủ tịch Quân uỷ trung ương), Hoa Quốc Phong đã hoàn toàn bị cô lập. Từ mươi hai năm nay, dù chính thức không cầm đầu đảng và nhà nước, trong thực tế Đặng Tiểu Bình đã trở thành một "hoàng đế không ngai", vượt xa lên trên tất cả các nhà lãnh đạo khác : điều đó cho thấy cái bản lĩnh phi thường của ông vậy !

Nhưng một khi đã củng cố vững vàng được quyền lực của mình rồi, Đặng Tiểu Bình lại đề cập đến vấn đề dân chủ : có lẽ vì nhà chính trị thực tế và thực dụng ở ông thấy rõ hơn ai hết những khuyết tật, những căn bệnh trầm kha của chế độ chính trị hiện hành. Trong bài diễn văn đọc ngày 31-5-80, Đặng đã dành một đoạn để phê bình ảnh hưởng tai hại của chủ nghĩa phong kiến, nhưng đoạn này sau đó bị kiểm duyệt nên không được đưa vào tuyển tập tác phẩm của Đặng Tiểu Bình : "Nhiệm vụ chính của chúng ta trên mặt trận tư tưởng chưa phải là phê bình tư tưởng tư sản mà là trước hết phải thanh toán ảnh hưởng của chủ nghĩa phong kiến ..." Chủ nghĩa phong kiến là một truyền thống bám sâu vào đời sống xã hội và trong quần chúng.Ảnh hưởng của nó rất đáng kể ngay trong lòng Đảng ..." Nhân dân ta, Đảng ta còn chịu nặng tai họa phong kiến, thế mà chúng ta chưa bao giờ xem việc loại bỏ nó như là một trong những nhiệm vụ chính của chúng ta. Tại sao hiện nay trong Đảng một số người vẫn còn chiếm đặc quyền, đặc lợi ? Chính là do ảnh hưởng của chủ nghĩa phong kiến ..." Nhưng tệ hại hơn hết, chính là hệ thống gia trưởng gây rối loạn nghiêm trọng cho việc điều hành bình thường của Đảng ..." Chúng nào thế hệ chúng ta còn sống, chúng ta phải tuyệt đối bãi bỏ hệ thống bất khả bã miễn những nhà lãnh đạo, tức là sự kiện một số người làm thủ

trưởng suốt đời" (NM, tr.93-94). Những nhận định trên đây đều vô cùng sáng suốt và xác đáng, chỉ tiếc một điều là ông Đặng đã không tự áp dụng cho chính mình ! Trong bài diễn văn "Về việc cải tổ hệ thống lãnh đạo Đảng và nhà nước" đọc ngày 18-8-80 trước Ban Thường trực của Bộ Chính trị, ông Đặng đã đưa ra những nhận xét còn triệt để hơn nữa :

1. Trước hết theo ông, "Xtalin đã vi phạm nghiêm trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa ; có hôm đồng chí Mao Trạch Đông đã tuyên bố là một điều như thế không thể xảy ra ở những nước phương tây như Anh, Pháp hay Mỹ. Nếu đồng chí Mao Trạch Đông ý thức được điều đó, thì ngược lại trong thực tiễn, đồng chí đã không giải quyết những vấn đề đặt ra cho hệ thống lãnh đạo của chúng ta. Điều đó, cộng với nhiều nguyên nhân khác, đã đưa tới thập kỷ đầy tai họa của cuộc Cách mạng văn hoá ..." Những vấn đề nghiêm trọng đã đặt ra trong quá khứ có thể sẽ lại xảy ra, nếu chúng ta không cương quyết loại bỏ những khuyết tật của chế độ hiện hành" (NM, tr.102)

2. Tiếp theo, ông cho rằng những khuyết tật của chế độ (bệnh quan liêu, sự tập trung thái quá quyền lực, tinh thần gia trưởng, sự bất khả bãي miễn của các nhà lãnh đạo và các đặc quyền đặc lợi) phát xuất từ ba nguyên nhân chính : truyền thống chuyên chế phong kiến lâu đời ở Trung Quốc, truyền thống tập trung quyền lực vào tay các nhà lãnh đạo cộng sản vào thời Đệ tam Quốc tế, hệ thống tập trung cao độ việc kế hoạch hoá và quản lý kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội, được nhập cảng từ Liên Xô vào những năm 50.

3. Ông nêu bật lên rằng mục đích của cải tổ chính trị là dân chủ hoá đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội ở Trung Quốc.

4. Cuối cùng, ông chống lại việc các nhà lãnh đạo cùn người kế vị mình vì ông cho đó là một "phương pháp phong kiến".

Có thể nói trong bài diễn văn này, tư tưởng cải cách của ông Đặng đã đạt đến tột đỉnh. Nhưng trước sức ép của phe bảo thủ (Trần Văn, Lý Tiên Niệm, Hồ Kiều Mục, Vương Chấn...) lo sợ tình hình Trung Quốc sẽ giống như Ba Lan với sự phát triển của công đoàn Đoàn Kết, Đặng Tiểu Bình đã nghiêng hẳn về phe bảo thủ, sau khi thấy phe này đã liên minh được với cánh Triệu Tú Dương vốn muốn tranh quyền kế vị Đặng với Hồ Diệu Bang. Thêm một lần nữa, sự trở cờ này chứng tỏ rằng, mặc dù thấy rõ được sự cần thiết của một cuộc cải cách chính trị toàn diện theo hướng dân chủ hoá sau nhiều năm nghiên ngẫm về thực tiễn cách mạng Trung Quốc và thế giới với tinh thần thực dụng, ông Đặng luôn luôn sẵn sàng lùi bước khi thấy quá trình dân chủ hoá đang chậm hoặc đe doạ đến quyền lực của ông. Ngày 25-12-80, Đặng Tiểu Bình đọc diễn văn "Thi hành chính sách điều chỉnh, bảo đảm ổn định và thống nhất", ủng hộ đường lối của Trần Văn và Triệu Tú Dương. Ông kêu gọi "phải củng cố bộ máy nhà nước của nền chuyên chính dân chủ nhân dân để đánh không chút xót thương, chia rẽ và làm tan rã những lực lượng phá hoại ổn định và thống nhất". Trong hơn năm năm (81-85), ông Đặng không nói gì đến dân chủ hoá nữa ; ông chỉ tập trung vào chính sách mở cửa và hiện đại hoá kinh tế, mặc dù gặp sự bao vây chống đối của phe bảo thủ (đó là

diểm tích cực cần khách quan thừa nhận !). Nhưng do sự phát triển rất nhanh của kinh tế Trung Quốc, đặc biệt ở nông thôn, công cuộc cải cách kinh tế ở vào một ngõ cụt mới. Phần lớn giới trí thức và ngay cả một bộ phận những nhà lãnh đạo như Hồ Diệu Bang, Vạn Lý... đều nghĩ rằng, muốn tiếp tục cải cách kinh tế, cần phải thực hiện cải cách chính trị. Và chính ông Đặng cũng sực nhớ đến những luận điểm quan trọng về dân chủ hoá mà bản thân ông đã đề ra vào năm 80. Chỉ trong vòng ba tháng, ông bàn đến vấn đề cải cách chính trị tới bốn lần !

- Ngày 10-6-86, ông tuyên bố : "Cải cách phải bao gồm cải cách những cơ cấu chính trị, chính là biểu tượng của cải cách ..." Vào năm 80, người ta cũng đã nói đến cải cách những cơ cấu chính trị, nhưng lại không thực hiện điều đó, đã đến lúc phải đưa nó vào nhật thứ" (NM, tr.178).

- Ngày 28-6-86, ông đề cập đến quan hệ giữa đảng và nhà nước : "Những can thiệp quá thô bạo của Đảng" vào những việc liên quan đến pháp luật "ngăn cản khái niệm nhà nước pháp quyền tiến tới. Đảng phải lo đến những vấn đề kỷ luật bên trong Đảng, còn những vấn đề thuộc pháp luật thì để cho nhà nước và chính phủ lo. Vấn đề mẫu chốt là quan hệ giữa Đảng và nhà nước, đó là vấn đề cơ cấu chính trị..." Chỉ cải cách các cơ cấu kinh tế mà không dung đến những cơ cấu chính trị chẳng đưa đến đâu cả, vì sẽ gặp những trở lực nhân sự" (NM, tr.179)

- Ngày 3-9-86, ông tuyên bố với chủ tịch Quang minh đảng (Komeitô) của Nhật : "Không cải cách cơ cấu chính trị thì không thể nào bảo đảm cho sự thành công của cải cách cơ cấu kinh tế. Trong khi cải cách kinh tế, cứ mỗi bước là ta nhận thấy một cách sâu sắc sự cần thiết của cải cách chính trị. Không cải cách chính trị, sự phát triển của những lực lượng sản xuất sẽ bị cản trở, và bối cảnh đại hoà sẽ thất bại" (NM, tr.180).

- Ngày 13-9-86, ông xác định rõ nội dung của cải cách chính trị : "Cải cách, trước hết là tách rời Đảng ra khỏi nhà nước và giải quyết vấn đề về cách lãnh đạo cũng như khả năng lãnh đạo của Đảng. Đây là điểm mẫu chốt. Điểm thứ hai của cải cách là phân quyền cho các cấp địa phương ..." Yếu tố thứ ba của cải cách là giản đơn hoá những cơ cấu hành chính, gắn liền với việc phân quyền cho địa phương. Điểm cuối cùng liên quan đến việc tăng cường sự hiệu quả" (NM, tr. 181).

Qua những đoạn trích dẫn trên đây, ta thấy những ý kiến của ông Đặng về cải cách chính trị khá rõ ràng và mạch lạc ; điều đáng để ý là ông tránh nói đến vấn đề dân chủ hoá như vào năm 80. Nhưng chỉ nửa tháng sau đó (28-9-86), trong phiên họp bế mạc của hội nghị toàn thể BCHTU đảng, Đặng Tiểu Bình đã đọc một bài diễn văn rất cứng rắn chống lại "chủ nghĩa tự do tu sản" : "Chủ nghĩa tự do tự nó là một sự kháng cự lại chính sách và hệ thống của chúng ta. Cái đó mang tên là đổi lập hay chủ nghĩa xét lại ..." Chúng ta còn phải nói đến việc chống lại chủ nghĩa tự do trong mười năm hay hai mươi năm nữa" (NM, tr.187). Theo Vương Chấn, sau đó Đặng Tiểu Bình còn tuyên bố : "Tôi đã nói ở hội nghị VI là phải chống lại chủ nghĩa tự do trong hai mươi năm, điều đó đã không làm vừa lòng một vài người. Vậy thì tốt

lắm, bây giờ tôi nói thêm rằng cần phải đấu tranh bốn mươi năm, sáu mươi năm cả thảy, cho đến nửa thế kỷ tới". Đúng là lỗi nói của một cụ già cực kỳ độc đoán và dường như đã có phần lầm cẩm !

Tưởng cũng cần nhấn mạnh thêm rằng, trước hội nghị toàn thể nói trên đây ít lâu, Đặng Tiểu Bình đã ủng hộ dự thảo nghị quyết về "những định hướng cơ bản để phát triển một nền văn hoá mới" được viết dưới sự chủ trì của Hồ Diệu Bang, chứa đựng nhiều luân điểm rất tiến bộ như : "Trong lịch sử nhân loại, sự xuất hiện của những ý niệm dân chủ, tự do, bình đẳng và tương thân tương ái (fraternité) là một giải phóng lớn về tinh thần cho nhân loại", "không có dân chủ thì không thể hiện đại hóa", "cần đẩy mạnh một cách cụ thể việc dân chủ hoá đời sống chính trị của nhà nước và của Đảng, dân chủ hoá quản lý kinh tế và đời sống xã hội" ... (NM, tr.184).

Theo Nguyễn Minh, Đặng đã chuẩn bị sẵn sàng để đàn áp phong trào dân chủ của sinh viên. Ngày 30-12-86, ông tuyên bố : "Cần phải dùng đến những phương pháp chuyên chính. Chỉ nói đến thôi chưa đủ, khi cần còn phải áp dụng chúng" (NM, tr.192)

Ngày 2-1-87, Hồ Diệu Bang từ chức Tổng bí thư.

Ngày 16-1-87, Triệu Tử Dương lên thay, chủ trương kết hợp kinh tế thị trường với chủ nghĩa độc đoán mới (*nouvel autoritarisme*), tranh quyền với phe bảo thủ (Trần Văn, Lý Bằng, Hồ Kiều Mục, Dương Thượng Côn...). Từ đấy, Đặng không nói đến cải cách chính trị nữa, mặc dù đó là một nhu cầu càng ngày càng trở nên cấp bách trước sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường mà hậu quả là sự phân hoá sâu sắc của một xã hội khát khao tự do, dân chủ. Tình hình đó đã đưa đến sự bùng nổ của phong trào sinh viên đấu tranh vì dân chủ và cuộc đàn áp ở Thiên An Môn. Đây có lẽ là hậu quả bi thảm của những tính toán chính trị sai lầm của Triệu Tử Dương (muốn lợi dụng phong trào sinh viên để đấu tranh giành quyền lực với phe Lý Bằng) cũng như sự thiếu tổ chức, lãnh đạo, đường lối của phong trào sinh viên (thực ra cũng rất dễ hiểu) nên đã không biết rút lui đúng lúc. Nhưng xét cho cùng, ông Đặng vẫn là người chịu trách nhiệm chính. Trước hết là vì ông đã không đủ quyết tâm và nghị lực (do đã quá già chăng ?) để thực hiện cải cách chính trị. Tiếp theo, là vì chính ông đã trực tiếp ra lệnh đàn áp. Theo Nguyễn Minh (như đã nói trên đây về chiến tranh trường phái Việt Nam), mặc dù có khả năng suy nghĩ một cách thuần lý, Đặng Tiểu Bình rất say mê hành động quân sự bạo lực và chuyên chính gia trưởng. Mỗi đam mê đó đã bám sâu trong ông và trở thành nguồn gốc của nhiều sai lầm nguy hại. Mỗi khi Trung Quốc phải đương đầu với những vấn đề tưởng như không giải quyết được Mao Trạch Đông dùng đến những phong trào chính trị quần chúng ; Đặng Tiểu Bình, trái lại, dùng quân đội và bạo lực. Vào cái tuổi đã gần đất xa trời (85 !), ông Đặng còn thắng được một trận làm cả thế giới bàng hoàng : loại ra khỏi vòng tranh đấu hàng triệu thanh niên chỉ được vũ trang bằng khát vọng tự do, dân chủ. Ông đúng là một Liêm Pha vào cuối thế kỷ XX này vậy !

Tóm lại, Đặng Tiểu Bình không phải là một nhà dân chủ như De Gaulle chẳng hạn. Sau thế chiến thứ hai, mặc dù đã

lãnh đạo nhân dân Pháp kháng chiến chống quốc xã Đức cho đến ngày thắng lợi, cứu được danh dự của Pháp trước dư luận thế giới, De Gaulle đã chấp nhận rút lui khỏi chính quyền trong suốt mươi mấy năm "đi qua sa mạc". Trong cuộc đấu tranh khá bạo động của phong trào sinh viên Pháp vào tháng năm 68, De Gaulle cũng đã tránh được đổ máu. Và trong cuộc trưng cầu dân ý 1969, khi bị thiểu số, De Gaulle liền vĩnh viễn từ bỏ chính trường. Thật ra ngay cả so với các nhà lãnh đạo cộng sản ở Đông Âu, ông Đặng cũng khác nhiều lắm : mặc dù còn giữ nguyên bộ máy trấn áp (quân đội và công an), họ đã có đủ sáng suốt và nhất là tình đồng bào để không dùng bạo lực nhằm giải quyết những vấn đề chính trị nội bộ. Trái lại, phải công nhận ông Đặng là một nhà hiện đại hoá có bản lĩnh dù rất độc tài. (Đúng như Theodor Adorno đã nhận xét khi nghiên cứu về chủ nghĩa quốc xã, không thể nào hiểu được nó nếu ta không chú ý đúng mức đến nhân cách độc đoán (*personnalité autoritaire*), gắn liền với nó. Và ngược lại, ta có thể nghĩ rằng không thể nào dân chủ hoá nếu một dân tộc — nhất là những nhà lãnh đạo — chưa có nhân cách và tác phong dân chủ !) Trong một chừng mực nào đó, ta có thể so sánh Đặng Tiểu Bình với Franco của Tây Ban Nha : cả hai đều chủ trương độc tài và bất động (*immobilisme*) về chính trị và nhất là có khả năng đứng lên trên để làm trọng tài giữa những phe cánh xâu xé nhau nhằm tranh quyền kế vị. Từ hơn ba năm nay, Đặng không còn giữ một chức vụ chính thức nào cả trong hệ thống đảng cũng như nhà nước, thế mà ông vẫn giữ nguyên được uy quyền như một thái thượng hoàng ! Ông sẽ còn sống mấy mươi năm nữa để kéo dài tình trạng mâu thuẫn hiện nay (kết hợp chuyên chính vô sản với kinh tế thị trường) ? Và, chẳng may, nếu một ngày nào đó ông qua đời (thực tế cho thấy là một số người trong nhóm "bát tiên" đã không trường sinh bất tử !), tình hình chính trị của Trung Quốc sẽ ra sao ? Liệu nhân dân Trung Quốc có được chặng cái may của nhân dân Tây Ban Nha : dân chủ hoá thành công chỉ trong vài năm sau khi Franco chết ? Đó vẫn là môt câu hỏi lớn chưa có lời đáp !

Nguyễn Trọng Nghĩa

1. **Ruan Ming** (Nguyễn Minh, viết tắt NM), *Deng Xiaoping, Chronique d'un empire*. Paris, Philippe Picquier, 1992.

Về sự ghi nhận một vài văn bản

(tiếp theo trang 4)

Còn mô hình Liên Xô, tư tưởng Stalin, tư tưởng Mao Trạch Đông không nói tới chỉ vì không phải chủ đề của bài tiểu luận. Mô hình Liên Xô đã phá sản nhưng Stalin còn được chân thành tôn sùng trong lòng nhiều người cộng sản Việt Nam có đâu phải vì tư tưởng của ông ta ? Tại sao rất nhiều người Việt Nam ở khắp nơi, mà không phải chỉ riêng những cán bộ cộng sản, chưa từng đọc Mao tuyển mà lại mao-ít đến thế, trong tư tưởng và trong hành vi ? Những câu hỏi cần được phân tích, tìm hiểu cặn kẽ. Xin chí tin là không có ý tránh né, gấp dịp sê nghiêm túc đề cập vấn đề cùng những hệ quả cho hiện tại và tiền đồ của dân tộc.

B.M.H.

Hỏi đáp về Trung tâm Đại học **THĂNG LONG**

Cuối năm học vừa qua, khoá sinh viên

Trung tâm Đại học **Thăng Long** đầu tiên đã tốt nghiệp sau 3 năm học, một số sinh viên đã có công việc làm tốt, số còn lại (mặc dù được một số nơi, cơ quan nhà nước hay tư doanh, đề nghị chỗ làm) tiếp tục học năm thứ tư. Nhân dịp này, **Diễn Đàn** đặt một số câu hỏi với anh **Bùi Trọng Liễu**, giáo sư đại học Paris, chủ tịch hội AUFV, về ý nghĩa việc hỗ trợ cho TTĐH Thăng Long từ ngày thành lập cho đến nay, cũng như về việc AUFV chấm dứt đợt quyên góp tài trợ.

Diễn Đàn : Là người có liên quan mật thiết¹ đến việc thành lập TTĐH Thăng Long, xin anh cho biết ý nghĩa cũng như kết quả của trường sau hơn 3 năm hoạt động.

Bùi Trọng Liễu : Việc thành lập TTĐH Thăng Long năm 1989 có ý nghĩa về nhiều mặt. Vào thời điểm đó, việc thành lập một đại học “dân lập”, mang tên “Thăng Long”, (với việc tuyển sinh hoàn toàn theo hồ sơ khoa học, việc bỏ lý lịch, việc sử dụng đội ngũ giảng dạy theo sự lựa chọn theo tài năng, việc lập chương trình đào tạo phù hợp với trình độ quốc tế, việc dám thải những sinh viên lười và không đạt trình độ, việc chủ trương phát “bằng cấp có tên” và từng chặng, việc tự quản lấy ngân quỹ...) rõ ràng đã góp phần vào việc “đổi mới” và khởi xướng phục hưng lại trí tuệ ở Việt Nam... Tôi đã có dịp phát biểu những điều này².

Diễn Đàn : Anh vừa nói tới vấn đề “bằng cấp có tên”. Có ý cho rằng ở một vài nước lớn xã hội chủ nghĩa trước đây, vì nhà cầm quyền e ngại những người trí thức, đồng thời cũng biết là cần họ như những chuyên gia kỹ thuật, cho nên tổ chức việc học tuột một mạch, rồi cấp một chứng chỉ tốt nghiệp đại học, chứ không phát “bằng cấp có tên” (nói như kiểu không có quân hàm ở Trung Quốc trong thời cách mạng văn hoá). Ý anh thế nào trong việc này?

Bùi Trọng Liễu : Về nguyên nhân, xin để các sú gia sau này đánh giá. Về phần tôi, tôi nghĩ là ở Việt Nam, có lẽ là chỉ áp dụng một mô hình đã có ở nơi khác, chứ không phải là chủ ý. Một bằng chúng là tháng 4.1975, khi tôi “điều trần” với thủ tướng Phạm Văn Đồng về việc lập lại học vị (tiến sĩ) và

học hàm (giáo sư đại học) thì việc này được hội đồng chính phủ chấp nhận nguyên tắc một cách tự nhiên. Nhưng việc phát “bằng cấp có tên” ở cấp thấp hơn, thí dụ như nay gọi là “cử nhân cao đẳng” (cho sinh viên tốt nghiệp năm thứ 3 đại học), gọi là “cử nhân” (cho sinh viên tốt nghiệp năm thứ tư đại học) vv... thì phải đến khi thành lập TTĐH Thăng Long mới nêu ra được. Tôi xin không bàn luận về các tên gọi bằng cấp có hợp lý hay không (việc này do Bộ giáo dục và đào tạo lựa chọn và quyết định), mà xin lưu ý một điểm : trên nguyên tắc, bằng cấp đánh giá sự hiểu biết của người có bằng, nó cho phép người có bằng được quyền sử dụng bằng cấp của mình theo như luật lệ hiện hành, kể cả trong việc tìm công ăn việc làm, chứ không phải hoàn toàn phụ thuộc vào sự tuỳ tiện của bộ máy cầm quyền chính trị. (Đa số người Việt thích khoe tổ tiên ; chiều theo ý ấy) tôi xin kể một câu chuyện xưa để minh họa cho rõ :

Ông Vũ Duy Đoán, đỗ hội nguyên tiến sĩ năm 1664, làm quan đến thượng thư thời chúa Trịnh Tạc. Vào một dịp trái ý, chúa sai bãi chức đuổi về, và sai đòi lại sắc mệnh. Ông trả lại tất cả, duy còn một đạo sắc “khoa tú” (là đạo sắc ban cho lúc thi đỗ), viên quan phụng sai đòi mãi, ông nhất định không trả, nói rằng : « Các đạo sắc kia, chúa ban cho, tôi đã trả lại ; còn đạo sắc “khoa tú” là do tài học của tôi làm nên, tôi không nộp ». Viên quan phụng sai không dám cưỡng đòi³.

Diễn Đàn : Và việc bỏ lý lịch trong việc học ?

Bùi Trọng Liễu : Tự do học hành là một mong muốn của mọi gia đình người Việt Nam từ thuở xưa đến ngày nay. Mỗi lần có ngăn cấm là có tai hại cho đất nước. Xin nhắc lại chuyện Đào Duy Từ, mà tôi đã có dịp viết tới cách đây 7 năm, lúc đó có người cho là ám chỉ, cũng không sai⁴ :

Ông Đào Duy Từ (1572-1634) quê ở Đà Nẵng ngoài, thông minh, học rộng nhưng vì gia đình làm nghề hát xướng nên không được đi thi. Phản chí về luật lệ khắt khe, có tài mà không được dùng, ông bèn bỏ quê, trốn vào Đà Nẵng trong. Được chúa Nguyễn trọng dụng, ông đã bày mưu tính kế, luyện quân tuyển túc, đắp lũy Trường Dục và Nhật Lệ ngăn đường Nam tiến của chúa Trịnh, sau được coi là công thần khai quốc ở Đà Nẵng. Có thuyết cho rằng sau khi ông bỏ đi, chúa Trịnh ân hận, cho người vào Đà Nẵng dụ ông trở về, nhưng ông từ chối. Theo thuyết ấy, mấy câu thơ dưới đây là của ông, ngụ ý trả lời chúa Trịnh :

[...] Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay !
— Tiếc gì một mớ trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không ?
Bây giờ em đã có chồng [...].

Dù cho khi nhà nước chưa đủ phương tiện để trợ cấp, nguyên tắc tự do học hành vẫn cần phải được bảo đảm. Tôi muốn nhắc lại chuyện ông Bùi Xương Trạch thuở xưa³ : ông lúc trẻ, nhà nghèo, theo việc cấy cày, lại chăm học, mang sách vừa bừa vừa học, đêm bắt dom đóm đựng vào túi để soi sách học. Vì thế, việc làm ruộng không bỏ mà súc học ngày càng tiến. Năm 28 tuổi, ông đi thi một lần đỗ ngay tiến sĩ (năm 1478). Hôm treo bảng, ông còn cày ở ruộng, người thời

(xem tiếp trang 18)

Lê Ngọc Trà

Lê Bình - Tuyết Lộc thực hiện

Một trời cuối tháng bảy, trời mưa. Ảnh hưởng con bão số 4 ở phía Bắc nên trời Sài Gòn cũng mưa “lai rai” như mưa Huế. Mấy anh em văn nghệ và bạn hữu quây quần bên chén rượu bàn chuyên văn, chuyện đời. Câu chuyện văn chương đang hùng, bỗng đâu xuất hiện một chàng kè sĩ xứ “bãi cát dài”: Hoàng Phù Ngọc Tường, tổng biên tập Cửa Việt. Nàng chén rượu chào bàn, luôt qua những gương mặt quen và chưa quen: Nguyễn Văn Hạnh, Lê Ngọc Trà, Trần Mạnh Hảo, Trần Hữu Tá, Hoàng Thiệu Khang, Hồ Quốc Hùng, Xuân Đài, Thu Bồn, Lê Tiến Dũng, Lũ Phương, Lâm Vinh, Phan Đắc Lập, Nguyễn Tiến Toàn, Lê Minh Ngọc... Chàng kè sĩ bỗng này ra một sáng kiến: phỏng vấn. Anh nâng chén rượu ngang mà nói rằng:

– Thưa các anh, vừa rồi Cửa Việt có nhận được nhiều thư bạn đọc hỏi về cuốn Lý luận và Văn học của Lê Ngọc Trà. Bạn đọc hỏi có phải cuốn sách này là “Lý luận lạc hướng” không? Tại sao cuốn sách Lê Ngọc Trà lại sặc mùi Gorbatchop? Một cuốn sách như thế tại sao Cửa Việt lại đăng bài khen v.v... Nhân có đóng các anh ở đây, (nhìn một lượt) gần hết lại toàn là giáo sư, nhà lý luận, nhà phê bình văn học uy tín đầy mình, Cửa Việt muốn xin nghe ý kiến các anh để về thông báo lại với bạn đọc. Thế là một “hội thảo bàn tròn” chung quanh cuốn sách Lý luận và Văn học của Lê Ngọc Trà nghiêm nghiêm hình thành.

Ý tưởng đã có sẵn trong đầu mỗi người, chỉ cần bật máy ghi âm.

Hoàng Thiệu Khang: Tôi thấy anh Lê Ngọc Trà là một người có tư tưởng lý luận. Nhưng xem ra số phận tư tưởng của Lê Ngọc Trà cũng long đong. (Chắc Hoàng Thiệu Khang muốn nói tới những bài báo cấp tập nã vào cuốn sách của Lê Ngọc Trà). Đó cũng là long đong của cái mới. Anh Nguyễn Văn Hạnh, anh Lê Đình Kỵ, những tiền thân của anh Trà cũng đã được cái long đong vinh hạnh này. Tôi sẵn sàng đổi tất cả những gì mình đã có, mười lần cái mình đã có để đổi lấy cái “long đong” của anh Trà.

Anh Trà đăng ký tư tưởng văn học của mình vào lúc giao thời. Lực lượng cái cũ tuy đã lay động nhưng vẫn còn chống trả theo đà quán tính. Tôi thấy những người phê phán anh Trà thường là những người bảo thủ, hoặc là cơ hội. Còn lực lượng cổ xuý đều là những tư tưởng mới, mới theo kiểu ý thức thì Lũ Phương, Huỳnh Như Phương, mới theo kiểu thành tâm thì là Vũ Gia...

Tôi muốn nói trường hợp ngoại lệ, đó là bài anh Trần Đình Sử đăng trên tờ Văn Nghệ. Tôi ngạc nhiên về bài của anh Sử. Trần Đình Sử là người thông minh, có học vấn, không hiểu

sao vừa rồi lại nói năng như vậy. Tôi e rằng ở đây có quy luật “hoa ghen thua thắm...” Khi cái tâm mù loà thì cái trí cũng mù loà theo. Anh Sử muốn phê phán tư tưởng lý luận của anh Trà, nhưng bài rào dón quá, dài quá. (Anh Phan Đình Diệu có nói với tôi anh quý cuốn sách của anh Trà ở chỗ không rào dón). Trong tổng quát tôi thấy bài anh Sử không có nội dung. Anh Sử khẳng định anh Trà không hiểu Mác - Lênin, anh đưa ra những chỉ trích cũ như trái đất, phê bình trên những điều mà sinh viên năm thứ nhất cũng biết rồi. Anh Sử muốn tỏ rằng mình “Tủ viết” hơn anh Trà, chứng tỏ rằng mình hiểu Mác - Lênin hơn anh Trà. Anh Sử cho rằng anh Trà quan niệm những gì mình viết ra là “chơi”, tôi cho là không đúng. Anh Trà nêu vấn đề rất nghiêm túc. Anh Lũ Phương đã đánh giá anh Trà công bằng, tôi không muốn nói lại nữa.

Nguyễn Văn Hạnh: Tôi rất ủng hộ cách đặt vấn đề của anh Tường. Tờ Cửa Việt là một tờ báo có uy tín. Trong những dịp gấp gáp như thế này mà đặt vấn đề trao đổi là rất hay, tôi xin hưởng ứng.

Trong việc trao đổi về cuốn sách của anh Trà tôi băn khoăn không phải vấn đề khoa học, vì vấn đề khoa học có thể đúng, có thể sai, nhưng cái làm băn khoăn hơn: có phải đúng không khi khoa học thật không? Nhận xét, nhận định thậm chí phê phán gay gắt về một công trình nghiên cứu đã được dư luận rộng rãi chú ý, cho là “không đáng tin cậy”, là “lạc hướng”, mà lại chỉ dựa vào một bài phỏng vấn, một bài viết trong cả tập sách, thậm chí một vài ý, một vài câu tách rời chỉnh thể, cắt xén, gắn kết hết sức tuỳ tiện thì không thể nói là trung thực và nghiêm túc trong công tác lý luận và khoa học được.

Quyển sách của Lê Ngọc Trà chưa phải là một công trình chuyên sâu. Nhiều vấn đề mới được nêu lên mà chưa được trình bày có hệ thống lý giải cặn kẽ. Những nhược điểm này cũng khó tránh khỏi, do sự phong phú và tính chất phức tạp của các vấn đề được nêu ra. Nhưng điều đáng quý là Lê Ngọc Trà đã viết một tập sách hết sức trung thực và nghiêm túc, đầy trách nhiệm và tâm huyết đối với sự nghiệp văn học và sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Đã khá lâu, tôi mới được đọc một cuốn sách về lý luận văn học có nhiều phát hiện mới mẻ, có một nhận thức tinh tế như vậy về văn học. Một cuốn sách trình bày các vấn đề lý luận văn học phức tạp một cách uyển chuyển, hấp dẫn và được viết có “chất văn” như trong giới chúng ta thường nói. Hội Nhà văn quả đã không lầm khi tặng giải thưởng cho cuốn sách của Lê Ngọc Trà. Và bất chấp những lời đả kích hung hăng, ác ý của một vài người nào đó, đồng đảo những người nghiên cứu và sáng tác cũng như đồng đảo bạn đọc bình thường, vô tư thông cảm và trân trọng thiện chí của anh, công phu của anh, tâm huyết của anh.

Trong những bài viết về anh Trà tôi rất thích bài anh Lũ Phương. Các bài của anh Đỗ Văn Khang, Hoàng Nhân viết rất cầu thả. Anh Trà là người nhạy cảm, cái anh nêu “bệnh suy tư tưởng” là rất đúng. Anh Nguyễn Minh Châu nói văn học ta nặng về minh họa cũng là nói bệnh suy tư tưởng này. Anh Trà khẳng định văn học cần phải có tư tưởng, và đó chính là chỗ đóng góp của các nhà văn, của người nghệ sĩ.

Tôi rất tiếc là qua mấy bài phê bình anh Trà của anh Trần Đình Sử, tôi thấy anh Sử thiếu sự nhạy cảm và tinh tường trong văn học. Tôi rất quý anh Sử nên lại càng tiếc. Anh Sử hoá ra nghĩ rất cũ. Người là khoa học phải biết quý trọng những tìm tòi của người khác chứ.

Trần Mạnh Hảo : Đọc cuốn sách này tôi thấy anh Trà đúng là một người làm lý luận. Anh viết lý luận như chúng tôi sáng tác chứ không phải theo kiểu hàn lâm. Lâu lắm rồi tôi mới được đọc những trang lý luận phê bình có ấm lạnh của trái tim con người như thế.

Hệ thống hoá những vấn đề lý luận mà anh Trà nêu ra so với thiên hạ chưa có gì thật mới. Nhưng với ta là mới. Anh Trà đã làm một việc là chinh phục độc giả không phải bằng lý luận mà bằng hơi ấm của bàn tay sáng tạo, bằng trang giấy sot soat rất đời và có cả sự sợ hãi trong ngòi bút. Sự sáng tạo bao giờ cũng sợ hãi và non nớt như chiếc lá non dễ bị “sâu bọ” quấy phá. Trong cuốn sách của anh Trà có những lầm lẫn, nhưng đó là những lầm lẫn đúng của người sáng tạo.

Đọc sách anh Trà người ta có thể bắt bẻ anh nhiều điều, chẳng hạn cho anh phủ nhận “chức năng” phản ánh hiện thực của văn học. Tôi thì tôi thấy anh Trà nói “nghiên ngẫm” hiện thực là đúng. Nghiên ngẫm là mồ hôi, là máu, là gan ruột, là cuộc đời. Lý luận ta cứ loay hoay tranh cãi về mấy “chức năng” này thì làm sao phát triển được. Tranh cãi những điều vỡ lòng. Người ta tìm đến văn học không phải để mong nhà văn dạy cho một điều gì mà mong được chia sẻ. Anh không nghiên ngẫm về đời thì còn mong chia sẻ được với ai. Tôi và chúng ta tìm đọc hàng vạn trang sách chỉ để tìm chìa khoá mở được cuốn sách vĩ đại nhất, chính là bản thân mình. Anh Trà đã tìm được chiếc chìa khoá này nhưng không biết là đã mở được cuốn sách của anh chưa. Hình như anh đang loay hoay mở.

Tôi đọc bài của anh Sử phê bình anh Trà, chẳng hiểu gì cả. Hình như anh Sử cố diễn đạt những điều giản dị thành khó hiểu.

Trần Hữu Tá : Ý kiến anh Hoàng Thiệu Khang và anh Nguyễn Văn Hạnh là sâu sắc. Với tư cách người làm văn học sử tôi xin phát biểu mấy ý :

Có thể nói tình hình văn học mấy năm gần đây rất đáng mừng. Lý luận, phê bình văn học đã đi kịp với sáng tác. Bên cạnh những người sáng tác như Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, các bài về lý luận phê bình của anh Trà, anh Lữ Phương, anh Hạnh và nhiều anh chị khác có tác động đến sáng tác văn học cũng như đồng đảo quần chúng bạn đọc. Đó là điều rất đáng mừng.

Một điều nữa là mặc dù chúng ta cứ tranh cãi, bàn luận nhưng khi tiếp xúc với nhiều anh chị em giáo viên văn tôi thấy họ rất tán thưởng những quan niệm mới mẻ của anh Trà.

Cuối cùng tôi thấy qua việc tranh luận về cuốn sách của anh Trà, ta nhận chân ra được phẩm chất đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp của từng người viết.

Hồ Quốc Hùng : Xung quanh việc tranh luận về cuốn sách của anh Trà vừa qua, tôi thấy có mấy điểm đáng ngại. Khen chê trong đánh giá là chuyện thường tình. Nhưng để có hiệu quả cần phải có tính khoa học. Tính khoa học trong phát biểu ở đây ngoài phương pháp luận, sự trung thực như nhiều người đã nói, tôi thấy cần lưu ý thêm về trình độ. Hình như từ chỗ hiểu biết chưa thật thấu đáo về học thuật cũng dẫn đến chỗ không thông cảm và tranh cãi. Rút cục, đã chẳng hiểu nhau được mà còn gây nên không khí ảm đạm không đáng có. Tôi lấy trường hợp anh Trần Đình Sử với bài thứ hai trên báo Văn Nghệ vừa rồi để nói. Bài viết thì dài nhưng chung quy lại bài anh Sử cãi nhau với anh Trà chỉ có mỗi chữ “nghiên ngẫm” (Hình như Hồ Quốc Hùng nói trúng ý Lữ Phương, Lữ

Phương đứng dậy bắt tay). Ở đây bắt bẻ chữ nghĩa là chính. Tranh luận học thuật mà anh Sử lại đi tra từ điển dùng cho học sinh! Tôi xem cuốn sách của anh Trà và tranh thủ ý kiến nhiều người chẳng thấy ai hiểu như anh Sử cả. “Nghiên ngẫm” không chỉ là tính toán, cân nhắc, chọn lựa mà để cho nó lắng xuống, để thăng hoa thành tư tưởng. Đó là thứ phản ánh “siêu” chứ không phải thô thiển như sao chép. Chỗ này thì anh Trà đúng.

Lê Tiến Dũng : (mái ghi chép, chợt thấy yên lặng, nhận ra là đã đến phiên mình) Về cuốn sách của anh Trà tôi đã có một bài trên báo Người Lao động (TPHCM). Trong bài này tôi khẳng định những đóng góp rất đáng kể của anh Trà, trong đó có hai điểm rất đáng chú ý :

Thứ nhất, anh Trà cùng với nhiều người, góp phần đổi mới quan niệm về văn học. Quan niệm về văn học ở ta chủ yếu vẫn xem văn học như một thứ vũ khí (*Trần Mạnh Hảo xen vào : như một phương tiện*). Phải, như một phương tiện. Quan niệm như vậy trong một điều kiện nào đó là phù hợp và có thể chấp nhận. Nhưng rõ ràng là chưa đầy đủ. Cuốn sách của anh Trà đã góp phần xác định bản thể của văn học là gì? Nó không phải là chính trị, cũng không phải là đạo đức... mà nó là nó. Tôi cho đây là tư tưởng quan trọng vì nó sẽ cho chúng ta một cách đối xử khác đối với văn học nghệ thuật (*võ tay, Hoàng Thiệu Khang : phát hiện đó rất đúng*).

Thứ hai, tôi cho rằng trong cuốn sách của anh Trà, anh Trà đã nhấn mạnh đến vai trò chủ thể của người sáng tạo. Anh Trà cho rằng chủ thể trong văn học ta còn thụ động, dẫn đến bệnh suy tư tưởng. Khắc phục được điều này thì văn học ta sẽ cường tráng hơn.

Cuốn sách của anh Trà còn có nhiều đóng góp khác, cũng như không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhưng tôi nghĩ rằng trong khi những quan niệm xã hội dung túc về văn học vẫn đang tồn tại dai dẳng thì một cuốn sách như cuốn *Lý Luận và Văn học thật cần thiết* (*Trần Mạnh Hảo* để thêm: Lenin cũng nói cuốn “Người mẹ” của Gorky là một cuốn sách cần thiết và kịp thời).

Lâm Vinh : Những vấn đề anh Trà đặt ra đã được thảo luận một lần rồi, khi còn là những bài báo chưa in thành sách. Cuộc tranh luận lần này là lần thứ hai. Khoi mào là bài “Lời bình” của anh Hà Xuân Trường đăng trên tờ Nhân dân Chủ nhật. Bài đáp lại đầu tiên là bài của anh Đỗ Văn Khang, Hoàng Nhân. Rồi một loạt những bài khác đăng trên báo Văn Nghệ. Trên báo Người Lao động tôi cũng có một bài. Trong đó tôi khẳng định rằng vấn đề chủ yếu trong cuốn sách của anh Trà “là góp phần dân chủ hóa, nhân đạo hóa” nền văn học. Tiếc rằng đoạn này đã bị cắt.

Không phải tôi đồng tình với những gì Lê Ngọc Trà đã viết trong cuốn sách. Nhưng tôi không đồng tình về cơ bản cách phê phán cuốn sách của anh Trà. Nói sách anh Trà “sắc mùi Gorbachốp” là không đúng. Chúng ta nhớ lại báo chí thời đó, cả nghị quyết đảng nữa, những từ như “công khai”, “cải tổ”, “perextrôika” dùng rất nhiều. Tôi cho cách phê phán anh Trà như vậy là rất cũ, cũ về cách, kiểu, phương pháp và nội dung phê phán. May cái cũ đó là :

1. Tư duy phê bình rất cũ, có thể nói “ngựa quen đường cũ” biến các cuộc tranh luận học thuật thành vấn đề của đường lối của tư tưởng (Hoàng Phú Ngọc Tường giơ tay : Xin anh Lâm Vinh nói rõ là “ngựa” hay “roi ngựa”? Nhiều

tiếng cười). Và mục đích không vì khoa học, vì văn học mà nhằm quy chụp về triết học và chính trị.

2. Những bài phê phán anh Trà đều nhân danh bảo vệ chủ nghĩa Mác. Nhưng như mọi người đều biết : Chủ nghĩa Mác và nhân danh chủ nghĩa Mác là hai cấp độ khác nhau, hai cái khác nhau. Người ta có quyền đặt dấu hỏi, thậm chí cảnh giác khi nghe ai nhân danh Mác, trong lúc này.

3. Nội dung các bài phê phán có dấu hiệu phục hồi những quan niệm cũ thời bao cấp, có dấu hiệu bác bỏ những thành tựu đổi mới trong văn nghệ mà đại hội VI, Nghị quyết bộ chính trị về văn nghệ... đã nhận định và khẳng định.

4. Nội dung các bài phê phán có lối nhìn rất cũ đối với những thành tựu văn hoá gọi là tu sản, ngược với chính sách mở cửa của đảng và nhà nước, như việc phủ định, bài xích triết học Căng, Bécxông, Phorrot, bài xích văn học hiện sinh một cách hẹp hòi, phiến diện và thô thiển. Lênin và các nhà mácxít chân chính đã từng lên án hiện tượng " Prôlêcum " (văn hoá vô sản), nhưng xem ra nó vẫn còn sống, vẫn dai dẳng bám vào xã hội mới, thậm chí có thể gọi là " hội chứng Prôlêcum ". Đó là óc kỲ thị hẹp hòi, sự dị ứng với những thành tựu văn hoá của giai cấp khác, dân tộc khác trong quá khứ cũng như trong hiện tại, mà hậu quả của nó là sẽ tạo nên một nền văn hoá đóng cửa, khép kín, và tự nó quay lại phủ nhận chính ý niệm " văn hoá ".

Thu Bồn : Tôi nhớ hồi chiến tranh tôi đi đọc thơ. Đọc xong bài " Trên đỉnh Chu Pông " thì được mọi người góp ý. Có người cho bài thơ viết đúng nhưng còn thiếu nói về chiến tranh du kích, có người bảo chưa nói đến việc bắn máy bay, v.v... Bây giờ chúng ta thấy là ấu trĩ, chờ hồi đó người ta góp ý rất thành thật, và tôi cũng thành thật ghi chép tiếp thu. Cuốn sách anh Trà ai góp ý thành thật, dù đúng, dù sai, cứ nghe. Còn ai đó góp ý vì một động cơ khác thì mặc họ. Chỉ xin các vị đừng có ngây thơ quá. Uống vô một ly rượu là ngây thơ rồi. Thiếu gì người bơi sấp tới bờ rồi thì buông tay. Với những người này thì chúng ta thương xót họ thôi (Chắc là ý Thu Bồn muốn nói tới những người đổi mới nửa vời).

Lữ Phương : Tôi cho rằng cuộc tranh luận về cuốn sách của anh Trà cũng giống nhu nhiều cuộc tranh luận trước kia. Nhưng lần này những người " đánh " thảm hại hơn nhiều. Anh Vu Gia chưa bao giờ xuất hiện trên phương diện phê bình, thế mà chỉ mới một bài báo đã chôn vùi một cung cách.

Về vấn đề văn nghệ phản ánh hiện thực tôi xin đưa ra hình ảnh : đây là những cái cây, cây xoài, cây ổi, cây mít... văn nghệ là một cái cây. Phản ánh hiện thực là mẫu số chung cho mọi cái cây (nhiều người gật đầu). Nói vậy thì tôi OK cái cây. Văn nghệ là một cái cây, nó là nó chứ không phải cái cây khác. Anh Trà nói đúng. Tôi sẽ bảo vệ đến cùng cái đúng của anh Trà (vỗ tay). Nói cho cùng văn nghệ là tiếng nói nội tâm của con người. Khi sáng tác là tôi muốn nói một điều gì đó với cuộc đời, chứ không phải đi " ghi " cái này, cái nọ. Nói văn nghệ là cái tâm của người nghệ sĩ là như vậy.

Hoàng Phú Ngọc Tường : Nói văn học phản ánh hiện thực là thừa. Không có cái chi lại không phản ánh qua ý thức. Nguyễn Trãi có câu thơ " Ai ai cũng có hai con mắt ". Con người ta ai cũng nhìn thấy, trừ người mù. Đó là tự nhiên. Tôi chấp nhận phản ánh ngang đó. Nhưng thần thoại Hy Lạp kể rằng Saturne đã nuốt tất cả con mình khi mới sinh ra. Và sau đó lại nhả ra những thần linh. Hành động sáng tạo là như thế. Để tiếp thu thế giới, anh phải " nuốt " nó, tiêu hoá nó, làm cho

nó thành nhũ tương trong lòng, thành chất sống tâm linh rồi mới " nhả " ra như Saturne nhả con.

Cái đó, Ôn Như Hầu gọi là " Lò cù nung nấu sự đời ". Dù giải thích dài dòng cách nào đi nữa thì ý niệm " phản ánh " – từ nghĩa gốc của nó – cũng không diễn đạt nổi quá trình " luyện kim bên trong " này của chủ thể sáng tạo. Tôi cho rằng anh Lê Ngọc Trà dùng chữ " nghiền ngẫm " là hay, và mới.

Xuân Đài : Tôi đọc sách anh Trà rất kỹ và nghiêm túc. Đọc kỹ thấy anh Trà đổi mới và ủng hộ đổi mới. Sách anh Trà có ý nghĩa chính trị. Anh Trà không chỉ viết bằng lý luận mà bằng sự xúc động của trái tim. Đọc anh Trà dễ xúc động, trong đó có tôi.

Lê Ngọc Trà : Từ nay đến giờ tôi lắng nghe rất kỹ ý kiến các anh, cũng như tôi đã đọc khá kỹ mấy chục bài báo viết về cuốn sách của tôi. Tôi cố tìm dũng sau các ý kiến ấy, kể cả khen và chê, những gì giúp mình nghĩ lại, nghĩ thêm. Nghe khen thì vui, nghe chê thì bức, buồn. Đó là chuyện thường tình. Nhưng với tôi, quan trọng không phải là khen chê mà là sự hiểu biết, tri âm, là nhân cách, thái độ sống, sự lựa chọn, chỗ đứng trong thời buổi hiện nay. Ở đây khoa học và cách sống đều quan trọng như nhau. Tôi nghĩ không nên vì đổi mới mà coi thường khoa học, nhưng cũng không nên, dù cố ý hay vô tình, nhân danh khoa học mà đẩy lùi đổi mới.

Quả thật, về phương diện khoa học, tôi thấy mình chưa phát hiện được điều gì mới. Những bài viết của tôi trước hết là cảm hứng về sự nhận ra hay là " ngộ " nói theo ngôn ngữ của Thiền. Đó không phải là phát hiện chân lý mới mà là tự phát hiện mình, phát hiện ra sự hiểu sai chân lý – những chân lý cũ và phổ biến bị vùi lấp, bị hiểu lầm. Trong nhận thức, nghĩ lại thường khó khăn và đau đớn hơn là nghĩ đi. Bởi vậy nó đòi hỏi rất nhiều tâm huyết và trí lực, thậm chí cả đau khổ nữa. Đôxtôiepxky có câu : " Đừng sợ đau khổ, trong đau khổ có tư tưởng ". Những suy nghĩ của tôi đã được viết ra từ cảm hứng ấy.

Trong cuộc tranh luận hiện nay có một điều làm tôi hơi buồn. Đó không phải là những sự bắt bẻ, chê bai hay quy chụp chính trị đối với cá nhân tôi. Cái chính là tôi nghĩ : lẽ ra những thứ phê bình kiểu ấy phải mất đi lâu rồi chứ, sao bây giờ vẫn còn ngang nhiên như vậy. Lẽ ra những vấn đề tôi nêu ra phải được xem là cũ rồi chứ. Dĩ nhiên tôi hiểu khi vấn đề nào còn được bàn thì nghĩa là nó vẫn còn cần thiết. Nhưng chính buồn là chỗ đó – buồn về sự chậm trễ của xã hội, của lý luận văn học nước nhà.

Vậy thì bao giờ chúng ta mới có thể nói được những điều thật mới ?

Hoàng Phú Ngọc Tường : Cuốn sách anh Trà là đổi mới. Lý luận văn học không có nghĩa là mặc áo đại cán vào rồi đứng phán cho các nhà văn biết cách làm. (chắc ý Hoàng Phú Ngọc Tường nói là " đạo mạo " ?). Đó từng là một cách. Còn nhiều cách khác, thí dụ cách dùng roi ngựa. Đã đổi mới thì bao giờ cũng chịu sự phản kích của đương thời. Không ai phản ứng thì chưa đổi mới đâu, không có sự đổi mới nào mà không nhọc nhằn và những con người đổi mới càng tâm huyết thì càng chịu nhọc nhằn như Chúa Giêsu chịu đóng đinh (đứng lại một chút, chờ cho xúc động qua đi rồi nói tiếp).

Tôi xin nhắc lại một ít lịch sử. Không phải bây giờ mới đổi mới mà đầu thế kỷ cũng đã có. Chúng ta có cuộc Duy Tân thời Phan Bội Châu - Phan Chu Trinh mà kết thúc là một con

tàu chở toàn trí thức khoa bảng, hoàng giáp tiến sĩ, cử nhân đi dàm ra Côn Đảo ; Huỳnh Thúc Kháng nói rằng từ thuở Hồng Bàng đến nay chưa từng có. Ngày xưa, đổi mới phải trả giá đắt như thế. Hơn nữa, đổi mới thời đó không chỉ có tư tưởng, mà cả cách ăn mặc, râu tóc, nghĩa là rất triệt để. Thế rồi cũng có người đầu đội mũ Tây, chân đi giày Tây, nhưng lại mặc áo đen quần dài, cũng tự coi là " Duy Tân ". Vậy cho nên Tú Xương mới có thơ rằng :

*Gặp ba ông táo dạo chơi xuân
Đội mũ mang hia chẳng mặc quần,
Trời hỏi vì sao ăn vận thế
Thưa rằng hạ giới nó " duy tân "*

Sau này sợ có người hiểu lầm Tú Xương, ông Nguyễn Văn Hiếu đã làm một bài thơ nói rõ ý Tú Xương. Tôi xin đọc để xem như kết thúc cuộc gặp mặt này :

*Thưa rằng hạ giới nó " duy tân "
Chỉ có trên đầu với dưới chân
Trong bụng chứa nguyên điều hủ bại
Xin trời đại xá bọn ngù dân*

Chuyện cũ nhắc lại, giai thoại cho vui mà thôi, thành thật nói là tôi không có ám chỉ ai hết. Xin cảm ơn các giáo sư, các thầy và các bạn.

(Cuộc gặp mặt kết thúc. Trời đã tối. Vẫn mưa. Không biết trời có nghe hai bài thơ " duy tân " ấy không. Nhưng chúng tôi biết đêm nay, kẻ sĩ xứ " bãi cát dài " kia chắc lại không ngủ, như đêm nào đối thoại với Trần Dần ở Huế).

Tháng 7 năm 92

LB-TL

Hoài công

Sau khi ra số 17 (tháng 10.92), tạp chí Cửa Việt đã bị đóng cửa dường như vì một lý do hành chính rất lạ đời : Hội Văn học nghệ thuật Quảng Trị không đủ số hội viên (như quy định của Bộ Văn hoá thông tin) để được quyền ra một tờ tạp chí mà bất cứ ai quan tâm đến văn nghệ đều thừa nhận là phong phú và đặt được nhiều vấn đề. Theo một thông cáo của Ban Văn hoá tư tưởng của đảng, lý do đóng cửa tờ báo có hơi khác : Cửa Việt đã đăng những bài đi ngược lại với mục tiêu, tôn chỉ của tờ báo ! Còn theo Tạp chí Kinh tế Viễn Đông (số 26 ngày 3.2.1992). Cửa Việt bị đóng cửa vì đã đăng trong số 16 ba bài sau đây : *Phóng vấn Nguyễn Ngọc*, " Kim mộc thuỷ hỏa thố ", thơ Nguyễn Duy và " Cỏ Đại ", truyện ngắn của Bảo Ninh (hai bài sau đã được đăng lại trong Diễn đàn, số 12).

Theo chúng tôi, bài báo " Bàn tròn với Lê Ngọc Trà " mới chính là một hiện tượng văn học và chính trị đáng chú ý : đây là lần đầu tiên vài mươi nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình " quây quần quanh chén rượu bàn chuyện văn, chuyện đời ", vào một chiều mưa cuối tháng 7, ngay giữa Sài Gòn, không phải để nói cho hả theo lối AQ mà để rồi được công bố trên báo. Điều làm người đọc kinh ngạc và thích thú, đó là cái tinh thần hào sảng, cái phong thái xin được gọi là " tráng sĩ " toát lên từ những lời phát biểu. Phải chăng hiện nay " nỗi sợ không rời " đã lùi một bước khá dài ? Chính vì thế mà có chuyện đóng cửa... nhằm cố duy trì cái sợ như một phương tiện cai trị. Nhưng đường như là chỉ hoài công thôi !

Diễn Đàn

Thăng Long...

(tiếp theo trang 14)

đó cho thế là hay. Sau ông giúp vua Lê Thánh tông, lập nhiều công lao.

Phải nói rằng phong kiến thuở xưa, trừ một vài trường hợp đặc biệt, dù sao cũng biết tôn trọng một số giá trị. TTĐH Thăng Long đã góp phần phục hồi những giá trị đó.

Diễn Đàn : Nếu kết quả đạt được như vậy, tại sao hội AUFV lại chấm dứt đợt quyên góp hỗ trợ Thăng Long ?

Bùi Trọng Liễu : Lê dĩ nhiên, việc thực hiện được TTĐH Thăng Long là công lao của các anh chị chủ trì trong nước. Đồng thời, phải nói rằng : những kết quả kể trên, đạt được trong một bối cảnh phức tạp, chứng tỏ sự thức thời và thiện chí của nhà cầm quyền trong giai đoạn vừa qua. Nhưng cũng không thể quên sự đóng góp của người ở ngoài nước, của các bác các anh chị ân nhân, cũng như sự hỗ trợ của một số ONG, do hội AUFV chúng tôi giới thiệu và làm trung gian. Đối với các tổ chức này, chúng tôi có một nguyên tắc : sau một thời gian làm trung gian, mà sự có mặt của chúng tôi được coi như một bảo đảm, chúng tôi lui ra để cho họ trực tiếp quan hệ với Thăng Long. Đối với các bác các anh chị tài trợ với tư cách cá nhân (tuy ít người nhưng bền bỉ, đầy tín nghĩa và nhiệt tình), chúng tôi đã có lời giao ước từ lúc đầu : đó là xin sự trợ giúp cho đến lúc khoá sinh viên đầu tiên tốt nghiệp năm thứ 3. Lời giao ước này đã được thực hiện.

Nhưng cũng còn lý do khác : Mấy năm qua là " giai đoạn lịch sử " của TTĐH Thăng Long, giai đoạn mà sau này, nếu người Việt Nam còn trí nhớ, có thể ví với Trường Đô Kinh nghĩa thực hồi đầu thế kỷ trong việc đổi mới học hành. Đó cũng là giai đoạn của những đóng góp hỗ trợ vô tư (mécénat + bénévolat). Nhưng một cơ sở giáo dục đào tạo không thể mãi mãi sinh hoạt dưới dạng đó. Vai trò thí điểm, tiền phong, có kết quả tốt, đã được công nhận, và một số kinh nghiệm đã được đem ra áp dụng ở các trường nhà nước. Đã sang một giai đoạn mới, giai đoạn của sự tài trợ của nhà nước (nếu nhà nước muốn đóng vai trò tương tự như ở những nước đã phát triển). giai đoạn của việc tìm những tài trợ dưới dạng khác (sponsoring⁵...). Mong sao giữ được con đường đi cho đúng, đừng bị rơi vào sự phụ thuộc những quyền lợi không chính đáng, trong giai đoạn mới, đầy cám dỗ này. Nhưng đó là lĩnh vực và trách nhiệm của người trong nước.

Đối với các ân nhân của trường trong các năm vừa qua, chúng tôi xin tỏ lời biết ơn và xin chào từ biệt. Biết đâu lại có ngày tái ngộ trên một công trình giáo dục hay văn hoá ở Việt Nam trong tương lai ?

Tháng 11.1992

¹ Nói chính xác hơn, là người khởi ý thành lập TTĐH Thăng Long. Xem Hàm Châu : *Nhân Dân Chủ Nhật* số 3 ngày 26.2.1989 (bài Một tin vui trong giáo dục) và *Sài Gòn Giải Phóng*, xuân 1989 (bài Lớp đại học dân lập đầu tiên).

² *Diễn Đàn* số 6 (3.1992) : Đã 3 năm TTĐH Thăng Long.

³ *Lịch triều hiến chương loại chí* (Nhân vật chí) của Phan Huy Chú, Nxb Sách, Hà Nội 1960.

⁴ *Đoàn Kết* số 384, 1986, bài *Anecdotes autour des diplômes dans le Vietnam ancien*.

⁵ Theo nghĩa hình thức tài trợ trong đó người cho tiền được hưởng sự quảng cáo qua những thành tựu của công việc làm của người nhận tiền.

*Ghi lại buổi nói chuyện của đạo diễn
Nguyễn Đình Nghi*

Sân khấu kịch Việt Nam trên đường tìm về với dân tộc

Từ nhiều thế kỷ trước đây, nước ta đã có một nền sân khấu truyền thống vô cùng phong phú, rực rỡ. Nền sân khấu này đã từng đạt tới những đỉnh cao về mặt nghệ thuật và đã từng có thời đại hoàng kim của nó. Đây là di sản văn hóa hết sức quý báu của ta.

Nhưng đến đầu thế kỷ XX, nó đã đi vào suy tàn, vì những nguyên nhân lịch sử mà chúng ta đều đã biết.

Đúng vào lúc đó với sự hiện diện của người Pháp trên đất nước ta, sân khấu kịch nói đã xuất hiện. Nó có mặt trước tiên ở trong các trường trung học Pháp Việt, mà phần quan trọng của chương trình văn học là kịch cổ điển Pháp. Người Việt Nam đương thời đã dựa theo cái mẫu Pháp mà xây dựng một thể loại sân khấu mới. Người ta đặt cho nó cái tên “kịch nói” – vì trên sân khấu này người diễn viên chỉ nói – để phân biệt với sân khấu truyền thống là *kịch hát*. Người đương thời coi nó là một sản phẩm ngoại lai, là thứ văn hóa áp đặt, và không ít người công kích nó.

Nhưng kịch nói vẫn hình thành và phát triển – thậm chí có thể coi là phát triển nhanh chóng – bởi vì sự xuất hiện của nó không phải ngẫu nhiên, mà đáp ứng một nhu cầu nội tại sâu xa :

Sân khấu bao giờ cũng là bộ mặt văn hóa của một đất nước. Bởi vì ở đó có văn học, có âm nhạc, có mỹ thuật ; tất cả những thứ đó lại phải được tổng hợp hài hòa trong nghệ thuật biểu diễn của người diễn viên. Nền sân khấu tồn tại chứng tỏ văn học nghệ thuật của một đất nước đã phát triển đến một trình độ nhất định. Mặt khác ở sân khấu đời sống tinh thần, tâm lý, phong tục tập quán và trí tuệ một dân tộc được biểu hiện cụ thể, sinh động nhất. Một đất nước có văn hóa không thể thiếu sân khấu.

Nhưng sân khấu truyền thống, như đã trình bày ở trên, đang lúc suy tàn. Mặt khác, những luật lệ nghiêm ngặt của một nghệ thuật đã định hình và đạt một trình độ cao ở hình thái cách điệu và ước lệ đó không đáp ứng được yêu cầu bám sát và trực tiếp thể hiện đời sống đang biến động dữ

dội đương thời. Cần phải có một loại sân khấu khác.

Kịch nói là loại sân khấu ấy. Nó rất phù hợp với tâm trạng khát khao và quyết “theo mới” của tầng lớp thanh niên trí thức lúc bấy giờ. Sự xuất hiện của nó có gì giống như sự xuất hiện của tiểu thuyết kiểu mới – mà Tố Tâm là bước mở đầu – và của thơ mới thời đó. Vì vậy, tuy lúc đầu sự tiếp thu có tính chất thụ động, áp đặt, nhưng đã sớm trở thành tự nguyện, chủ động, và kịch nói đã nhanh chóng tạo ra được công chúng của nó.

Những người gây dựng nền kịch nói thời đó vừa là những người trí thức, hiểu biết sâu sắc nền văn hóa Pháp, lại vừa là những nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ hàng đầu của nước Việt Nam. Họ huy động vào cái nghệ thuật mới mẻ này không chỉ có lòng say mê, bản năng thiên bẩm, và sự hiểu biết về sân khấu, mà toàn bộ vốn văn hóa của họ. Họ tiếp xúc với sân khấu Pháp không chỉ như với một ngành nghệ thuật biệt lập, mà trong sự *tiếp xúc tổng thể* với cả một nền văn hóa. Họ không chỉ coi sân khấu là một nghề, mà là một niềm xác tín, một biểu hiện văn hóa. Đồng thời, bằng uy tín lớn lao đạt được ở các lĩnh vực văn học nghệ thuật khác họ đã góp công lớn thay đổi thân phận “con hát” hèn kém trong xã hội cũ, và tạo ra *nhân phẩm* mới cho người diễn viên. Không còn ai dám coi khinh nghề sân khấu khi có những diễn viên tên là Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Tú Mỡ, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Hồng, Nguyễn Xuân Khoát.

Tôi xin nhấn mạnh điều này, vì nó liên quan mật thiết đến một điều tâm huyết luôn luôn thôi thúc họ : cần phải xây dựng một nền kịch nói Việt Nam. Những nhân cách nghệ sĩ như họ không thể cam tâm với sự bắt chước.

Nhờ thế mà kịch nói đã phát triển nhanh chóng. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nó đã đủ sức đứng vững, đã lớn lên thành một phong trào quần chúng cực kỳ mạnh mẽ, và đã góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Thời gian này cũng là lúc các giá trị văn hóa dân tộc được đánh giá lại với một niềm tin và lòng tự hào rất cao đối với tính cách và bản sắc Việt Nam. Từ 1950, vốn văn nghệ truyền thống được khai thác sâu rộng, trong đó có chèo, tuồng cổ. Tôi còn nhớ năm 1952, ở trong rừng sâu Việt Bắc, lần đầu tiên

tôi được xem biểu diễn : Vân đại, Thị Mầu lên chùa, Thôi tủ thí Tề quân, Quan Công thuỷ chiến Bàng Đức v.v... Đây thật là một phát hiện lớn, đầy tự hào về giá trị văn hóa dân tộc. Thế hệ chúng tôi bàng hoàng trước nghệ thuật cao đẹp, giàu có, rực rỡ của kho báu truyền thống. Còn với thế hệ cha anh chúng tôi, thì niềm ước mơ có một nền kịch nói thật sự Việt Nam từ đây đã trở thành một nỗi ám ảnh.

Cuộc tiếp xúc với sân khấu Trung Quốc bắt đầu từ 1954, 1955 khi một số anh em chúng tôi được cử đi



Đạo diễn Nguyễn Đình Nghi
Ký họa của Thuý Hằng

học đạo diễn kịch nói tại Trung ương hí kịch học viện ở Bắc Kinh. (Và những năm sau đó lần lượt nhiều anh em khác đi học ở Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa.) Về giai đoạn này, tôi xin nói tóm tắt rằng kết quả là sân khấu kịch nói từ một phong trào quần chúng rộng lớn đã tiến dần tới trình độ chuyên nghiệp. Từ 1960 việc đào tạo diễn viên trong nước đã thành nền nếp và có hiệu quả lớn. Nhiều lớp diễn viên đã ra trường, trong số đó có những người hôm nay đang là lực lượng chủ chốt của đội ngũ diễn viên kịch nói chúng ta. Đạo diễn không còn là một nghệ thuật chỉ dựa vào kinh nghiệm và linh cảm, mà đã trở thành một khoa học.

Tôi cần phải nhắc lại rằng do những qui định của thời điểm lịch sử, lớp người đi học đạo diễn kịch nói ở Trung Quốc không phải là để học một phương pháp Trung Quốc, mà thông qua Trung Quốc học một phương pháp Âu châu : phương pháp Stanislavski – theo cách gọi quen thuộc lúc đó là “thể hệ Stanislavski”. Đây là một học thuyết không chỉ thịnh hành ở các nước xã hội chủ nghĩa, mà đã từng chế ngự sân khấu châu Âu và cả châu Mỹ trong nhiều thập kỷ.

Học phương pháp Stanislavski ở Trung Quốc, do thầy Trung Quốc dạy, dưới sự chỉ đạo rất chặt chẽ của chuyên gia Liên Xô, điều đó có ý nghĩa gì ?

Trước hết truyền bá một học thuyết sân khấu của Liên Xô ở một nước có nền kịch nói khá phát triển (từ lâu, từ những năm 30, về sáng tác Trung Quốc đã có Tào Ngu với Lôi Vũ, Nhật Xuất, Bắc Kinh nhân..., về biểu diễn và đạo diễn, đã có trường Đại học sân khấu Vũ Hán nổi tiếng trước năm 1949) ; đồng thời lại có nền sân khấu truyền thống rất vĩ đại – là hí khúc (hí khúc là tên chung để chỉ tất cả mọi hình thức sân khấu ca kịch truyền thống của Trung Quốc). – đây là một công việc phải vô cùng thận trọng, nghiêm túc. Liên Xô đã cử tới Trung Quốc những chuyên gia năm rất vững thể hệ Stanislavski, lại có kinh nghiệm phong phú, lâu dài của một khoa học đào tạo hết sức vững vàng. (Cuộc liên hoan sinh viên các trường sân khấu Liên Xô, Hà Lan, Mỹ, Anh, Pháp, Ixraen năm 1990 đã chứng thực vị trí hàng đầu của Liên Xô trong lĩnh vực đào tạo nghề sân khấu.) Họ mang trách nhiệm nặng nề : phải truyền đạt thể hệ Stanislavski cách trung thực nhất. Vì vậy, đặc điểm thứ nhất là lớp người học ở Trung Quốc đã được truyền thụ học thuyết của Stanislavski một cách tỉ mỉ, chuẩn xác, cả về lý luận, cả về thực tiễn.

Trung Quốc là một đất nước có trình độ văn hóa rất lâu đời, đã đạt tới những đỉnh cao mà thế giới phải khâm phục. Vì vậy, sự tiếp thu học thuyết Stanislavski cũng mang nhiều đặc điểm.

Đó là sự tiếp thu *triệt để*, đi rất sâu vào bản chất của học thuyết ấy, luôn lật đi lật lại trong thử thách của thực tiễn dần dựng để nắm vững nó, sử dụng nó một cách tự do, linh hoạt, rồi lại thoát ra khỏi nó mà trở lại đặc điểm bản sắc của mình. Do đó việc học tập Stanislavski đã có nhiều thành tựu ở lĩnh vực kịch nói. Một trong những thành tựu, theo nhận xét của riêng tôi, là qua sự tìm hiểu sâu sắc Stanislavski, ngành sân khấu Trung Quốc càng thêm hiểu biết sâu hơn về chính bản thân sân khấu của dân tộc mình.

Nhung bên cạnh kịch nói, lại tồn tại hí khúc. Đó là một nghệ thuật sân khấu vừa rất cao đẹp, vừa rất khác kịch nói

NGUYỄN ĐÌNH NGHI

Vì những lý do dễ hiểu, sân khấu Việt Nam, đặc biệt sân khấu kịch nói, ít được biết đến ở nước ngoài. Cộng đồng người Việt ở nước ngoài chỉ nghe nói tới hiện tượng Lưu Quang Vũ, cùng lăm dăm được đọc hai ba kịch bản trong số 50 vở kịch của anh.

Cho nên, ít người trong chúng ta biết Nguyễn Đình Nghi, vì anh không viết kịch, mà là đạo diễn, nhà đạo diễn kịch nói nổi bật của sân khấu Việt Nam trong hai mươi năm qua.

Điễn Đàn vinh dự giới thiệu với bạn đọc lời ghi một cuộc nói chuyện của Nguyễn Đình Nghi, qua đó chúng ta có thể đánh giá những say mê, thử nghiệm, sáng tạo để kịch nói có được cách thể hiện, có được ngôn ngữ Việt Nam.

Nguyễn Đình Nghi sinh năm 1928, quê quán Hải Phòng, con trai của nhà thơ Thế Lữ. Tham gia kháng chiến từ năm 18 tuổi. Sau hai năm theo học cụ Phan Khôi (Hán học) và Đoàn Phú Tú (Pháp văn), tham gia hoạt động sân khấu, và tìm hiểu sân khấu truyền thống (tuồng, chèo). Học nhiều năm tại Trung Quốc và Liên Xô (bảo vệ luận án *Những nguyên tắc cơ bản của sân khấu cổ truyền Việt Nam*).

Bắt đầu đạo diễn kịch từ năm 1962 : *Tiếng sấm Tây nguyên* (1962), *Con nai đen* (1962, bị cấm), *Cơ sở trắng* (1964), *Âm mưu và hậu quả* (1971), *Dại đội trưởng của tôi* (1975), *Hình và bóng* (1976, bị cấm), *Âm mưu và tình yêu* (1988), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (1980, bị cấm), *Cô gái dội mõ nồi* (1981), *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (1987), *Vua Lear* (1992).

Trong hai tháng 10 và 11.92 tại Pháp, Nguyễn Đình Nghi đã gặp nhiều đồng nghiệp Pháp như Ariane Mnouchkine, Peter Brook...

– như phương Đông với phương Tây – cho nên luôn luôn có sự đối chiếu, cọ xát, có cả va chạm, và dù muốn hay không phương pháp Stanislavski luôn luôn bị kiểm nghiệm, bị tranh biện, thậm chí bị thách thức. Cũng đã từng có những studio đem thí nghiệm việc ứng dụng phương pháp Stanislavski vào giảng dạy học sinh hí khúc, hoặc xây dựng những tiểu phẩm kịch bằng cốt truyện hí khúc v.v... và ... đều thất bại. (Cần phải nói cho công bằng : chuyên gia Liên Xô thừa nhận sự thất bại này và có thái độ rất dễ dãi đối với loại thử thách đó).

Thực tiễn hí khúc cứ hàng ngày đặt vấn đề với học thuyết Stanislavski và không để cho nó yên ổn. Rõ ràng học thuyết ấy không phải là có giá trị phổ biến cho tất cả mọi loại hình sân khấu. Đó là bài học lớn cho chúng tôi.

Và chính trong giai đoạn cực thịnh của phương pháp

Stanislavski ở sân khấu kịch nói Trung quốc thì một số đạo diễn kịch nói – mà nổi bật là Tiêu Cúc Ẩn – đặt vấn đề “ kịch nói phải học tập hí khúc ” và “ kịch nói nên học tập hí khúc như thế nào ” . Đây là một câu chuyện hết sức lý thú, cần phải có riêng một chuyên luận.

O đây tôi chỉ xin đề cập đến một số bài học và mấy suy nghĩ của riêng tôi về vấn đề này. Tôi xin nói thêm rằng những điều tôi sẽ trình bày không phải nảy ra một lúc, mà là cả một quá trình lâu dài tuy rằng khởi nguyên là từ thời gian tôi học ở Trung quốc. Những bài học và những suy nghĩ của tôi dựa trên mấy tiền đề.

Tiền đề thứ nhất : ở Việt Nam cũng như ở Trung quốc, cùng một lúc tồn tại và hoạt động mạnh mẽ hai nền sân khấu : truyền thống - kịch hát, và hiện đại - kịch nói. Cả hai lại cùng ở một thời điểm tìm học Stanislavski thăng từ nguồn một cách có hệ thống.

Tiền đề thứ hai : là nỗi băn khoăn, đã bắt đầu ngay trong tâm trí những người đã dựng thành nền kịch nói Việt Nam. Thè Lữ đã phát biểu trên Tạp chí Văn nghệ năm 1960 : “ Cần phải tìm ra một sự đóng góp Việt Nam vào kịch nói, một phương thức Việt Nam. Các kịch bản của ta đều viết một cách Âu châu. Hiện nay dân tộc tính của kịch chúng ta mới có ở trong vấn đề Việt Nam, nhân vật Việt Nam chưa biểu hiện ra ở mặt nghệ thuật... Kịch của chúng ta kể chuyện một cách rất Âu châu. Chúng ta chưa dung tâm tìm một cách Việt Nam trong lối phân hồi, phân cảnh, xếp lớp, dàn ý, trong lối dẫn dắt tình tiết có đầu có đuôi của Việt Nam ” Đó là về mặt kịch bản. “ Nhiệm vụ của sân khấu là phản ánh hiện thực bằng hình thức riêng của mình. Nhưng sự chân thực về nội dung không đủ, phải có sự đóng góp về nghệ thuật. Nếu như chúng ta diễn một vở kịch Liên Xô thì phải làm thế nào cho người Liên Xô cũng sẽ ngạc nhiên vì thấy một expression vietnamienne (cách diễn đạt Việt Nam) về vở kịch đó... ” Đó là về nghệ thuật trình diễn – về vở diễn.

Như vậy là vấn đề “ tính cách Việt Nam ” của kịch nói đặt ra ở cả hai phương diện : tác phẩm văn học kịch – và nghệ thuật trình diễn sân khấu.

Tiền đề thứ ba là một sự so sánh và lựa chọn.

Cần phải xây dựng và phát triển kịch nói như thế nào ? Không thể ở trên cơ sở không có gì mà xây dựng, xây dựng từ hư vô được. Khi đã có cơ sở là sân khấu truyền thống thì có nên xây dựng từ cơ sở cũ hoặc cho rằng kịch nói hiện đại hết sức khác biệt sân khấu truyền thống, hai thể loại khác nhau đến chổ không thể dung nạp nhau, nếu cưỡng ép thì sẽ phá huỷ nhau.

Vì vậy có thể có lựa chọn thứ nhất là không theo truyền thống mà học theo nguyên mẫu kịch Âu châu. Vì đó là một thể loại có kinh nghiệm nghìn năm của nhiều dân tộc và có những thành tựu rất lớn.

Nhưng cũng có thể có lựa chọn khác. Xây dựng theo sân khấu Âu châu thì mãi mãi là học trò, khó vượt hơn được. Sao không dựa vào cơ sở truyền thống văn hóa rất dày của ta với một nền sân khấu ít ra cũng có từ 800 năm mà lại là đặc điểm của mình, của dân tộc mình ? Ở đây có kinh nghiệm sân khấu Đông Âu. Kịch Hungari, Rumani, Tiệp, Ba Lan ... có gì khác

nhau ? Có khác nhau chăng có lẽ là chỉ ở vấn đề và nhân vật nói tiếng Hung hay Rumani hoặc Tiệp... Sau này Ba Lan có Grotovski, nhưng Grotovski xuất hiện như một *trường phái* không như một sân khấu dân tộc Ba Lan. Cho nên những người làm sân khấu Đông Âu sau khi xem chèo tuồng của ta đều nói với người làm kịch Việt Nam : các bạn thật may mắn có một nền sân khấu truyền thống.

Và con đường là phải lựa chọn sân khấu truyền thống làm cơ sở cho sự xây dựng một sân khấu kịch nói Việt Nam.

Nhưng ở thời đại ngày nay, một nền văn hóa cũng như một nền sân khấu kịch không thể cách biệt với sân khấu thế giới. Cũng không thể tuyệt đối hóa truyền thống cho là đã trọn vẹn, đầy đủ rồi. Cần phải tiếp thu, kết hợp với những thành tựu của sân khấu thế giới. Tôi xin nhắc lại, thế giới ở đây, đối với kịch nói, là phương Tây.

Có thể kết hợp được không ? Chúng ta biết rằng từ những năm 30 sân khấu thế giới – kịch nói – đã tìm về sân khấu phương Đông. A. Artaud tiếp thu ảnh hưởng Á Đông và đưa ra một số chủ trương có tác động lớn trên sân khấu Tây phương.Ảnh hưởng quan trọng là tính sân khấu (*théâtralité*) và tính sân khấu không tách ra khỏi tính cách điệu và ước lệ của sân khấu.

Sân khấu truyền thống Việt Nam chính là một sân khấu ước lệ và cách điệu. Và cái huy là tính cách điệu và tính ước lệ đã trở thành hệ thống, trở thành những nguyên tắc lớn.

Qua kinh nghiệm bản thân mình và qua kinh nghiệm thế giới, người làm sân khấu Việt Nam thấy ngày càng lộ rõ sự hạn chế của sân khấu tả thực (*naturaliste*) – thậm chí sân khấu hiện thực (*réaliste*) cũng là tả thực –. Ở đây *naturaliste* và *réaliste* phải hiểu về mặt hình thức (*forme*). Chủ nghĩa tả thực - sân khấu tả thực thật ra chỉ là một giai đoạn ngắn của sân khấu cũng như của văn học nghệ thuật trong lịch sử lâu dài của nó. Đã hiểu ra được điều đó thì phải đi vào thế nghiệm tìm tòi sân khấu mới có thể quyết định là kết hợp được hay không. Kinh nghiệm thế giới với Meyerhold ở Nga, với Brecht ở Đức cho thấy là chăng những được mà còn có thể kết hợp hiệu quả.

Từ cuối những năm 60 cho đến những năm 70 là giai đoạn người làm sân khấu Việt Nam đã có những cố gắng rất mạnh mẽ trong sự tìm tòi và thử thách ứng dụng phương pháp sân khấu truyền thống vào kịch nói. Riêng cá nhân tôi những năm đó đã dạy cho nhiều kinh nghiệm quý báu.

Qua những đợt nghiên cứu ở Âu châu, được tận mắt nhìn thấy sân khấu Tây phương đi vào ước lệ như thế nào, tôi rất phục những tòi sân khấu của họ. Phục mà không sợ hãi, vì mình có đường riêng, càng học sân khấu thế giới lại càng hiểu biết sâu sắc hơn về sân khấu truyền thống của mình.

Tôi có mấy nhận xét về những khác biệt giữa sân khấu truyền thống và sân khấu kịch tả thực Âu châu.

Diều nhận xét thứ nhất là là hình thái miêu tả. Trước hết là vấn đề mẫu chốt, *không gian sân khấu*. Cuộc đời là bao la, là vô tận mà không gian sân khấu chỉ là cái sàn diễn không thể mở rộng vô hạn độ. *Thời gian sân khấu*

cũng hạn hẹp. Đây là mâu thuẫn lớn, phải giải quyết như thế nào đây ?

Âu châú giải quyết mâu thuẫn này bằng cách viết kịch (dramaturgie). Kịch bản phải chịu sự qui định của *dung tích* sàn diễn và thời gian của vở diễn. Ở Âu châú cũng có trường hợp sàn diễn chưa được ngôi nhà hai, ba tầng lầu, nhưng cũng chỉ đến thế thôi, không thể mở thêm được nữa. Cũng có khi vở diễn mấy trăm diễn viên, khi ấy phải tổ chức sân khấu quảng trường đặc biệt – và chỉ vào dịp hội hè nào đó. Còn bình thường thì có dung tích nhất định, mặt sàn chỉ mấy chục thước vuông thôi.

Từ đó mà có luật tam duy nhất cổ điển. Cách viết là cắt lấy những mảnh giàu kịch tính nhất, giàu xung đột nhất của cuộc đời những nhân vật, dồn nén nó lại trong thời gian và không gian. Do đó kịch luôn luôn rất đậm đặc và cũng do đó nó dễ có tính chất nhân tạo (artificiel). Vì Huyền Đắc sánh người viết tiểu thuyết giống như người bóc bánh, có thể mở dần và tỉ mỉ cho người xem cấu tạo cái bánh như thế nào, còn người viết kịch thì cắt bánh, chỉ bằng vài nhát phải cho người ta thấy được cấu tạo của cái bánh.

Sân khấu Việt Nam cũng như sân khấu phương Đông thì giải quyết khác hẳn : bằng hình thái ước lệ. Khi đã không thể mở rộng vô hạn độ cái sàn diễn thì cách giải quyết là biến đổi ý nghĩa của sàn diễn. Nghĩa là nó không còn ý nghĩa cụ thể của mấy chục thước vuông nữa mà nó có cái ý nghĩa mỹ học (esthétique). Như thế khoảng cách hai nhân vật đứng ở hai đầu sàn diễn có thể là ngàn dặm mà cũng có thể là gang tấc. Về thời gian một phút trên sân khấu có thể là năm là tháng mà cũng có thể là vài giây.

Do sự miêu tả bằng hình thái ước lệ, trời biển, núi cao, hầm sâu..., chỗ nào cũng có thể miêu tả được. Cách miêu tả đưa tới một loạt nguyên tắc và cách xử lý sân khấu rất kỳ diệu. Thời gian sân khấu cũng được biến đổi như thế, không còn tính chất cụ thể như ở hình thái tả thực nữa. Miêu tả ban đêm của sân khấu tả thực là làm cho sân khấu tối lại và, để cho khán giả nhìn thấy nhân vật thì chiếu đèn rọi vào. Miêu tả theo ước lệ, ban đêm là hai nhân vật đứng trước mặt nhau mà không thấy nhau tuy là sân khấu vẫn sáng.

Từ cái chỗ thay đổi hình thái miêu tả, đi sang ước lệ, sân khấu mở rộng phạm vi miêu tả hiện thực đến mức độ hết sức bất ngờ, chưa biết đi đến đâu.

Bởi vì sân khấu ước lệ cho phép ta nhìn sự vật một cách mới lạ, nó tạo ra ý nghĩa mới cho sự vật.

Cái nhìn mới lạ như lối miêu tả hai người say mê nhìn nhau không dứt ra được bằng cách chẳng khác có sợi dây vô hình nối mắt hai người lại với nhau.

Và nó tạo ra ý nghĩa mới cho bản thân sự vật. Cô cảm trong vở “*Nguyễn Trãi ở Đông Quan*” mà cất tiếng nói, thì có nhiều loại ý nghĩa khác nhau : nó là ước ao của người con gái tật nguyền, nhưng bởi vì nó không phải là *sự thực* (réalité) cho nên đồng thời đó cũng là tiếng nói của bản thân Nguyễn Trãi, của người nghe, và cũng là tiếng đòi hỏi của cả một dân tộc.

Một nhận xét khác : cảm xúc, nỗi đau niềm vui được miêu

tả, biểu hiện ở hình thái tự nhiên thì tạo ra cảm xúc tương ứng ở dạng tự nhiên, khi ấy người xem sẽ khóc, cười. Hình thái cách điệu ước lệ tạo ra một loại cảm xúc tương ứng khác, cao hơn, trí tuệ hơn, nhiều phẩm chất mỹ học hơn, và rất mãnh liệt, dù khi ấy người xem không khóc không cười.

Vấn đề thật giả là vấn đề quan trọng ở sân khấu. Sân khấu chân chính bao giờ cũng muốn nói sự thật. Thế nào là sự thật ? Riêng về nghệ thuật biểu diễn, nếu thật là khôi phục mọi hoàn cảnh và đời sống nhân vật với đầy đủ những chi tiết vật chất và không vật chất như ở dạng bình thường hàng ngày, thì *ước lệ* mâu thuẫn với *thật*. Nhưng nếu hiểu *thật* là sự tước bỏ những chi tiết không cần thiết – như sân khấu tuồng tả bữa tiệc mà tước bỏ phần ăn, chỉ giữ lại phần uống (rượu) – để mau chóng và thuận lợi đi tới cái lõi của sự thật lớn – là tâm hồn, trí tuệ nhân vật – thì lại khác.

Stanislavski đã có công phát hiện ra qui luật hành động sân khấu của người diễn viên và đề ra học thuyết về hành động xuyên. Sân khấu Stanislavski biểu hiện rất sâu sắc nhân vật trong *thế giới hành động* của nó. Và cũng chỉ miêu tả nó trong *thế giới hành động*. Tuy vậy, dù là con người chủ yếu sống trong *thế giới hành động*, nhưng đâu phải chỉ sống trong *thế giới hành động*. Còn *thế giới mơ tưởng*, *thế giới tư duy*, *thế giới ảo vọng*, *thế giới tiềm thức*, *thế giới tâm linh*, *thế giới bản năng...* Đó là những nguyên nhân khiến tôi mơ đến một sân khấu phúc diệu (polyphonique) phong phú như một bản giao hưởng nhiều bè. Trên sân khấu ấy, tôi hình dung có nhiều tầng, ngoài cái tầng căn bản là đời sống nhân vật kịch ở đời sống bình thường, tả thực, còn xuất hiện thêm những tầng khác, với những hình thái biểu hiện khác, hoặc song song hoặc đan chéo, hoặc nối tiếp nhau.

Nói tóm lại là đi về sân khấu truyền thống, không những mở rộng phạm vi miêu tả mà còn tạo thêm được những thưởng thức mới cho những điều được miêu tả.

Tất cả những suy nghĩ đó đã nảy ra và hình thành dần dần từ cuối những năm 60 cho đến những năm 80. Kết quả là kịch nói Việt nam bắt đầu ra khỏi tình trạng vở nào cũng hao hao giống nhau, lâu dần có thể nhảm. Bắt đầu có những sáng tạo làm cho khán giả say mê chẳng những vì nội dung vở diễn mà vì hình thức mới lạ. Điều rất quan trọng là hiện tượng ấy đã kích thích những người viết kịch đi tìm cách viết khác trước và tìm tới một cái dramaturgie khác với cái học được ở sân khấu tả thực châu Âu. Và bây giờ thì người tác giả phải tìm hiểu cách kể chuyện của sân khấu truyền thống. Cách kể truyện ấy là không cắt mảnh cuộc đời nhân vật. Vở diễn giống như một dòng chảy liên tục. Điều này rất là quan trọng cho cảm giác người xem kịch, nếu không học truyền thống đi vào ước lệ thì không dám làm thế.

Bây giờ có thể khẳng định những tìm tòi của người làm sân khấu Việt Nam là đúng và đã có kết quả. Có thể tin vào tương lai và đó là công lao của 20 năm trời tìm tòi sáng tạo bền bỉ theo hướng truyền thống của sân khấu Việt Nam.

N. T. ghi 11. 1992

Văn Cao tiếng hát

Thiên Thai và *Trương Chi* của Văn Cao là hai ca khúc nổi tiếng từ nửa thế kỷ nay, cấu trúc trên hai truyền thuyết được lưu hành lâu đời. *Thiên Thai* là chuyện Lưu Nguyễn lạc vào cõi bồng lai, *Trương Chi* kể lại niềm đau đớn của chàng ngư dân có tiếng hát hay, tuyệt vọng vì tình : ai cũng hiểu như thế và hiểu đúng. Gần đây Phạm Duy có phát triển thêm ý nghĩa của hai bài hát, trong một loạt bài rất hay đăng trên *Văn Học* (California), số 16&17 (tháng 10&11.1987) [đăng lại trên *Hợp Lưu* số 8].

Nay chúng tôi muốn đưa một lối nhìn khác về hai nhạc phẩm, không phải để đi tìm cái độc đáo, lập dị, mà để đưa *Thiên Thai* và *Trương Chi* vào toàn bộ sự nghiệp thơ-nhạc-hoạ của Văn Cao, như một đồng bộ thống nhất : hai bài hát đó, chúng tôi xem như là tuyên ngôn nghệ thuật của Văn Cao — những nguyên tắc thẩm mỹ đưa ra từ thuở hai mươi, sẽ chung thủy với Văn Cao đến tuổi xế chiều.

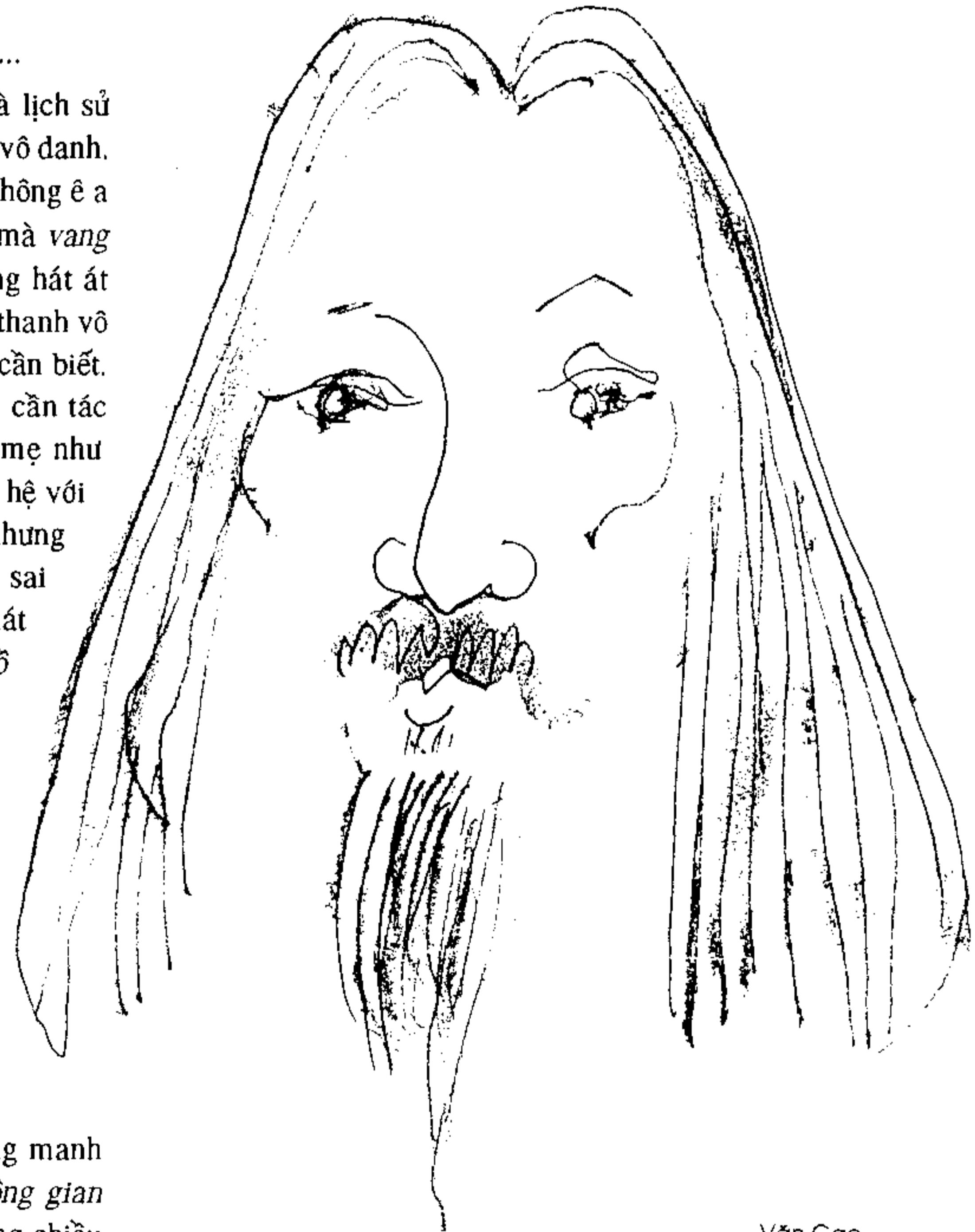
Thiên Thai mở ra bằng một tiếng hát :

Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng...

Bồng Lai, ở đây, chỉ là tiếng hát : *Thiên Thai* là lịch sử một tiếng hát, một tác phẩm nghệ thuật lừng danh và vô danh. Tiếng hát, không à oí trên võng, không tì tê bên gối, không ê a dưới ánh đèn màu, không rè rè qua máy phát thanh, mà *vang lừng trên sóng*, vượt tới vũ trụ và lấn át vũ trụ. Tiếng hát át tiếng sóng là một âm thanh tự thức đè lên những âm thanh vô thức. *Tiếng ai hát...* ai hát ? Ta không biết và không cần biết. Một tác phẩm nghệ thuật, khi lìa tác giả, không còn cần tác giả, như đứa con khi trưởng thành không còn cần mẹ như trước. Chúng ta yêu *Truyện Kiều* mà không cần liên hệ với Nguyễn Du. Liên hệ, dĩ nhiên, “thì cũng tốt thôi” nhưng không phải là điều chính yếu trong nghệ thuật. Cái sai lầm của cô Mỹ Nương là đã muốn đồng hóa tiếng hát với người hát : “*Hồ nghe tiếng hát thì thương... Hồ trông thấy bóng anh chàng thì chê...*” như lời ca dao có kể lại. Không cứ gì một cô bé lầu Tây sai lầm, mà cả nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa (đã) sai lầm, khi đánh giá những bài hát nói của Nguyễn Công Trứ qua Nguyễn Công Trứ, đánh giá tiểu thuyết Nhất Linh qua con người Nhất Linh — mà lại đánh giá sai.

Thiên Thai là gì ? là “cả một thiên thu trong tiếng đàn chơi vời”. Sự đối lập, hay song lập, giữa vĩnh viễn và mong manh, giữa những định hình và những chơi vời, là thế giới nghệ thuật. Nữ cười mong manh trở thành miên viễn trong bức họa *La Joconde*. *Không gian như có dây tơ* trong buổi chiều Xuân Diệu — hay bóng chiều Nguyễn Du, thoát tha bên cầu tơ liễu, là những ánh sáng mong manh ấy, là cả một thiên thu.

Một mặt, nghệ thuật là tiếng *dàn xui ai quên đời dương thế...*, tách rời khỏi thực tế ; nghệ thuật là một thế giới riêng, với những quy luật riêng, bảo vệ và phát huy bản năng sáng tạo, độc lập với hiện thực. Mặt khác, nghệ thuật cần bám rẽ vào thực tại để phát triển, và phả sắc, nhả hương về lại trần gian. Nói giản dị hơn : nghệ thuật cần thực tại để nảy sinh và cần quần chúng để trưởng thành, nghệ thuật là ánh trăng thanh mơ tan thành suối trần gian. Nghệ thuật là một mùa đào



Văn Cao
(Trịnh Công Sơn,
1992)

dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần, là những cánh hoa trong một bức tranh tuyệt mỹ, không nở không tàn, nhưng chỉ sống thực khi gặp cái nhìn của người xem ; sóng mắt con người đánh thức cành hoa trong hội họa, và trong ánh mắt đó, nó sẽ nở sẽ tàn như mọi thứ hoa trần thế ; và chỉ có giờ phút bùng sống đó, cành hoa nghệ thuật mới đạt tới đời sống thực và có khả năng trở thành một cành hoa lý tưởng. Trong khi chờ đợi, cành hoa huệ của Tô Ngọc Vân, cành hoa cúc của Lê

Phổ... vẫn còn là những hoa xuân chưa gặp bướm trần gian.

Người nghệ sĩ khi cầm cây cọ, ngồi bút trên tay vẫn biết rằng phút mè cuồng có một lần và chỉ một lần thôi, nếu có. Và có thể phút mè cuồng ấy không đến : phút linh cầu mai không về như lời thơ Hồ Dzénh. Hoặc đến không phải nơi phải lúc. Phút mè cuồng ấy linh thiêng, tuyệt đối, là động cơ cuối cùng của sáng tạo mà mỗi nghệ sĩ, mỗi xã hội đều có nhiệm vụ bảo vệ, vì nó chỉ có một lần. Khi khai triển, chuyển phút có một lần thành cả một thiên thu, người nghệ sĩ lại phải tinh táo : trước để chuẩn bị, và sau đó, để hoàn tất. Lúc tinh táo, trước và sau đó, anh là người thợ, phải có dụng cụ, có tay nghề. Anh đừng cả tiếng khinh thường thợ thợ, thợ vẽ : không có người thợ trong tay, anh suốt đời chỉ nguệch ngoạc, hoặc rung đùi đợi vợ con hồn rượu và lạc rang, và khinh đời "không có trình độ".

Thiên Thai là luồng điện hai chiều : người trần gian mơ hạnh phúc bồng lai trong khi những tiên cô khao khát "khúc tình duyên" trần thế. Lưu Nguyễn khi ở Thiên Thai đã "quên đời dương thế", khi về trần, muốn tìm lại cõi tiên thì Đào Nguyên nỡ nao ? Nghệ thuật cũng vậy. Nghệ thuật là cuộc đời hoá thân thành màu sắc, âm thanh ; mà cũng là những âm sắc khô cứng muôn trở lại làm hoa làm lá. Nghệ thuật là đoá hoa mong chín mộng thành trái đầu mùa, mà cũng là quả cây chín muộn, nhưng nhớ cánh bướm hoang đường từ một mùa xuân xa vắng. Là những lối đi trùng với lối về, nghệ thuật là cõi hẹn hò ngang trái. Mỗi ngang trái là một chung thuỷ và hạnh phúc của sáng tạo nảy sinh từ sự thuỷ chung đó. Nghệ sĩ cùng bầy tiên đàn ca bao năm, không còn nhớ đường về ; anh sống với nghệ thuật cũng vậy : trước giá vẽ, anh chỉ biết vui với cây cọ và màu sắc, mà không cần nhớ cuộc sống, không chịu thêm vào một bó hoa hồng để tranh để bán, không chịu bắt đi một đoá hoa sen cho hợp đường lối, lập trường. Anh vẽ cuộc sống, nghĩa là vẽ cuộc sống trong anh ; dù vẽ cái ly trước mặt, anh vẫn vẽ ra hàng ngàn cái ly đã chứng kiến đời anh, bằng một cái ly trong tâm tưởng. Tinh vật trước mặt chỉ là cái cõi, làm trung gian giữa tác giả và người xem tranh. Những mối tình lớn không cần trung gian. Những họa phẩm lớn không cần đề tài. Nhưng ngược lại, khi rời khỏi giá vẽ, trở lại đời sống bình thường của xã hội, thì anh lại phải sống bình thường, đau cái đau của con người, vui cái vui của vợ con, buồn nỗi buồn của dân tộc. Nguyễn Du không lẩn lóc suốt đời thì không thốt lên được tiếng đoạn trường. Nguyễn Khuyến không lo sốt vó vì vụ lut lội mất mùa, phần thuế quan thu, phần trả nợ thì không thể viết nổi câu nước trong veo. Nói vậy để trả lời những người hỏi Văn Cao : Sao tài hoa xuất chúng mà đi lãnh việc trong ban khủng bố ? Sao lại không ? Chẳng lẽ là tài hoa, anh lãnh phần làm nhạc quốc ca thôi, còn việc cầm thường thì để người khác làm thay ? Hỏi như thế thì khác gì trách Nguyễn Công Trứ cầm quân dẹp loạn, hay trách André Malraux chỉ huy lữ đoàn thép Alsace Lorraine ?

Thiên Thai là cõi vô thuỷ vô chung, không có thời gian. Mà không có thời gian thì không có Âm Nhạc. Lôgic. Không có khúc nghệ thường. Gió hát trầm tiếng ca, tiếng phách ròn lồng xa là nghệ thuật, là trần gian, là ý thức của huỷ thế. Âm ba thoáng rung cánh đào rơi trong một mùa đào đông ngày tháng chưa tàn qua một lần. Nghệ thuật đã làm rung chiếc lá đầu tiên xuống Đào Nguyên. Nghệ thuật là cỗ găng của con

người vượt qua khôi vật thế, tội lỗi và cái chết trong trần thế, là tiếng hát vang lừng trên sóng sau cơn bão.

TRƯƠNG CHI

Có nhiều huyền thoại Trương Chi. Tình sử Trung Quốc kể chuyện một cô gái mê tiếng hát của một người lái buôn rồi chết, tim hoá đá, cho đến khi người đàn ông trở lại, nhổ một giọt nước mắt, khôi tình mới tan. Theo truyền thuyết Việt Nam, người đàn ông là một người thuyền chài, có tiếng hát hay, nhưng bị chê nghèo (hoặc xấu) ; nhân vật nữ là cô Mỹ Nương. Có thuyết cho là nàng chết, thuyết khác cho chàng chết, tim hoá gỗ bạch đàn hay ngọc đá. Văn Cao nhấn mạnh hai chủ đề nhạc và giai cấp, và chuyện chấm dứt ở cái chết của Trương Chi, chỉ còn lại tiếng hát nức nở trên sông. Không có chuyện trái tim và nước mắt. Phạm Duy, trong *Khối tình Trương Chi* (1945), kể lại truyền thuyết từ đầu đến cuối. Hai bản nhạc đồng thời với nhau và Phạm Duy đã có lần giải thích rất hay tác phẩm bạn mình (báo Văn Học, đã dẫn).

Bài hát Trương Chi mở đầu trong một thế giới sơ khai : Một chiều xưa trăng nước chưa thành thơ, một thế giới chưa có nghệ thuật, chưa có sáng tạo ; sau đó không gian mới rung thành thơ : con người đã phát triển được bản năng thẩm mỹ, bằng cách tiếp thu một cách tiêu cực vẻ đẹp của vũ trụ, rồi dần dần sáng tạo ra nghệ thuật, ôi tiếng cầm ca thu tối bao giờ. Con người trước tiên tiếp xúc với vũ trụ để tự vệ và sản xuất. Nhờ có nghệ thuật, họ đã giao tiếp với ngoại giới bằng những rung cảm mới, ngoài phạm vi nhu cầu tồn tại. Tương quan giữa tiếng cầm ca và thu tối bao giờ là tương quan giữa bản năng thẩm mỹ, bản năng sáng tạo và cái đẹp của thiên nhiên. Thiên nhiên thì vẫn vậy thôi, hay chuyển hoá rất chậm và rất ít, theo chu kỳ, nhưng ý thức thẩm mỹ của con người càng ngày càng phát triển nhanh, càng tiến bộ, trở thành phức tạp, tinh tế. Cho đến một lúc nào đó, con người bỗng thấy lòng chiều bơ vơ lúc thu vừa sang... Buổi chiều. Mùa thu. Niềm bơ vơ : chúng ta đã đến những chủ đề cổ điển của văn thơ thế giới, từ nhiều nguồn văn minh khác nhau. Con người chủng tộc, văn hoá khác nhau có thể cùng rung cảm như nhau, vì cái đẹp khách quan bằng bạc dưới ánh sáng hài hòa của vũ trụ và cái đẹp chủ quan ấp ú trong bản năng thẩm mỹ của con người, bản chất gần nhau. Từ đó, nghệ thuật là mớ vốn chung cho toàn thể nhân loại, nó phải có tham vọng đáp ứng lại nhu cầu thẩm mỹ của con người — dĩ nhiên là qua lăng kính ngôn ngữ, văn hoá của từng dân tộc một. Sáng tạo nghệ thuật làm vũ trụ và con người càng ngày càng giàu có thêm. Buổi chiều, cũng như buổi sáng, buổi trưa, không đẹp, không xấu : buổi chiều là giờ an nghỉ, phút chia tay, một ánh trầm tư, một thoảng u hoài trước cảnh vật phai màu nhạt sắc. Buổi chiều, một thoảng bơ vơ, trở thành một tình cảm văn nghệ.

Nhưng theo đà tiến hoá, nghệ thuật — và con người nữa — cách ly ra khỏi thiên nhiên, độc lập và có khi đối lập với thiên nhiên. Nghệ thuật ngày một ngày hai trở thành một hoạt động chuyên nghiệp có qui chế trong xã hội. Ngày nay, ai thích lời chim ru rít tiếng oanh ca không nhất thiết phải thích âm nhạc ; ai yêu phong cảnh sông Lô bến sóng vàng tùng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu, người ấy không nhất thiết phải yêu hội họa.

Nhưng nghệ thuật, cụ thể là âm nhạc, hội họa và văn thơ khơi sâu ý thức về cái đẹp trong con người, giúp con người yêu thêm, yêu sâu sắc hơn ngôn ngữ và những âm sắc thiên nhiên. Không phải tự nhiên mà con người nghe *suối hát theo dõi chim quyên* hay *ngoài song mưa rơi trên bao cung đàn*... Trong trường ca *Những người trên cửa biển*, Văn Cao nói rõ hơn :

*Có người không biết trăng là đẹp
Bỗng nhiên chiều đứng ngắm trăng lên
Nghe như ai hát trong lòng...*

*Có người quên hàng chục năm đã vắng
Chợt nhớ ra tất cả những ước mơ
Của những ngày niên thiếu*

(Lá, tr. 72)

Nhờ một câu thơ, một khúc nhạc. Nghệ thuật là bội số của cuộc đời, nhân cuộc đời thành ngàn vạn giấc mơ, từ đó, Văn Cao đã có thể khẳng định *những bức tranh tăng dân số chúng ta*. Và anh giải thích :

*Bao tình yêu khát khao hy vọng
Gửi từng cuộc đời nhỏ bé
Từng thế giới con con
Với tôi tất cả
Đều rộng lớn vô cùng*

Vì những *nhỏ bé* con con ấy lớn lên trong nghệ thuật, đều trở thành *cái vung tay hùng tráng* của người gieo (le geste auguste du semeur).

Nhưng cái đẹp trong nghệ thuật không phải lúc nào cũng lung linh ánh trăng, long lanh tiếng suối, lồng lánh hơi mưa, nó có thể *lem nhem than khói*:

*Nhạc đang biến thành sự thực quanh ta
Tôi càng yêu hơn
Những cuộc đời sau bức tường xám xa
lem nhem than khói
Những lá thuyền chen chúc nép bên nhau
Qua chiếc lưỡi phơi thấp thoáng bóng người
Cả đến cuộc đời những con hà lóng lánh*

(Lá, tr. 71)

Tác dụng của nghệ thuật thật lớn lao trong cuộc sống của loài người. Cô *My Nương* vốn ở lầu Tây, con quan Thừa tướng ngày ngày cầm cung trong ca dao làm sao có tầm hiểu biết như thế.

*Tây hiên My Nương khi nghe tiếng ngân hò khoan
Mơ bóng con đò trời
Giai nhân cười nép trăng sáng lá lói
Lá lói bên trời*

Sai lầm của cô gái lầu Tây là đã mơ người hát qua lời hát, mơ tác giả qua tác phẩm, sau đó lại muốn chiếm hữu tác giả — nghĩa là chiếm hữu toàn bộ tác phẩm lẫn nguồn sáng tạo cho riêng một mình — rồi lại chê nhặt chê khoan. Cô là hiện thân của những hệ thống chính trị cưỡng đoạt văn nghệ từ xưa đến nay. Đường Minh Hoàng chuộng Lý Bạch, Louis XIV nâng đỡ Molière, bắt quá là để mua vui như Lê Thái Tôn dùng nhạc Lương Đặng; còn chế độ chuyên chính vô sản, từ Stalin đến nay, chiếm đoạt văn nghệ ra sao, thì chúng ta

không cần dài lời. Trong bài hát, Văn Cao phớt qua hình ảnh *My Nương*, chút nhan sắc của cô bé dậy thì này không đáng cho anh dừng mắt lại lâu, anh chỉ trách *ai khinh nghèo quên nhau*. Quên nhau là thôi, là hơn. Trương Chi dừng chèo là Văn Cao dừng chuyện. Không cần gì tim phải hoá đá để đòi nợ nước mắt. Vả lại không ngọc đá nào quý bằng trái tim con người, trái tim biết yêu, biết nhớ, trái tim khi ngừng đập là tan rã với cỏ cây. Trái tim Trương Chi, trái tim Văn Cao không có gì sánh được. Còn món nợ kia? Ở đời, một là anh *phủi nợ*, thì hết vấn đề. Hai là anh nhận nợ, thì không bao giờ anh trả hết: chết đi, chết kiểu gì đi nữa, thì anh cũng chỉ mới thoát nợ chứ chưa phải là trả nợ. Lần thẩn mà Văn Cao đòi nợ thì phiền lấm: cả nước nợ anh một bản quốc ca, mỗi chúng ta còn nợ anh một điệu nhạc tình, cả mấy cô tiên trên Thiên Thai vẫn còn nợ Văn Cao trái đào thơm. Năm nay bảy mươi tuổi, Văn Cao đã ăn được trái đào thơm nào đâu? Còn quả dắng, thì suốt một đời, anh phải ăn nhiều lấm. Văn Cao là chú đạo đồng dâng mật ngọt cho bữa tiệc tràn gian rồi suốt đời phải ăn trái dắng.

Trái tim Trương Chi thì đã tan rã. Nhưng *tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung...* Đây là định mệnh của tác phẩm nghệ thuật, là ý nghĩa đặc biệt của nhạc phẩm *Trương Chi*, chứ không phải là chuyện tình lần thẩn. Phải hiểu như thế mới bắt được mạch thơ Văn Cao:

*Đêm nay dòng sông Thương dâng cao
Mà ai hát dưới trăng ngà
Ngồi đây ta gõ ván thuyền
Ta ca trái đất còn riêng ta*

Ta ở đây không phải là cá nhân Trương Chi, cũng không phải là Văn Cao, mà là Con Người, Nhân Loại sáng tạo ngôn ngữ, rồi sáng tạo nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, văn minh, để làm chủ trái đất *còn riêng ta*. Con người gõ ván thuyền mà ca, giữa cảnh trăng nước sông Thương, đẹp hơn cả hình ảnh Trang Sinh khi võ bồn mà hát. Hát rằng: *Ta có trời đất làm quan quách, nhặt nguyệt làm ngọc bích, tinh tú làm ngọc châu, vạn vật làm lễ tống...* Mà còn thêm chi cho lấm việc (*Liệt ngự khấu*, Ngoại Thiên). Bối cảnh có khác nhau, nhưng nội dung chính yếu của chuyện gõ thuyền, gõ chậu mà ca không khác nhau: Con Người tự thức, làm chủ thể của ý thức và ngoại vật. Tự thức ở Trang Tử là tư tưởng lớn lao của ông, tự thức của Văn Cao là nghệ thuật của mình, là *tiếng hát vang lừng trên sóng*, mà cũng là *tiếng sóng*. *Tiếng sóng Kêu khát suốt ngày đêm — Suốt ngày đêm kêu khát*. Nghệ thuật phải là *những làn môi*. *Những làn môi nóng bỏng căng mìn chờ đợi*:

*Nước ngọt của dòng sông
Bao giờ đổ đầy lòng biển
(Câu khép trường ca *Những người trên cửa biển*).*

ĐĂNG TIẾN

Kỳ tới :

VĂN CAO, SÓNG NGÀN KHÁNG CHIẾN



Nhân sứ

truyện ngắn của HOÀ VANG

Tây Du Ký, đã là một đam mê mãn tính của bao nhiêu thế hệ Người. Chắp này, lại đang bột phát. Khắp thôn cùng xóm vắng đều vang lên những tiếng cười sảng khoái, như là gốc của Nhạc. Nghe những tiếng cười, tự nhiên trong lòng thấy xúc động, cứ muốn nồng nặc đi tìm những thư tịch cổ để được ngõ hầu đọc thêm chút gì về cái Bộ tứ di thính kinh ấy ?

Chẳng có nhẽ, khi Đường Tam Tạng đã được gia phong Thiên Đàn Công Đức Phật, Tôn Ngộ Không thành Đầu Chiến Thắng Phật, Trư Bát Giới được là Tịnh Đàn Sứ Giả và Sa Ngộ Tịnh cũng được thành Kim Thân La Hán, thì bọn họ không còn có chuyện gì nữa sao ?

Thư tịch cổ đâu không thấy, lại thấy một thiếu phụ giống như Thích Ca chìa cổ tay ra mà bảo : " Anh nắm lấy đi ". Nghe. Nắm. Liền được cô lôi đến một ngôi đền. Vốn ngại đền chùa miếu mạo nhưng đã có cô, nên không buông cái bàn tay nắm của mình ra. Vào đền. Cô bảo tiếp : " Em hay đến lễ ở đây. Cốt cho tinh tâm ". Thấy mắt cô lúc ấy thẳng băng, trong sáng và hệt trọng, liền hỏi khẽ : " Vậy anh ngồi cạnh thế này liệu có ảnh hưởng gì đến cái Tịnh Tâm em ? " Nàng lắc đầu, tiếng nhẹ như hơi thở : " Không đâu ! Anh ! "

Ra ngoài tiền sảnh, bà thủ nhang thoát đầu có ý hãi vì nhìn thấy hơi nhiều râu tóc, sau lại cởi mở vì thấy biết xin một miếng trầu. Ăn, nhai, lại xin thêm chút vôi và không nhả, nhổ chút gì...

– Nước trầu cau ai ưng nuốt là nuốt được lửa đó ! Ông ăn trầu cách ấy thì tôi muốn đưa ông đọc thử cái này. Bà thủ nhang sẽ sảng nói vây rồi nhẹ bước vào nhà trong. Khi bà ra, thì thấy trên tay bà một tập giấy mỏng nhẹ the, kẹp nẹp xống cọ bóng láng.

Về, một mình đọc, gấp gáp, y hẹn ba hôm sau phải trả lại bà.

Lại về. Khép biệt thất, khoá trong đủ ba vòng, uống rượu một mình với Ông

Địa, rồi muôn chép lại những gì nhớ được...

I. Chứng mất ngủ và bệnh ngứa tay ở Tây Thiên

Bấy lâu nay, giữa Tây Thiên trong đêm tĩnh lặng huyền không — mây bạc, hương ngát, trăng thanh và đàn — ở Chính Đại Điện chùa Lôi Âm — trùng đạo phảng phắc, uy nghi những toà sen đại định — chẳng ngờ có một toà sen nhỏ cứ dọ dẫm, oằn lên, lả xuống.

Ấy là toà sen của Kim Thân La Hán Sa Ngộ Tịnh. Người mắc chứng mất ngủ — chứng mất ngủ chưa từng có ở Tây Thiên.

Căn bệnh quái ác khởi từ một ngày...

Nhàn cư quá đỗi, Sa Ngộ Tịnh chợt trật vật cà sa, ngó xem đôi vai mình. Người thấy nó trắng nhẽnh, nõn nõng như da thịt đàn bà nhà phú hộ đang kỳ chửa đẻ. Nắn véo, thấy mềm thún thín như lườn hươu, vú nai những ngày vắt sữa cúng thần. Nỗi nhớ tẩm vai xưa — gồ lên cả vầng, cứng như sừng, rám sắc đồng hun — cùng chuỗi tháng năm Tây Du gian nan mà sôi động thuở nào, ngùn ngụt cháy lên, thông thốc kéo về...

Và thế là cái đêm mịt mù tử khí ấy, chợt đội thốc tất cả lên cái đêm... Đường Tam Tạng đã khẽ khàng đến bước đến bên đống xương trắng của Bạch Cốc Tinh, rồi phục xuống mà khóc tấp tấp ào ạt như mưa như gió.

– Ôi chao ! Với di cốt tan nát của một yêu quái đã bị Tôn sư huynh ta đánh chết, lại có thể khóc than, thương xót như thế, đến thế được chăng ? Đêm ấy... chỉ một mình ta đứng chết, sững sờ hết gai người... Và bây giờ, nhớ lại, lại càng thấy ghê rợn, kinh khiếp. Phải chăng ? Hay là ?... có lẽ nào, Sư phụ ta, Đường Tăng, lại chính là một siêu yêu quái ?

Cái mảy ý nghĩ sau cùng ấy, thế là đã

vọt ra. Nó băng cái mắt muối, nhưng trọn vẹn, rách rời. Nên nó thành ngay một tia chớp xé toang rồi không chịu tan lặn, nhăng nhăng vĩnh viễn thứ ánh sáng loá mắt. Nên nó thành ngay thứ hạt giống biết cười khanh khách, đậu đất là nảy mầm, vươn lên vù vù thành cây càنه cổ thụ, túa ra đủ thứ rễ, bám riết lấy tâm trí, không thể lắc rũ, phủi tẩy, cầu vứt.

Chứng mất ngủ bắt đầu hành hạ Kim Thân La Hán từ ấy...

Ngày vào hạ, Phật tổ Như Lai đi ra Lộc Uyển vui chan hoà cùng chúng tì khưu. Ngài thấy Sa Ngộ Tịnh ngồi thừ lù, rũ bờm râu tóc dưới một gốc cây, bèn vẫy tay gọi lại :

– Ngày, Sa Tăng ! Hãy khá nhìn xem, chung quanh, tất thảy các gương mặt đều hồng tươi nhuận sắc, an lạc phồn thực. Có sao riêng con vóc hạc mảnh gầy, trán nhăn, má trũng ?

– Dạ ! Thưa Thống phu chí tôn, ít lâu nay con mắc chứng mất ngủ.

– Hơ ! Mất ngủ ! Mất ngủ ngay giữa cõi này ? Sao lại đến nồng nỗi thế ?

– Dạ. Một ý nghĩ hành hạ con.

– Ý nghĩ gì vậy ?

– Con không dám thưa. Nơi đây đông người quá. Và ý nghĩ ấy thật tội lỗi.

– Hơ ! Sa Ngộ Tịnh ! Há ngươi không biết, ở tinh thổ tẩy oan này không có Tội Lỗi. Và dám đồng ư ? Cho ngươi được vinh hạnh như Ca Diếp khi xưa : biến dám đồng chung quanh thành vô nghĩa trước ta để được giao hoà riêng một mình với ta.

– Trời ! Thế thì đó là một trọng tội rồi. Xoá đi như không từng thấy nhân thân, từng thấy gương mặt hồng tươi nhuận sắc, an lạc, phồn thực... Kinh khủng quá. Một trọng tội ở chính cõi cực lạc này rồi. Thống phu là chính phạm, và con a tòng nếu nghe Người.

– Người sợ phạm tội cùng ta chăng ? Sa La Hán — giọng Như Lai thoảng run lên — Hãy rời gót tức khắc !

Bực bõ, đêm ấy, đến lượt Như Lai thao thức...

Chợt một ngón tay ngài ngứa ran lên. Đẩy mấy ngón tay hữu lên day gãi mãi chảng đở chờ lại càng ngứa дãy. Ngài bật cười thầm : " Ồ hay nhỉ ? ". Rồi khẽ nhón người, nhìn xuống toà sen thấp hè, toen hoen tận tít tít phía dưới của Sa Tăng, thấy nó chốc chốc lại ngọ nguậy, bèn khẽ đưa tay lên, vẫy vẫy.

Kim Thân La Hán tức khắc đến bên, sụp lạy, chờ lệnh.

— Lại gần đây, leo hẳn lên đây nào. — Quàng tay lên vai Sa Tăng, Như Lai thủ thi. — Thế này thì hẳn nhà ngươi không còn phải áy náy gì về một đám đông bị xoá đi nữa nhé. Böyle giờ, rõ là chỉ có hai người đồng bệnh mất ngủ, tâm sự với nhau khi tất cả đang an giấc. Người sê nói cùng ta ý nghĩ nào đã khiến ngươi mất ngủ chứ ? Bù lại, và đi nước trước, ta sẽ cho ngươi duy nhất, nghe một bí mật của riêng ta. Ta vừa bị ngứa một ngón tay...

Đó ! Càng nói đến thì lại càng ngứa quá lầm...

— Thưa Thống phụ, phải chăng Người ngứa ở đầu ngón tay giữa bàn tay phải ?

— Trời ! Sa Ngộ Tịnh ! huệ nhân ngươi siêu đạt đến thế, thấu được tâm linh ta chăng ? Đúng. Đúng vậy. Nói tiếp đi, La Hán minh vàng thân yêu...

— Dạ... Con đang nói đây. Chẳng hay Thống phụ còn nhớ ngày Người đến cứu giá, trấn yên vụ “ Đại náo thiên cung ” của sư huynh Tôn Ngộ Không con ?

— Ô ! Có thể nào quên ? Đó là một ký ức sinh động.

— Nếu thế thì Người phải biết vì sao Người ngứa tay chứ ?

— Ta không biết. Ta chưa biết đến phút này mà...

— Vậy thì Thống phụ ơi, nghe con đây. Khi Người xoè ngứa cả bàn tay ra, rồi đỡ anh con nhảy vượt khỏi được, thì cũng ngay lúc ấy, toàn nội lực Người thảy đều đã dồn vào một ý hướng quyết liệt : Phải úp xuống, phải đè dập kỵ được con khỉ yêu quái này. Chính lúc xoè tay ra, ngứa lên mà chỉ nghĩ đến cách cùp vào, úp xuống, thì còn làm sao cảm nhận được hết những gì đang diễn ra. Thống phụ đã thấy anh con nhổ một chiếc lông vạch mẩy chữ lên đầu ngón tay Người — mà anh con nhầm là cái cột chống trời cao nhất — sau khi ngõ minh đã vọt một cái lên đến hết chín tầng trời. Thế là Thống phụ dim mắt cười nhạt, bắt đầu triển nội lực... Chính lúc đó. Chính lúc đó đấy... Trên cao, gió thổi, mây bay, lồng lộng. Mát quá, anh con thích chí quá độ, phỏn lên, bèn vén áo bào, đai vào đỉnh “ cây cột chống trời ” nọ một bãy thoả thuê. Thống phụ đã không hay biết điều đó. Rồi Thống phụ úp gọn được anh con, bắt thành lão yêu hẫu trọc lốc sọ, trui sơ lông, vươn cổ ngắc, ăn rỉ sắt, uống rỉ đồng 500 năm dưới Ngũ Hành Sơn. Rồi Người vào dự An Thiên đại hội do Ngọc Hoàng chiêu đãi tạ ơn. Hình như yến tiệc tung bừng rực rỡ ấy lại khiến Người nhăng ý, không lau rửa ngay những ngón tay vừa bận bịu biết bao của mình.

Trộm nghĩ : Dẫu sao anh con cũng đã trải mấy nghìn tuổi, lại lạ lùng hơn cả Thống phụ, nứt ra từ một hòn đá giữa trời đất, lại tu luyện đắc 72 phép thần thông, lại nhảy ra nhảy vào lò Bát Quái của Lão Quân như đi chợ, lại đậm mẻ cả Chiếu Yêu Kính của Thác tháp Lý Thiên Vương, lại ăn hơi nhiều đào chín cây trong vườn Tây Vương Mẫu... Lại... lại... Chẳng nhẽ dấu tích “ — dấu là một chút nước thải — của một nhân thân như thế, há lại không để lại chút di chứng nào ư ?

— Hay, hay ! Đúng, đúng ! — Như Lai bật thốt lên, hứng khởi rồi giọng điệu lại điểm đậm lăn ngay vào nụ cười an hoà — Nhưng vì đến những ngày này nó mới phát ra nên phải nói thêm : Tại bãi nước rái khô của lão khỉ ngày ấy và chứng mất ngủ của nhà ngươi những ngày này đó nữa.

— Dạ ! Con xin thú nhận. Công hay tội, vinh hay nhục cũng vậy. Con nhận rồi.

— Thôi, Sa Tăng... Ta đã nhớ ra một lời đồn thổi của đám thường nhân vùng núi Ngũ Hành... nơi tảng đá đã bốc lá bùa yểm của ta ngày giải thoát Tôn Ngộ Không đó, có mọc lên một cây lá dâu. Giờ thì ta đoán chắc chỉ thứ lá dâu ấy mới chữa khỏi cho ta chứng ngứa ngón tay này. Nhưng... Lại chỉ đám chúng sinh thường nhân mới bẻ hái được lá ấy. Riêng ta, dù quyền phép để túc khắc bốc cả Ngũ Hành Sơn về đây. Nhưng như thế thì còn che mắt được ai. Ta — dâng chí tôn toàn năng, thượng đẳng — Ta, ta mà lại mắc một chứng bệnh rận rệp ấy ư ?... Đó ! Người thấy không ? Thực là không tiện.

Lặng nghe, mắt Sa Tăng ánh lên nỗi đồng cảm chân thành. Nhưng khi nhận ra điều ấy thì Như Lai liền tạt chuyện :

— Giờ là đến lượt ngươi đó ? Nào, ý nghĩ gì hành hạ con, Sa Tăng ? Chí ít thì cũng phải như đáp lại những gì ta ngỏ cùng con chứ ?

— Dạ, đương nhiên là vậy, như cả cuộc đời con thôi — Một chuỗi dài đáp lại. Đáp lại công tu luyện thần lực và phục vụ chư tiên là hàm Quyển Liêm đại tướng. Đáp lại cái lõi tay vỡ chén lưu ly là kiếp dày đoạ dưới đáy sông Lưu Sa tắm tối, bùn lầy. Đáp lại cái quỷ bái nhận sư phụ là cả chuỗi đầu lâu người tanh tươi thoát biến thành tràng hạt Đại Bồ Đề thơm sáng. Đáp lại cái công ngày gồng gánh, đêm canh gác suốt cuộc Vạn Lý thỉnh kinh là toà sen Kim Thân La Hán. Và... đáp lại nỗi nhớ là chứng mất ngủ, là ý nghĩ khủng khiếp nghi ngờ Đường Tăng, thầy con...

Sa La Hán đã nói hết lòng mình với Như Lai...

Nghe xong, Phật Tổ ngửa đầu cười ngất ngất, hồi lâu, rồi cất lời khuyến dụ thật trang trọng :

— Bồ Sa Ngộ Tịnh, con trung thực xiết bao nhưng huệ nhân cũng thấp kém xiết bao. Con đã không thấy được hạnh phẩm thượng thừa siêu việt của sư phụ con. Khi tu hành đã chứng đạo quả như Đường Tăng thì lòng từ ái sê bao trùm lên tất cả : Tiên Phật, thường nhân và khắp chúng yêu quái nữa. Hãy nghe ta : Phải dốc lòng yêu kính tin tưởng nhiều hơn nơi thầy Tam Tạng, nay là Thiên Đàm Công Đức Phật đó...

Sa Ngộ Tịnh dập đầu tạ phúc. Sự nghi ngờ Đường Tăng lập tức tiêu biến. Lòng yêu kính hồi sinh, tuôn về dâng lên như nước triều đông, dào dạt trong lòng.

Nhưng khi về đến toà sen nhỏ của mình thì Sa Tăng vẫn không chợp mắt được. Đã có những mớ bòng bong ý nghĩ khác cuộn rối lên.

— Ôi chao ! Nếu như ở tầng thế giới thường nhân không phân biệt được yêu quái với người thường thì ắt tán gia, vong mạng ; lầm lẫn tiên phật với ma quỷ thì không thể thoát thiên la địa vong, trùng phạt khốc hại... Ấy vậy mà, tu mãi tu mãi, tu đến như ta đây là chưa nhầm nhòi gì, còn tu nữa, mãi nữa, thì sẽ đến một thái độ nhập cả ba : Tiên Phật, người thường và yêu quái thành một. Vậy thì đặt ra ba loại tên gọi khác nhau ấy để làm gì nữa ? Chia ba tầng thế giới ra làm gì ? Và tu để làm gì nữa ? Lịch trình tinh tấn của tâm não con người há lại giống một thứ nhiều sự vậy chăng ?... Than ôi, lời Đức chí tôn thật chí lý ! Chẳng qua là tại huệ nhân ta thấp kém, hạnh phẩm ta ven xo, nhợt nhạt đó thôi. Ta đang đáp lại chính nó — Huệ nhân ấy, Hạnh phẩm ấy — đấy thôi.

II. Hội tuyển nhân sứ

Rạng sáng, rồi nắng đẹp.

Chuông chùa Lôi Âm bỗng đóng dả từng hồi dài. Có một đoàn thường nhân đủ nam phụ lão ấu tới chiêm bái Tây Thiên, kính mong được tiếp kiến đàm luận thân ái hoà đồng với một Nhân Sứ.

Nghe báo, Như Lai điểm đậm :

— Một Nhân Sứ — một sứ giả, một đại diện của con người nơi Tây Thiên này ư ? Để ta ra trước xem.

Như Lai xuất hiện, hào quang ngũ sắc toả sáng loà nơi thềm cỏ Lộc Uyển ngay trước Lôi Âm tự. Ánh sáng cũng làm phùng phùng lung linh luôn cả đoàn người

đang dập đầu bái Phật. Tiếng ngài lồng lộng :

– Chính ta ra tiếp các ngươi đây.

Vị trưởng lão dẫn đầu đoàn người bèn chắp tay, thưa lên :

– Kính lạy Đức Chí Tôn, vinh hạnh này thật khôn kẽ xiết. Nhưng... Chúng tôi muốn được gặp một Nhân Sứ đích thực. Ngài đã từng là Thái tử Tất Đạt Đa xưa, từng có vợ có con, từng là một người. Nhưng điều đó đã quá lâu rồi. Bây giờ, tượng Ngài ở khắp mọi nơi, và dẫu bằng gì : đất, đá, đồng đèn hay gỗ mít phủ sơn then, bê-tông cốt thép hoặc nhựa tái sinh... thì bất phân chất liệu, mọi người cứ thấy là đã tự nhiên hương khói nghi ngút, chắp tay quỳ rạp, mợp đầu, thổn thức hoặc rút kín khẩn. Đối với một người ai lại như thế ? Xin Đức Chí Tôn lượng thứ.

Như Lai gật gù, đoạn khoan dung hỏi tiếp :

– Vậy, liệu kẻ nào nơi đây gần gũi nhất với các ngươi ? Hay là bốn thầy trò cái đoàn đã đi lấy kinh của ta về phổ độ cho các ngươi ?

– Dạ... có lẽ là vậy.

Như Lai quay lại phất áo :

– Bớ Thiên Đàm Công Đức Phật !

Từ sau lưng Phật Tổ, Đường Tăng khoan thai đi ra, từng bước như nhún theo tiếng nhạc. Nhưng cả đám thiếu nhi bỗng nhao nhao :

– Chúng cháu không nói chuyện với ông này đâu.

– Miệng ông ấy luôn bảo : Thật thà là căn cốt của người tu hành, nhưng chính ông ấy lại mở đầu việc thâu nạp đồ đệ bằng một điều đối trả, lừa Tôn Ngộ Không mặc vào bộ quần áo trấn yểm và đội chiếc mũ Kim cô... Trùm bít bợm, xấu lắm !

– Khi mắc nạn vụ mấy quả nhân sâm, ông ấy đã đe Tôn Ngộ Không : “ Nếu không tìm được cách thoát thì ta lại niệm chú ”. Người nhân hậu tử tế ai lại lấy cái đau đớn lăn lộn của đồ đệ làm sức ép bắt bí, cốt hòng thoát cái thân mình như thế bao giờ...

– Ông ấy chỉ nhằm đạt mục đích của mình toàn bằng công sức của người khác, toàn những người tài giỏi, hữu ích hơn ông ấy bao nhiêu...

– Ông ấy là một con người giả. Chúng cháu ghét ông ấy lắm.

Như Lai còn đang ngạc nhiên thì Đường Tăng đã xấu hổ, che mặt, quay vào.

Phật Tổ hướng về phía đám trẻ :

– Chắc bọn bay chỉ thích được gặp Tôn Ngộ Không.

Chúng thiếu nhi liền vui sướng dạ ran.

Một cái phẩy tay của Như Lai. Đầu Chiến Thắng Phật nhảy phóc ra, quắp một chân, vòng tay, nhún mình chào :

– Lão Tôn đây !

Nhưng lão trưởng trưởng đoàn đã đứng dậy, vòng tay :

– Kính thưa Đại Thánh, lòng chúng tôi thấy đều xiết bao yêu kính, thích thú Đại Thánh, không riêng gì đám trẻ con kia. Nhưng há có thể gọi Ngài là người được chǎng ? Hắn Đại Thánh còn nhỏ thuở Ngài qua Đông Hải thần châu, dạt vào bờ, phải ra chợ nhót lấy áo quần mũ hài của đám người lơ đãng, rồi học đi, học đứng, học nói, học ăn đũa... sao cho tạm ra cái dáng người mà trà trộn được. Rồi đến khi đã đủ đầy quyền phép, Ngài cũng vẫn phải để cái đuôi mình thành một ngọn cờ đuôi nheo sau miếu. Tóm lại, xin Đại Thánh tha lỗi, trước sau Ngài vẫn chỉ là một con khỉ, không thể được gọi là một con người.

Đầu Chiến Thắng Phật gãi tai cành cách rồi cười khèc khèc vang động.

– Chí phải ! Cái lão già chắt chút ta này nói chí phải. Ta biến nhé !

Dứt lời, nhún mình, mất tăm dạng. Chỉ còn thấy dư âm khèc khèc đã lẩn vào phía sau Như Lai.

Dưới một tán lá bồ đề mé cạnh, Tịnh Đàm Sứ Giả Trư Bát Giới cũng lúc cúc tai lủi. Bụng nghĩ : “ Anh ta như chuông khánh còn chǎng ăn ai vì lốt khỉ, huống ta, mảnh chính thối lốt lộn, lười biếng, tham ăn, háu gái còn bè bè in đậm trong tâm não lũ thường nhân này, thì còn ló mặt ra làm gì. Thôi, đi về toà sen, làm một giấc ngủ ngày, há chǎng sung sướng tênh tang hơn sao ? ”.

Thế là chỉ còn mỗi một danh tính : Kim Thân La Hán Sa Ngộ Tịnh.

Lão trưởng trưởng đoàn vòng tay :

– Xin cho chúng tôi được gặp người.

Như Lai thoảng cau mày, rồi hiền hoà cất lời :

– Chǎng hay nhà ngươi không biết Sa Tăng là nhân vật nhạt nhẽo nhất trong số bốn thầy trò Tây Du chǎng ?

– Dạ, chúng con biết rõ như vậy. Nhưng còn biết rõ hơn : Nhạt nhẽo là thuộc tính thứ nhất của Con Người. Đức Chí Tôn thử ngẫm xem : Trong một cuộc huyết chiến, số người chết được ghi đúng họ tên so với số người tánh mạng vô danh quả là hạt cát giữa sa mạc. Rồi gộp tất tật

những cuộc huyết chiến vì nghĩa cả ấy lại, thì tổng số người chết lại chǎng thâm thấp vào đâu so với người chết vì địch hạch, vì bão chau chấu, vì sóng thần, động đất, núi lửa, vì các lục địa nứt ra trôi giật, vì những hố đen trên mặt trời tự nhiên cựa quậy, những đám bụi mặt trời lá xuồng hay cuộn lên không hề dự báo... Thủ hồi, muôn triệu sinh linh ấy, sau khi tan biến, liệu có để lại chút xíu dư vị hơn một hạt muối. Sa La Hán nhạt nhẽo, tức là đích thi Con Người. Xin Đức Chí Tôn cho phép...

Như Lai chép miệng, đĩnh đạc :

– Lão già mồm mép kia, ngươi lại không biết cả chǎng vạn lý Tây Du, Sa Tăng chỉ suốt suốt gồng gánh ?

– Dạ, gồng gánh, vai hẵn lên mọi vết bầm vết chai của các sức nặng, là âm bản của nhạt nhẽo. Gồng gánh suốt đời là thuộc tính thứ hai của Con Người. Vả lại, chính các đại đức, thượng toạ thường truyền dạy cho chúng con rằng : “ Đứa hài nhi vừa được sinh ra đã có chiếc đòn gánh vô hình nơ vai, và chiếc đòn nợ chỉ rời ra khi nó đã nằm trong quan tài ”. Xin Đức Chí Tôn cho chúng tôi được gặp Nhân sứ Gồng Gánh ấy : Sa La Hán.

Phật Tổ nép một nhịp thở dài, xuất ngôn chiêu cuối cùng :

– Này, lão đầu đàn đáo để, các ngươi mời gọi một kẻ đã từng ăn thịt người... tha thiết đến thế hay sao ?

– Dạ. Chúng con biết rõ và nhớ. Sa Tăng đã từng ăn thịt người. Nhưng chúng con còn biết và nhớ hơn : đó do khi Người bị hãm vào cảnh cùng cực đói khát. Ở cảnh ấy thì đã có biết bao nhiêu kẻ đồng hành ăn thịt nhau ! Chồng ăn thịt vợ, mẹ ăn thịt con... Đức Chí Tôn ơi ! Đau đớn thay ! Có thể ăn thịt người khi đói khát cùng cực cũng là một thuộc tính của Con Người.

Chợt không thấy Như Lai đâu nữa. Hào quang ngũ sắc cũng tan biến...

Và trong ánh sáng thường tình, giữa sắc xanh cây lá, cỏ hoa thường tình... Sa Ngộ Tịnh bước ra, nhập vào đoàn người, cả bọn kéo nhau vào Lộc Uyển râm mát, quây quần trò chuyện...

III. Tống biệt hành

Đã lại tròn một tuần trăng. Một đêm...

Sa Ngộ Tịnh đến trước Như Lai, áp hẵn đầu vào vế đùi Ngài, ngược lên, khấn nài :

– Thống phụ chí tôn... Xin Người cho con được phế bỏ toàn bộ công lực của một La Hán, hạ sơn, độc cô hành Đông du về lại sông Lưu Sa xưa, làm một người

thường chài lưới trên sóng nước, chiều chiều thổi một ống tiêu, nhấp một ngụm rượu, nướng con cá nhỏ, và đợi một người đàn bà, lấy vợ sinh con... Sau nữa, thành thường nhân rồi, qua Ngũ Hành Sơn, con sê hái được lá dâu gửi về cho Người.

Như Lai thấy nao lòng. Ngài cúi xuống, đặt tay lên vàng trán Sa Ngộ Tịnh, thăm ban thiện phước, rồi khẽ khàng :

– Thôi, con đi. Cảm ơn con đã nghĩ đến ta. Việc đó nếu tiện, cũng nên làm.

★

Phút giã biệt giữa bốn thầy trò thật là bi ai rịn.

Đường Tăng trao tấm Cẩm Lan cà sa :

– Nay con, đây là áo khoác đi đường, cuộn lại làm gối, trải ra làm chăn khi ngủ, vải xe băng bó và lau rửa những vết thương...

Ngô Không tháo vành Kim Cô :

– Xưa, đây là nỗi đau, là sức ép, nỗ mạnh hơn cả ta. Nay, nỗi đau không còn nhưng sức mạnh vẫn vẹn nguyên đó, lại thêm cào cả tình anh em của ta. Khá giữ lấy, phòng khi thậm nguy nan.

Bát Giới thót bụng, há miệng, q một tiếng. Củ nhân sâm hồng tươi nguyên vẹn liền vọt ra :

– Đó ! Phàm những thứ nuốt chửng, đâu có được lên ngự trên toà sen rồi, vẫn không thể tiêu biến. Chú cầm lấy, đừng chê, nhỡ khi lỡ bữa đói lòng...

Sa Nhân Sứ bái tạ thầy và hai anh lần cuối hồi lâu, rồi quay gót thoăn thoắt xuống núi.

Ba thầy trò vẫn đứng mãi, hun hút ngóng theo... thốt nhiên, thầy đều rùng mình ớn lạnh.

Như hơi ấm đã quẩn bám, đã đi theo từng bước chân người họ Sa xuống dần, xuống dần, tít tắp tận dưới kia — nơi đám bụi vẫn hồng hồng vừa khoả lấp, vừa thâu nhận thêm một hạt bụi người — Nơi xóm chợ chân núi, xao xác đủ tiếng chó gà, tiếng trâu ngựa, tiếng vẹt yểng... và tiếng người.

Chỗ thầy trò giã biệt trên núi cao ấy, mãi sau mới có người biết ! Có ba pho tượng đá, ba cặp mắt đá, không có con

CÙNG VỚI VŨ ĐIỆU CỦA CÁI BÔ (của Nguyễn Quang Thân, xem *Diễn Đàn* số 6), truyện ngắn NHÂN SỨ của Hoà Vang đã được tặng giải nhì Cuộc thi truyện ngắn 1991 của tuần báo Văn Nghệ.

người, nhưng vẫn rõ hướng ngong ngóng dõi theo con đường xuống núi. Nhiều người đem đèn nhang hương hoa tới bái tạ, cầu cúng. Lâu lâu, nhận ra rằng : Phàm việc cao khoát quảng đại đều không mấy ứng nghiệm. Có chăng cũng chỉ ang áng lơ mơ. Vận vào bảo đúng bảo sai đều

được. Nhưng những thỉnh cầu nhỏ rõ, cấp bách thì thực linh ứng. Ví như : Đói rã, khát lả. Lại ví như : Mất ngủ, lở ngứa, đau đầu, đầy bụng... thì chỉ thành tâm lẽ khẩn trong vòng một tuần nhang cháy trọn ắt đều được như nguyện.

Hoà Vang

Chuyện Làng Văn

Treo bút Trần Huy Quang : Như chúng tôi đã đưa tin (*Diễn Đàn* số 10), nhà văn Trần Huy Quang, biên tập viên tuần báo Văn Nghệ của Hội nhà văn Việt Nam, đã bị cách chức ngay sau khi truyện ngắn *Linh nghiệm* của ông được đăng trên báo Văn Nghệ (số 27, ngày 4.7.92). Vừa qua, ban chấp hành HNV còn quyết định *treo bút* nhà văn này trong hai năm. Cụ thể hơn, theo lời giải thích của ông Vũ Tú Nam, tổng thư ký, trong thời gian hai năm, không một tờ báo hay nhà xuất bản nào thuộc Hội nhà văn được phép đăng tác phẩm của Trần Huy Quang.

Hội nhà văn là người chủ pháp lý của tờ báo Văn Nghệ. Trần Huy Quang là một người làm công ăn lương. Vì một lý do nào đó, người chủ có quyền sa thải nhân viên của mình ; điều đó có thể hiểu được, và nếu lý do là chính đáng, có thể chấp nhận được : thời buổi kinh tế thị trường mà. Nhưng đã mang danh nghĩa một hội nhà văn, mà dám quyết định trước là sẽ không đăng mọi tác phẩm, kể cả tác phẩm chưa viết, của một nhà văn, thì không còn là vấn đề sa thải, hay cách chức nữa, mà là vấn đề từ chức hay tiếm quyền. Các "nhà văn" đó quả là đã từ chức nhà văn và tiếm quyền công an của thời Nhân văn Giai phẩm cách đây hơn 30 năm hay của ông Kim Nhật Thành ngày nay ở Triều Tiên.

Treo giải hay không treo giải : Kỳ trước, khi giới thiệu truyện ngắn *Dùa của tạo hoá* (sáng tác của Phạm Hoa, giải ba cuộc thi truyện ngắn 1991 của báo Văn Nghệ), chúng tôi đã nhận xét là 11 truyện được tặng giải nhì và giải ba, nói chung, đều rất khai. Ngược lại, truyện được giải nhất (*Kết án nhân lương thiện* của Lại Văn Long) lại kém, và nếu căn cứ vào chủ đề tư tưởng, cũng không thể nói vì sức ép chính trị mà nó được giải. Thật là điều khó hiểu. Những bạn trong nước cho biết : sức ép thì có, nhưng đó là sức ép kinh tế, nghe đâu hội đồng giám khảo muốn "khuyến khích" một tác giả phía nam để chiều lòng những công ty phía nam làm sponsor. Kinh tế thị trường mà.

Trái lại, chắc không phải vì sức ép kinh tế mà Hội nhà văn không treo giải thưởng văn học cho những tác phẩm xuất bản năm 1991, ngoại trừ tập thơ (nghe nói khá hay) của một tác giả quá cố. Giải thưởng năm 1990 trao cho 3 cuốn tiểu thuyết giá trị và tập lý luận văn học của Lê Ngọc Trà, đã bị giới báo thủ phản ứng mãnh liệt. Sau thời *im lặng đáng sợ*, phải chăng là thời *im lặng của sợ hãi* ?

K.V.

Trúc Lâm thiền viện

9 rue de Neuchâtel, 91120 Villeneuve s/Yvette

Tất niên Giao thừa : thứ sáu 22.1.93

(30 tháng chạp Nhâm Thân)

17 g : tiến cúng tổ tiên

18 g : Lễ Phật, trà đạo

Tết Quý Dậu :

Mồng 1, 2 và 3 Tết (23, 24, 25.1.93), đón khách
thập phương từ 10 g đến 18 g

12 giờ : cúng ngọ và tiến cúng các vong linh

đón đọc

DIỄN ĐÀN

16

SỐ TẾT QUÝ DẬU

ra đầu tháng 2.93

diển sách mới

NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆT NAM

chọn lựa sống còn trước nhu cầu phục hồi xã hội
và phát triển kinh tế

Nhà xuất bản Trăm Hoa (P.O. Box 4692, GARDEN GROVE, CA 92642, Hoa Kỳ), 1992, 464 trang, giá bán 22 US\$.

Đây là tập hợp một số phát biểu về những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo của (hay liên quan tới) Việt Nam. Tác giả là những người ở trong nước hoặc ở nước ngoài. Trong nước, ngoài hai bài phát biểu từ năm 1977 của cố thượng toạ Thích Thiện Minh và cố tổng giám mục Nguyễn Kim Điền, đó là những tài liệu được viết trong khoảng thời gian 1989-1991, một phần lớn đã được đăng trên báo *Đoàn Kết* những năm này. Ngoài trừ Hội đồng giám mục Việt Nam, các tác giả hầu hết là những cán bộ cao cấp chủ trương đổi mới (Trần Xuân Bách, Nguyễn Hộ), những trí thức cộng sản hay tiến bộ (Hoàng Minh Chính, Lương Dân, Phan Đình Diệu, Phạm Xuân Đài, Lê Hồng Hà, Dương Thu Hương, Lữ Phương, Kim Tính, Lý Chánh Trung, Nguyễn Khắc Viện, Trần Quốc Vương) hoặc thuộc thành phần ba hiện nay đang bị quản thúc hay giam giữ (linh mục Chân Tin, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế).

Các tác giả ngoài nước : Vương Hữu Bột, Nguyễn Duy Chính, Phan Tân Hải, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Hương, Thập Lang, Phạm Trọng Luật, Hoàng Sử Mai, Thân Trọng Mẫn, Trần Bình Nam, Đỗ Hữu Tài, Bùi Chánh Thời, Lê Thủ, Bùi Tín [theo cách xếp của ban biên tập cuốn sách], Nguyễn Hoài Vân, Trương Vũ).

TỪ DIỂN TIẾNG VIỆT

Hoàng Phê chủ biên, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà Nội 1992, 1148 trang.

Đại diện bản quyền ở ngoài nước : Vietnam Publications, 82 Wall Street, Suite 1105, NEW YORK, NY 10005.

Đây là tái bản của cuốn từ điển cùng tên, do Nhà xuất bản khoa học xã hội xuất bản năm 1988. So với lần trước, bộ biên tập cho biết đã sửa 2 770 định nghĩa, sửa hoặc thay 3 510 thí dụ minh họa, bổ sung 2 090 mục từ mới (trong tổng số khoảng 35 000 mục từ).

Tôi đã có lần ví từ điển với chiếc xe hơi mới ra, lái thử cho biết vậy thôi, chứ phải có thời gian sử dụng mới có thể khen chê chính xác. Vậy chỉ xin nêu vài nhận xét về những cái mới và ưu điểm dễ thấy của cuốn này :

1) Cách đây 4 năm, tôi có góp ý kiến về một số định nghĩa (bật lửa, đôminô, ghế...) (*Đoàn Kết* số 408), nay tò mò đọc thử, thấy các tác giả đã sửa lại cả, và thêm cả từ *tabu* còn thiếu.

2) Trong bài “ Bỏ dấu ở đâu ” (*Điển Đàm* số 13) có thông báo là cuốn Từ điển chính tả Hoàng Phê mới in cũng đã chủ trương bỏ dấu theo kiểu thống nhất. Nay xin sửa lại cho đúng : đó chính là cuốn Từ điển tiếng Việt do ông Hoàng Phê chủ biên (còn cuốn

Từ điển chính tả, thì chưa biết bao giờ mới in lại). Nói rõ hơn : nhờ chương trình bỏ dấu tự động, tất cả các dấu trong cuốn từ điển này đều bỏ đúng chỗ (tất nhiên, vẫn còn những lỗi in sai khác, nhưng dường như ít).

3) Một cuộc cách mạng thăm lặng rất đáng hoan nghênh : bản in năm 1988 còn chủ trương loại bỏ những chữ tục, bản 1992 này đã từ bỏ cái chủ trương kỳ quặc ấy. Bạn nào muốn biết có bao nhiêu chữ tục, định nghĩa đúng sai thế nào, xin tìm đọc cuốn Từ điển rất có giá trị này.

Ở nước ngoài, nếu không nhờ được người thân mua và gửi từ trong nước, bạn có thể đặt mua qua Viet Publications (xem địa chỉ ở trên). Giá mua, kể cả cước phí : 34,5 US\$ (đường thuỷ + bộ), 40 US\$ (đường hàng không).

Đoàn Thu Phong & Nguyễn Thị Phương

BÀI MẪU TIẾNG VIỆT (Môn thi sinh ngữ Tú tài Pháp)

khổ 21x29, 86 trang, tác giả xuất bản, 50 FF (có bán tại Nhà Việt Nam, 23 rue Cardinal Lemoine, Paris 5 ; hay đặt mua qua bưu điện : M. Đoàn Thu Phong, 28 ave Champagne, 33600 PESSAC, cộng thêm cước phí 15 FF).

Hữu xá tự nhiên hương : khỏi cần giới thiệu dài dòng tập tài liệu bổ ích này. Tất cả những ai có con em chuẩn bị thi tú tài Pháp, từ nay khỏi cần đi lục lọi tủ sách, sao chụp mười bài văn và loay hoay chú thích, biên dịch. Mong rằng có bạn sẽ trả công hai nhà khoa học Đoàn Thu Phong (vật lý hạt nhân) và Nguyễn Thị Phương (sinh hoá) bằng cách góp ý kiến, phê bình để cải thiện tập tài liệu này trước khi tái bản.

Pierre Salama & Trần Hải Hạc

INTRODUCTION A L'ECONOMIE DE MARX

Collection Repères, Ed. La Découverte, Paris, 1992, 128 tr.

Ba năm sau khi bức tường Berlin sụp đổ, mà ra một cuốn sách dẫn nhập kinh tế học của Marx, chắc có người ngạc nhiên. Bài mở đầu sẽ trả lời thắc mắc ấy, và trả lời hay. Công lao của Marx trước hết là một phương pháp phân tích chủ nghĩa tư bản. Quan điểm của hai tác giả là : cách tiếp cận mác xít ngày nay vẫn còn giá trị không những để tìm hiểu chủ nghĩa tư bản, sự vận hành, tính năng động và những nhược điểm của nó, mà còn giúp ta hiểu tại sao chủ nghĩa tư bản có khả năng tự đổi mới. Đây là một sách giáo khoa, viết cho sinh viên cấp một đại học và các giáo sư giảng dạy kinh tế học ở hai năm cuối trung học. Và cho cả những ai muốn độc lập suy nghĩ.

Thu Trang Gaspard

HỒ CHÍ MINH A PARIS (1917-1923)

L'Harmattan, Paris, 1992, 272 trang, lời tựa của P. Devillers

Đây không đơn thuần là bản dịch tiếng Pháp của cuốn Nguyễn Ái Quốc tại Pari 1917-1923 mà Thu Trang đã xuất bản trong nước (tại Hà Nội năm 1989 và tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 1990). Tác giả đã cố gắng đưa thêm những dữ liệu nhằm giúp độc giả đánh giá sự chọn lựa của Nguyễn Ái Quốc trong bối cảnh những năm sau Thế chiến lần thứ nhất.

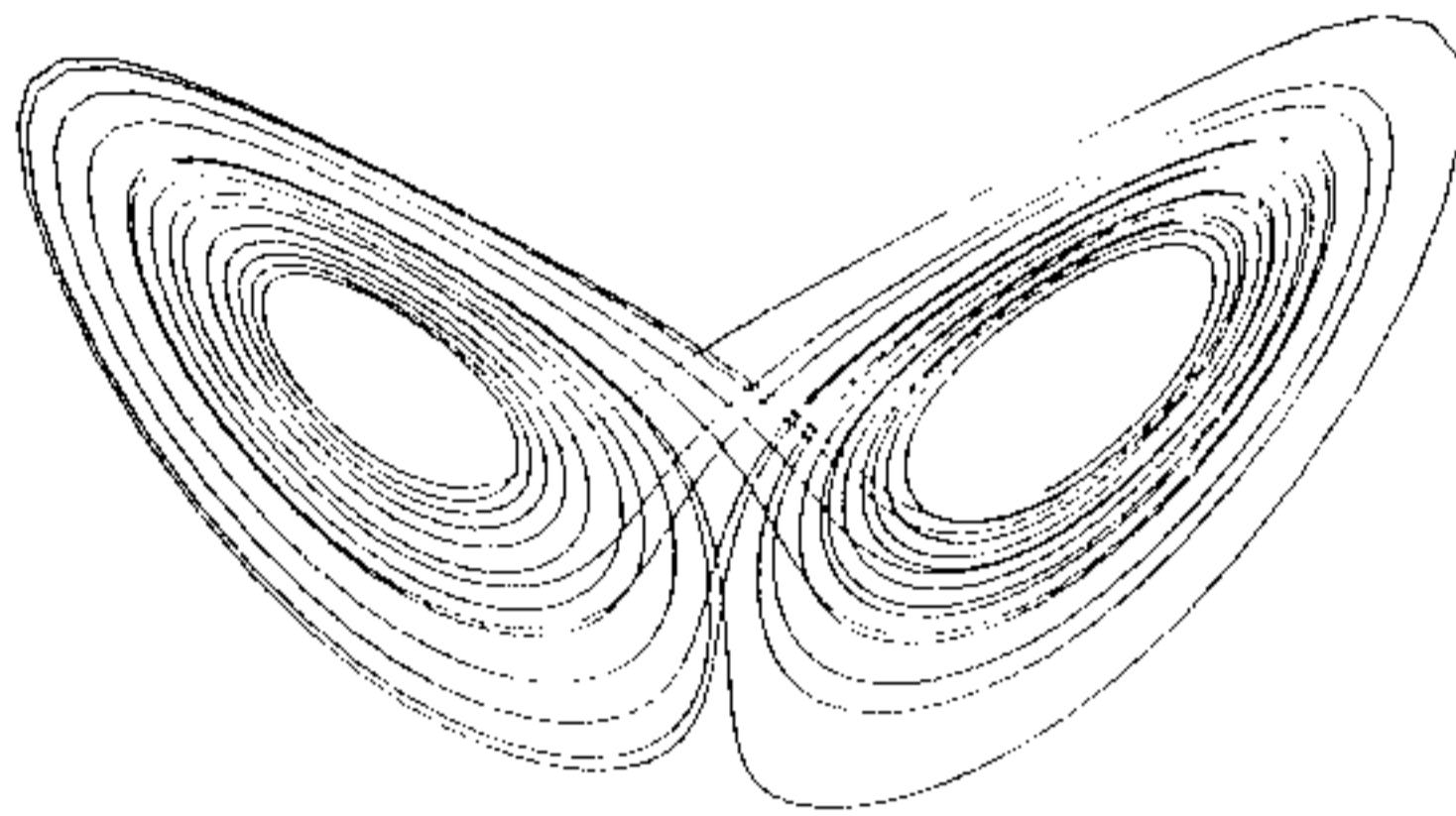
Ưu điểm lớn nhất là Thu Trang đã bỏ nhiều năm tháng lục lọi trong kho văn khố Pháp để tìm ra các báo cáo của những mặt thám được phân công theo dõi Nguyễn Ái Quốc, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường..., qua đó, người đọc hiểu thêm được diễn biến mối quan hệ thân thiết giữa ba nhân vật lịch sử này.

Có điều xin hỏi tác giả : trích dẫn Trần Dân Tiên mà không
(xem tiếp trang 32)

Tìm trật tự trong hỗn loạn

*... Buom buồm luồn hoa lò lung luồn,
Chuồn chuồn đạp nước ngắn ngo bay...*

Khúc Giang, Đỗ Phủ
(trích trong *Đỗ Phủ*, Nhà thơ dân đen của Phan Ngọc)



1. Con bướm vỗ cánh ở Bắc Kinh...

Đời người ngắn ngủi. Kỳ trước ⁽¹⁾ đã giới thiệu con chuồn chuồn, kỳ này xin hầu chuyện con bướm bướm. Không phải con bướm bướm mộng ảo trong giấc mơ Trang Tử, cũng không phải con bướm cánh đẹp chóng qua trong cuộc đời đầy đau khổ của Đỗ Phủ. Ở đây chỉ xin nói tới con bướm bướm của nhà khí tượng học người Mỹ Edward Lorenz, một con bướm bướm thứ ba sẽ đi vào kinh điển. Con bướm này thực tế hơn, cánh vỗ của nó chỉ đón chào một ngành khoa học mới vừa ra đời : lý thuyết của sự hỗn loạn, mà Lorenz đã tiên phong khoảng đầu những năm 60. Dĩ nhiên bài báo này chỉ có tham vọng giới thiệu vài cuốn sách hay, phổ biến chủ đề “hỗn loạn”.

“*Hiệu ứng bướm bướm*” (effet papillon) được khẳng định trong một thông báo khoa học của Lorenz : “*Về khả năng dự đoán : một con bướm vỗ cánh ở Brazil có thể gây ra cơn gió lốc tại Texas ?*”, đọc tại Washington ngày 29.12.1979. Lúc này thì Lorenz đã được trọng vọng trong giới khoa học như một “võ lâm minh chủ” rồi. Nhưng phải đợi đến ngòi bút của ký giả khoa học James Gleick trong cuốn “*lý thuyết về sự hỗn loạn*” ⁽²⁾ – một trong những sách hiếm hoi phổ biến khoa học mà lại bán rất chạy (best-seller), đến độ đã được dịch ngay ra 11 thứ tiếng –, thì mới có một câu được truyền rộng qua các báo chí phổ biến khoa học, bây giờ nhiều người biết : “*một con bướm vỗ cánh hôm nay ở Bắc Kinh có thể làm thành bão tố tháng sau ở Nữu Uốc*”. Để ý sự cải biên của J. Gleick, cho thấy sự khác biệt giữa nhà khoa học chân chỉ hặt bột và nhà báo của Nữu Uốc thời báo, biết rút cái dây làm động cái rùng truyền thông (media).

Nhưng con bướm gì mà ghê gớm thế ? Thật ra đây chỉ là

một hình tượng không thể hiểu rõ – mà còn dễ hiểu lầm – nếu bị đặt ra ngoài khung cảnh những khái niệm và phương pháp của môn “hỗn loạn học”.

2. Nhạy biến theo điều kiện khởi đầu

(*sensibilité aux conditions initiales*)

Thế nào là hỗn loạn ? Trước hỗn loạn người ta cảm thấy bất lực vì không biết tình hình sẽ diễn biến ra sao ! Cái bất lực của Đỗ Phủ trong thời buổi nhiễu nhương và cái bất lực của nhà khoa học cách đây 30 năm thôi, trước một dòng nước xoáy trộn, là một, tuy mức độ có khác nhau. Không biết tại sao, thế nào và có thể làm gì ? Một tình hình như vậy dĩ nhiên có nhiều yếu tố, nhiều tham số (*paramètres*) có thể nhận biết, nhưng cái khó là làm chủ được sự biến thiên của một tổng thể hỗn loạn. Người làm khoa học từ trước tới nay nói chung vẫn theo một bài bản : quan sát, lập mô hình, dự báo, thí nghiệm hay/và kiểm nghiệm. Dự báo một cách chính xác có nghĩa là lập ra các hàm số biến thiên theo thời gian để tính toán cái sẽ xảy ra trong tương lai, trong điều kiện biết rõ những điều kiện khởi đầu.

Những hệ thống nhạy biến theo điều kiện khởi đầu là những hệ thống sẽ gây ra hỗn loạn (chaos) hoặc tai biến (catastrophe, không bàn ở đây) vì không thể tiên đoán tương lai chúng được, lý do giản đơn là không ai có thể đo đạc tuyệt đối chính xác cái khởi đầu, do đó sẽ “ sai một ly đi một dặm ”. Nhà khí tượng cũng lầm có thể đo áp suất khí quyển, vận tốc gió, nhiệt độ và độ ẩm trong không khí v.v... một vài lần mỗi ngày, ở vài trăm ngàn điểm ; do đó dự báo thời tiết trong vài ngày thì được, chứ quá một tuần hiện nay còn là chuyện viển vông. Lorenz là người nhận thấy rằng các phương trình biến thiên của khí tượng thuộc vào loại các phương trình rất “ nhạy cảm ” ; đến nỗi nếu thay đổi tham số ban đầu một chút thôi, bằng cái vỗ cánh của con bướm bướm, thì mô hình dự báo một tuần sau sẽ khác hẳn . Gió lốc có thể xảy ra. Trong cơ học cổ điển, chỉ cần những hệ thống có từ ba tham số trở lên (không kể thời gian) là đã có thể nhạy biến ; nói nhạy biến đây là không phải sai số của kết quả bằng mười, bằng trăm hay nghìn lần sai số ban đầu, mà là khác hẳn, không lường được ; đến cái độ phải nói một cách kinh điển là : “*lượng biến thành chất*”. Ngày nay người ta đã biết là dự báo khí tượng quá một tháng bằng cách tính toán là chuyện không thể có – tuy nhiên vẫn có thể dự báo cách khác : khí hậu ở đây tháng tới sẽ giống như đa số những gì đã xảy ra cũng tháng ấy trong vòng một trăm năm vừa qua, chẳng hạn – vì theo David Ruelle đã ước tính, trong “*Ngẫu nhiên và hỗn loạn*” ⁽³⁾, một tháng là khoảng thời gian cần thiết để cho một hạt điện tử, chỉ một thôi, ở xa trái đất mười tăm năm ánh sáng tác động trên mô hình dự đoán ở mức độ có hay không có gió lốc.

Tóm lại đây vẫn là con bướm bướm mộng ảo ! Cả cánh vỗ và bão tố đều nằm trong mô hình chứ không phải trong cuộc đời. Cũng không phải do cái dở của mô hình, dù là mô hình chính xác nhất, tính toán bằng những phương tiện hiện đại nhất. Bước đầu của “*hỗn loạn học*” là sự ghi nhận dứt khoát, một bản án cuối cùng về sự bất lực của khoa học chính xác trước một số hiện tượng.

3. Tìm những mô hình cho hỗn loạn

Thế nhưng thua keo này ta bày keo khác. Khung cảnh đã chín mì để một lực lượng đông đảo những người nghiên cứu

về toán, vật lý, thuỷ động học, sinh thái học, sinh lý học... đều mọi ngành nghề lao vào đi tìm cái bản lai điện mục của hỗn loạn trong những đối tượng nghiên cứu của mình. Bước đầu đã rút ra được những kết luận hữu ích, soi sáng bước đi trong ngành nghề.

Hữu ích ở nhiều điểm. Thứ nhất để tránh xảy ra hỗn loạn, cái tối kỵ của kỹ thuật gia trong nhiều ngành : làm tua-bin, làm cánh máy bay, làm các hệ thống điều khiển tự động v.v... Điều này thì từ trước vẫn thế nhưng bây giờ những điều kiện để xảy ra hỗn loạn đã được biết rõ hơn rất nhiều. Thứ nhì, trong vài trường hợp, để gây ra một sự hỗn loạn tốt hơn. Chẳng hạn, người ta cần không khí và hơi xăng được xoáy trộn rất đều trong phòng đốt của động cơ nổ hay của động cơ phản lực. Trong vòng hai mươi năm nay năng suất của động cơ nổ đã được tăng lên đáng kể. Thứ ba, từ trước, khi quan sát những chuỗi số có vẻ hỗn loạn trong sinh thái học, sinh lý học (nhịp tim...) người ta có hai khuynh hướng : hoặc bỏ qua, cho rằng máy đo bị trục trặc, bị nhiễu ; hoặc cho rằng mô hình không chính xác và đi tìm những nguyên nhân khác để bối rối mô hình một cách vô bổ. Đến nay thì nhiều khi những chuỗi số đó có giá trị như sự phát hiện một mô hình tốt, nhạy biến với điều kiện khởi đầu và không còn lý do nào ở đâu xa.

Khi nói đến khung cảnh của một phong trào nghiên cứu khoa học là nói đến những phương pháp toán học thích hợp và công cụ để sử dụng nó. Công cụ đã có : máy tính điện tử. Phương pháp toán học cũng đã có : tôpô học (topologie) trong không gian nhiều chiều, không gian pha (espace des phases) ; và các quy trình hay cấu trúc đệ quy (structure récursive). Phải nói rằng nhà toán học Pháp Henri Poincaré đã viết ra hết sức rõ ràng về cái ngày nay gọi là hiệu ứng bướm bướm và chính ông đã có những công trình cơ bản về tôpô và không gian pha từ đầu thế kỷ. Nhưng lúc bấy giờ chưa có máy tính điện tử nên chỉ có thể nói về mặt lý thuyết. Một phương pháp lớn nữa là các giải thuật và cấu trúc đệ quy của tin học, thoát thai từ lôgic toán. Người đã nhấn mạnh nhiều và truyền bá phương pháp đệ quy như là một cái kính chiết yêu để nhìn rõ sự hỗn loạn là B. Mandelbrot, nhà toán học Pháp làm việc cho công ty IBM. Nói tóm tắt, sự hỗn loạn có thể được mô tả bằng một cấu trúc đệ quy trong không gian pha. Đệ quy là nó tự giống nó (*auto-affinité, self-similarity*), đúng hơn là nó tự giống một bộ phận của nó. Phóng đại ra rồi lấy lại một bộ phận của bộ phận : lại vẫn thấy giống toàn thể ! Như cành cây thường giống thân cây, không phải chuyện tình cờ. Cấu trúc trong không gian pha có khả năng mô tả sự hỗn loạn được gọi là... “quỹ đạo hấp dẫn kỳ lạ” (*attracteur étrange*). Nó là cái gì thì ở đây xin chịu, mời bạn đọc các sách giới thiệu sẽ rõ hơn.

Xin hỏi nhỏ : khi đọc chướng bạn có biết môn võ “*kiến long tại diền*”, hay thân pháp “*lăng ba vi bộ*”... là cái gì đâu mà đọc vẫn thấy mê. Vì thế xin bảo đảm bạn sẽ mê “*Lý thuyết của sự hỗn loạn*” mà không biết “*không gian pha*” hay “*cấu trúc đệ quy*” là cái gì. Đây là một phong sự rất sinh động và rất công phu về một ngành khoa học mới, được viết ra như chuyện chưởng, hay đúng hơn, như Thuỷ Hử. Trong đó các nhân vật lần lượt xuất hiện, mỗi người một vẻ ; lại không thiếu những cuộc hội tụ, chia ly, hay kể cả đụng độ. Không phải tự nhiên mà nổi tiếng. Thêm nữa, nếu bạn chịu khó đọc kỹ (không có con đường để vương cho khoa học) thì lại rất bổ ích, dù cho bạn ở ngành nghề nào vì các khái niệm mới cũng được nêu ra khá rõ nét, tuy cách trình bày có hơi loãng. Tác

giả đã bỏ công phỏng vấn phần lớn các cao thủ có tên tuổi trên giang hồ.

Còn nếu bạn có cái bối cảnh một chút và thích văn phong của Ian Stewart, giáo sư toán và là người giữ mục giải trí toán học trong nguyệt san *Scientific American* từ nhiều năm nay, xin mời bạn đọc “*Phải chăng Thượng đế chơi xúc xắc ?*”⁽⁴⁾. Cũng dày chừng ấy trang (hơn 400), nhưng vì cô đọng hơn nên vừa nghiêm túc hơn về mặt toán lại vừa nêu ra được nhiều tác dụng hơn của hỗn loạn học.

Cuốn thứ ba xin giới thiệu là “*Ngẫu nhiên và hỗn loạn*” của David Ruelle, giáo sư vật lý lý thuyết tại Institut des Hautes Etudes Scientifiques. Ông là người đã cả gan phản bác lý thuyết về xoáy trộn (turbulence) của một võ lâm tiền bối là nhà bác học Nga Landau và sau này thí nghiệm đã chứng minh ông có lý. “*Ngẫu nhiên và hỗn loạn*” là tác phẩm của người trong cuộc, có cái nhìn vừa gần lại vừa rất xa, liên hệ hỗn loạn với nhiều ngành khoa học khác như toán học xác suất, kinh tế (một cách khiêm tốn) và cơ học lượng tử. Dày 250 trang kể cả phần phụ lục rất quý giá. Không đi vào bê rông nhưng đi vào chiều sâu.

Hàn Thuỷ

(1) Xem Diễn đàn số 12, tháng 10.1992.

(2) James Gleick : *La théorie du chaos, vers une nouvelle science* ; Albin Michel, 1989. Nguyên bản tiếng Mỹ : *Chaos* ; Viking Press, New York 1987.

(3) David Ruelle : *Hasard et Chaos* ; Odile Jacob 1991. Có bản tiếng Anh không rõ nhà xuất bản.

(4) Ian Stewart : *Dieu joue-t-il aux dés, les mathématiques du chaos* ; Flammarion 1992. Nguyên bản tiếng Anh : *Does God play dice ? The new Mathematics of Chaos* ; Penguin Books, London 1989.

điểm sách mới

(tiếp theo trang 30)

cho bạn đọc biết đó là một (trong nhiều) bút hiệu của chủ tịch Hồ Chí Minh, là tại sao ? Phải chăng tôi đọc không kỹ, hay tác giả không biết, hoặc biết mà không nói ?

Gấp cuốn sách lại, tôi ước mơ sớm được đọc một cuốn biên khảo với chủ đề *Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô 1934-38*, dựa vào văn khố (ngày nay đã có thể tham khảo) của Quốc tế cộng sản, và văn khố (ngày nay vẫn chưa ai được đọc) của cục KGB. Theo những nguồn tin riêng, hiện nay mới chỉ có hai nhà sử học (một Mỹ, một Nhật) đang làm việc này, dường như chưa có nhà sử học Việt Nam nào có điều kiện tiếp cận kho tàng sử liệu đó. Ai theo dõi lịch sử thật của Đảng cộng sản Việt Nam và tiểu sử thật của Nguyễn Ái Quốc cũng biết rằng những năm 1930 đóng một vai trò hết sức quan trọng : Nguyễn Ái Quốc không hề được trao một trách nhiệm chính thức trong Đảng cộng sản Việt Nam, không những thế, có thể khẳng định là ông đã bị xử lý vì nhiều tội trong thời kỳ này. Những điều ấy, cho đến nay, những tài liệu chính thức không hề nói tới, dù chỉ phớt qua. Sự thật về thời kỳ này sẽ cho phép chúng ta đánh giá đúng thập niên 1940, là giai đoạn mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc — trở thành Hồ Chí Minh — có điều kiện thực hiện đường lối cách mạng dân tộc mà trong thập niên trước, ông đã bị Quốc tế cộng sản lên án gắt gao.

N.N.G.